

PHỒ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XÂY DỰNG VĂN-HOÀ VIỆT-NAM
PHỒ BIÊN VĂN-HOÀ ĐÔNG-TÂY KIM-CÔ

Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn : 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gòn — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ V ★ SỐ 83 ★ 1-7-62

1.— <i>Cải-tỏ quan-trọng các kỳ thi</i>	B.Q.G.G.D.	6 — 9
2.— <i>Cao thấp</i>	Võ-quang-Yến	10 — 12
3.— <i>Nhân cuộc biêu-tình của sinh-viên</i> <i>Nhật phản đối các cuộc thi-nghiệm</i> <i>Bom Nguyên-tử</i>	Nông-Bằng-Giang	13 — 18
4.— <i>Những chặng buồn đêm (thơ)</i>	Phương-Tân	19
5.— <i>Nhân vật Xuân thu : Nguyễn-Huyền</i>	Thiếu-Son	20 — 26
6.— <i>Bức thư Paris : Mùa thi cũ</i>	Ng. Văn Cồn	27 — 30
7.— <i>Một giấc mơ hoa</i>	Duyên-Hồng	31 — 35
8.— <i>Quan phủ bị đón</i>	Ng. Đức Dũng	36 — 37
9.— <i>Hoa nở muộn (truyện ngắn)</i>	Lâm Vị Thủy	38 — 41
10.— <i>Anh-quốc nghiên-cứu không-gian</i>	John Hodges	42 — 45
11.— <i>Đáy, Phan thiết (thơ)</i>	Tâm-Đang	46
12.— <i>Cánh-đồng hạnh-phúc</i>	Vũ-Sinh	47 — 51

13.— <i>Tuần, chàng trai nước Việt</i>	Nguyễn-Vỹ	52 — 57
14.— <i>Đất Tây-Son, nơi phát-tích</i>	Bùi-Thúc	58 — 63
15.— <i>Đôi bạn gái</i>	Tuyết-Ái	64
<i>Bài chia ly (thơ)</i>	Lữ-Quỳnh	65
16.— <i>Ký-giả thuở trước</i>	Té-Xuyên	66 — 69
17.— <i>Nhật-ký của nữ sinh-viên Hải-ngoại</i>	Phương-Loan	70 — 76
18.— <i>Em (thơ)</i>	Trần Tuấn Kiệt	77
19.— <i>Mình ơi ! Uống rượu</i>	Diệu-Huyền	78 — 90
20.— <i>Nỗi lòng của thi-sĩ miền Nam</i>	Ng. Văn-Đỉnh	91 — 97
21.— <i>Đàn đêm (thơ)</i>	Hoàng-Ân	98
22.— <i>Y-học phổ-thông</i>	B.s. Ngô-quang-Lý	99 — 104
23.— <i>Mồ hôi nước mắt (truyện dài)</i>	Nguyễn-Vỹ	105 — 109
24.— <i>Thơ lên ruột</i>	Diệu-Huyền	110 — 111
25.— <i>Phồ Thông vòng quanh thế-giới</i>	Xuân-Anh	112 — 115
26.— <i>Sách báo mới</i>	Phồ-Thông	116
27.— <i>Thư bạn đọc</i>	Phồ-Thông	117 — 119
28.— <i>Đáp bạn bốn phương</i>	Diệu-Huyền	120 — 130

★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tạp-chí PHỒ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai cáo của các tác-giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

● Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.
● Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
● Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHỒ-THÔNG, printed in Việt-Nam.

**CẢI - TỒ
QUAN - TRỌNG
CÁC KỲ THI**

B. Q. G. G. D. ★

Tú tài II

1.— Các ban khoa học :

a) *Thi viết* : Thời-hạn : 1 giờ.

— Một số câu hỏi về một bài khảo-sát (45 phút).

— Phiên-dịch một đoạn ngắn trong bài khảo-sát đó (15 phút).

b) *Thi vấn-đáp*.

2.— Các ban văn-chương :

a) *Thi viết* : Thời-hạn : 3 giờ.

— Một số câu hỏi về một bài khảo-sát. Phiên-dịch một đoạn ngắn trong bài khảo-sát đó (1 giờ).

— Một bài tác-văn ngắn về một đề-tài phổ-thông (2 giờ).

b) *Thi vấn-đáp*.

IV.— SINH NGŨ II

— **Tú tài I** : Thời-hạn }
— Các ban Khoa-học : 1 giờ.
— Ban Văn-chương C : 2 giờ.

Một số câu hỏi về một bài khảo-sát.

— **Tú tài II** :

a) *Thi viết* : Thời-hạn }
— Các ban Khoa-học : 1 giờ.
— Ban Văn-chương C : 2 giờ.

**• TRUNG - HỌC
ĐỆ NHẤT CẤP**

★ TÚ TÀI I, II

**• TRUNG - HỌC
KỸ - THUẬT ...**

Một số câu hỏi về một bài khảo-sát.

b) *Thi vấn-đáp*.

V.— CỠ-NGŨ

HÁN - TỰ

— **Tú tài I**

Thi viết : Thời-hạn : 2 giờ.

Chép, phiên-âm và phiên-dịch một đoạn Hán-văn ra Việt-văn.

— **Tú tài II.**

a) *Thi viết* : Thời-hạn : 2 giờ.

Chép, phiên-âm và phiên-dịch một đoạn Hán-văn ra Việt-văn

— Viết ra Hán-tự một bài Hán-văn đã phiên-âm.

b) *Thi vấn-đáp*.

LA TINH

— **Tú tài I.**

Thi viết : Thời-hạn : 2 giờ.

— Một bài dịch La-tinh ra Việt-văn.

— Một bài dịch Việt-văn ra La-tinh.

— **Tú-Tài II**

a) *Thi viết* : Thời-hạn : 2 giờ.

— Một bài dịch La-tinh ra Việt-văn.

— Một bài dịch Việt-văn ra La-tinh.

b) *Thi vấn-đáp*.

VI.— TOÁN

— **Trung-học Đệ Nhất Cấp.** — Thời-hạn : 2 giờ.

— Một số câu hỏi (30 phút).

— Một bài toán (1 giờ 30).

— **Tú-Tài I và Tú-Tài II.**

1.— **Ban Khoa-học Toán** : Thời-hạn : 3 giờ.

— Một số câu hỏi (1 giờ).

— Một bài Toán (2 giờ).

2.— *Ban Khoa-học Thực nghiệm* : Thời hạn : 2 giờ.

— Một số câu hỏi (40 phút).

— Một bài Toán (1 giờ 20).

3.— *Các ban Văn-Chương* : Thời hạn : 1 giờ.

— Một số câu hỏi.

VII.— LÝ-HÓA

— *Tú-Tài I và Tú-Tài II.*

1.— *Các ban Khoa-Học* : Thời-hạn: 3 giờ.

— Một số câu hỏi (1 giờ).

— Một bài Toán (2 giờ)

2.— *Các ban Văn-Chương* : Thời-hạn : 1 giờ.

— Một số câu hỏi.

VIII.— LÝ-HÓA và VẠN-VẬT

— *Trung-học Đệ Nhất Cấp.* Thời hạn : 2 giờ.

— Một số câu hỏi Vạn-Vật (30 phút).

— Một số câu hỏi Lý-Hóa (30 phút).

— Một bài Toán Lý, Hóa (1 giờ).

IX.— VẠN-VẬT

— *Tú-Tài I và Tú-Tài II*

— Một số câu hỏi.

X.— SỬ, ĐỊA. CÔNG-DÂN GIÁO-DỤC

— *Trung-học Đệ-nhất-cấp, Tú-tài I và Tú-tài II.*

— Một số câu hỏi.

GHI-CHÚ : Số câu hỏi về các môn nói trên gồm ít nhất là 5 câu.

C — ĐIỀU-KIỆN DỰ THI

I.— *Trung-học Đệ-nhất-cấp*

Thí-sinh phải thuộc về một trong hai hạng sau đây :

a) Đã đậu bằng Tiểu-học được 4 năm ;

b) Đã học đủ 4 năm Trung-học từ Đệ-Thất đến Đệ-Tứ.

Thí-sinh trên 18 tuổi có thể được miễn điều-kiện về học-trình kể trên.

Thời-kỳ chuyên tiếp :

— Năm 1962, thí-sinh phải có học-bạ hay chứng-chỉ học-trình lớp Đệ-Tứ.

— Năm 1963, thí sinh phải có học-bạ hay chứng-chỉ học-trình hai lớp Đệ Ngũ và Đệ-Tứ.

— Năm 1964, thí-sinh phải có học-bạ hay chứng-chỉ học-trình ba lớp Đệ-Lục, Đệ-Ngũ và Đệ-Tứ.

— Từ năm 1965 trở đi, thí-sinh phải có học-bạ hay chứng-chỉ học-trình bốn lớp Đệ-Thất, Đệ-Lục, Đệ-ngũ và Đệ-Tứ.

II.— *Tú tài I.*

Thí-sinh phải học hết chương-trình 2 lớp Đệ-Tam và Đệ-Nhị.

Thí-sinh trên 20 tuổi có thể được miễn điều-kiện về học-trình kể trên.

Thời-kỳ chuyên-tiếp :

Năm 1962, thí-sinh phải có học-bạ hay chứng-chỉ học-trình lớp Đệ-Nhị.

Từ năm 1963 trở đi, thí-sinh phải có học-bạ hay chứng chỉ học-trình hai lớp Đệ-Tam và Đệ-Nhị.

SÀI-GÒN, ngày 22 tháng 5 năm 1962

BỘ-TRƯỞNG QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

ký tên

NGUYỄN-QUANG-TRÌNH

CAO

* VÕ QUANG-YẾN (Paris)



TRƯỚC đây, tôi có một người cháu ở bên nhà gửi thư sang Pháp hỏi thăm về những phương pháp Âu Mỹ để làm cho người cao lên. Trong *Phở-Thông* số 79, tôi lại thấy cô Diệu-Huyền hiến một vài địa-chỉ cho một bạn đọc trong mục « *Đáp bạn bốn phương* » cũng đề hỏi thăm về cách làm cho người thấp thành cao lên. Nói chung, người Việt ta thường thấp hơn người các nước khác, nhất là người Âu Mỹ, cho nên rất nhiều người nước ta, nhất là trong số các bạn trẻ, rất thắc mắc về vấn đề này. Đây

tôi xin góp ý kiến về mặt khoa-học. Trong báo chí biết bao là quảng cáo dùng phương pháp này, phương pháp nọ, hoặc đề kéo dài xương đùi ra, hoặc đề kéo xa nhau những đốt xương sống... Nhưng mấy ai đã thâu được kết quả hoàn toàn mỹ mãn? Tôi nói vậy không phải để làm nản lòng các bạn nhưng vì theo y-học, khi người ta đã lớn tuổi rồi thì khó mà thành cao được nữa như ý muốn. Cơ thể người ta lớn lên từng đợt liên tiếp nhau. Từ khi mới sinh ra cho đến 3 tuổi, cơ thể nở nang rất chóng, nhất là óc não,

CAO THẤP

Từ 3 tuổi lên đến tuổi dậy thì, sự phát dục chậm lại và chỉ tiến đều đều. Chính vào khoảng 10-14 tuổi bên nữ-giới và 1-2 năm sau bên phái nam là lúc cơ thể nở nang nhiều nhất. Những đặc tính sinh dục này nở. Chân càng dài ra. Nếu muốn cho người sau này thành cao lớn thì chính là lúc cần phải chăm nom, săn sóc. Vấn đề ăn uống quan trọng nhất. Những loại prôtêin, Vitamin (nhất là Vitamin A), chất calxium rất cần cho sự kết tạo bộ xương. Khi trẻ con lớn lên đến trưởng thành, lúc các sụn kiên hợp (cartilage de conjugaison) — là một chất xương đặc biệt gồm có những tế bào luôn luôn đổi mới — đã dính cứng, nghĩa là sự phát dục đã chấm dứt thì không còn có cách gì kéo dài cơ thể ra được nữa cả. Nhiều khi trong số các người chơi thể thao, tập thể dục, người ta nhận thấy có cao lên được một vài phân. Thật ra, không phải cơ thể đã được kéo dài mà là vì lúc trước các người ấy hoặc đã còm lụng, hoặc đã hơi vẹo xương sống, nay uốn thẳng lại thì như thấy mình cao lên.

Nói tóm lại, chính lúc con đến tuổi dậy-then thì cha mẹ phải đề ý tới cơ thể của con. Nhiều thầy thuốc đã khuyên vào độ ấy nên đo chiều cao từng tháng một. Nếu trong khoảng 5-6 tháng mà trẻ không cao lên chút nào thì nên lại hỏi thầy thuốc chuyên trị, thường gọi là các nhà nội tiết học (endocrinologue). Khám máu, nếu tìm thấy các ocmôn sinh dục, tức là tuổi dậy thì đã bắt đầu, họ phải kiếm cách chữa cho cuộc nở nang được điều hòa. Có khi vì các sụn kiên hợp bị mắc chứng nhưng trường hợp này rất hiếm. Có khi vì thác loạn trong các tuyến: như vậy, chỉ có phương pháp dùng ocmôn là hiệu nghiệm nhất. Nhưng phương pháp này rất khó khăn, chỉ có thầy thuốc chuyên trị mới biết cách áp dụng, ta nên hết sức thận trọng.

Hiện nay, người ta biết có hai loại ocmôn: loại thứ nhất tác dụng lên tuyến tirôit ở cuốn họng, loại thứ nhì kích động các tuyến sinh dục. Loại ocmôn này rất mạnh, kết quả tức thì, nhưng nếu dùng quá độ thì tác dụng sẽ ngược lại, nghĩa là dùng hẳn sự phát dục của trẻ con. Người

CAO THẤP

ta đã nhận thấy những trẻ cao lên 10-12 phân trong khoảng vài tháng. Nhưng cũng nên biết các nhà bác học Mỹ đã có thí-nghiệm trên các trẻ song đôi thực : một đứa được thêm ocmôn vào tuổi dậy thì, đứa kia không. Đứa thứ nhất lớn lên rất mau, vượt hẳn đứa thứ nhì, nhưng đến 18 tuổi thì đứa thứ nhì lại đuổi kịp đứa thứ nhất và cả hai đứa cao ngang nhau !

Kết luận: mặc dầu các tiến triển trong môn nội tiết học kéo dài cơ-thể là một việc không

thể làm được, nhưng ở tuổi dậy thì, thì người ta có thể giúp trẻ con nở nang điều hòa cho đến lúc sự phát dục bế-tắc.

Năm vừa qua, bên nước Na-uy, một bác-sĩ đã thành công cắt được năm phân trong đời một cô « bé » cao tới 1 thước 95. Người thấp muốn lớn lên cao, người cao muốn trở thành thấp, vấn đề cao thấp lắm khi cũng phức tạp.

VÕ-QUANG-YẾN
(Paris)



*** CẤM THUỐC**

Một Bác-sĩ diễn thuyết trước một số đông thánh-giả về những tai-hại của sự hút thuốc lá. Ông bảo :

— Tôi đã thí-nghiệm tất cả các loại thuốc điếu, thuốc xi-gà, loại thuốc nào cũng chứa nhiều chất độc . . .

Một thánh-giả, có lẽ là người ghiền xi-gà, liền đứng dậy, hỏi :

— Thưa Bác-sĩ, Bác-sĩ đã thí-nghiệm tất cả các hiệu thuốc xi-gà, vậy xin bác-sĩ mách giùm cho loại xi-gà nào ngon hơn hết... ?

Toàn thề thánh-giả đều cười rồ lên.

NHÂN CUỘC BIỂU-TÌNH CỦA SINH-VIÊN NHẬT PHẢN-ĐỐI CÁC CUỘC THÍ-NGHIỆM

B O M

NGUYỄN - TỬ

★ NÔNG-BẮNG-GIANG
(Tokyo)



Sáng ngày 27 tháng 4, và sáng ngày 17/5 như thường lệ, tôi đi trường mà điều bất thường là ở cổng đại-học sinh-viên rất đông. Họ đóng cửa chính, cũng như ngõ nhỏ để sinh viên không thể vào được. Tôi thấy họ cầm rất nhiều biểu ngữ có viết những câu như « *No more HIROSHIMA* » hay « *Sô-Bei KAKU JIKKEN HANTAI* » (Phản đối việc thí nghiệm nguyên tử của Sô-viết và Mỹ), tôi lại còn thấy nhiều biểu ngữ quyên dụ sinh viên hãy đến sứ quán Mỹ biểu tình « *AMERICA TAISHIKAN he ikô* », (Hãy đến sứ quán Mỹ). Đối với hành động của hơn 2.000 sinh viên ở Tokyo, hay 35.000 sinh viên toàn quốc trong hai vụ biểu tình vừa qua để phản đối việc thí nghiệm nguyên tử của Sô-viết và Mỹ, tôi không nghĩ đến kết quả nhiều, mà tôi chỉ nghĩ đến việc làm của họ. Một hành động tuy không có kết quả nhưng không phải vì thế mà không có giá-trị.

Sống trong xã-hội hiện tại, đi đâu ta cũng nghe nói đến danh từ nguyên-tử. Danh từ « nguyên

tử » dần dần được hiểu một cách rộng rãi, và thông thường hơn qua hình ảnh, màu sắc. Nói một cách đơn giản là cứ sự kiện gì, hay đối tượng gì mới lạ khác thường, thì người ta gọi Nguyên-tử. Chúng ta đã dùng danh từ « nguyên-tử » một cách bừa bãi trong đời sống hàng ngày. Chúng ta cũng đã dùng nó một cách máy móc trong hoàn cảnh chính-trị hiện tại như một phương-kế phòng-vệ. Ở thời kỳ tiền nguyên tử, chúng ta nghĩ nguyên tử là một loại vũ khí an ủy được các thứ vũ khí mới thuộc loại công kích, và nguyên tử cũng là phương kế duy nhất để có thể duy trì hòa-bình. Hiện tại ý-tưởng ấy đã làm thất vọng những ai đã có nhiều thiện chí cho nền hòa bình thế-giới... Vì trong tình trạng thế giới hiện tại, chúng ta thấy danh-từ phòng-vệ hay bảo-vệ hòa bình ấy chỉ là một hình thức để tiếp-tục hợp sức các vũ-khí nguyên tử và để lừa phỉnh thiên-hạ. Tôi có thể nói đây chỉ là tư-tưởng của Mahatma Gandhi, mà việc làm của Winston Churchill, hay nói một cách khác Winston Churchill đã khoác chiếc áo của Mahatma Gandhi để nói chuyện phòng vệ.

NHÂN MỘT CUỘC BIÊU TÌNH

Trong cuối năm vừa qua, chúng ta đã nghe Khrushchev, khôi hài trong vụ thí-nghiệm trái bom nguyên tử 100 megaton. Đồng thời với sự kiện ấy thì một nhà bác học Mỹ, bác sĩ Ralph E. Lapp đã tiết lộ rằng Mỹ đã chế tạo được một trái bom nguyên tử có sức mạnh bằng 50.000 trái bom nguyên tử đã cho nổ ở HIROSHIMA, ngày 6 tháng 8 năm 1945. Và bác sĩ Ralph E. Lapp còn cho biết thêm là chỉ trong vòng ba năm nữa thì Mỹ lại sẽ có thêm một loại khác có sức mạnh bằng 30.000 trái bom nguyên tử đã nổ ở HIROSHIMA.

Lẽ dĩ nhiên là chúng ta phải hiểu rằng, cùng trong khoảng thời gian ấy, Nga-Sô cũng sẽ cố gắng tăng gia phát triển về các loại vũ khí nguyên-tử để có thể gây ra cái lực cân bằng nguyên tử của hai khối. Mà trong sự chạy đua nguyên-tử này, chúng ta đã thường nghe thấy họ niềm nở với nhân-loại một cách vui vẻ hòa bình: « Có thấy không, những gì mà chúng tôi đang làm để cho sự phòng vệ của các người. Các người không cảm thấy tiện nghi và an-toàn ư? Nếu không,

các người hãy cho chúng tôi nhiều nhiều tỷ mỹ kim để chúng tôi có thể phát triển thêm nhiều vũ khí mạnh mẽ hơn » — *See what we are doing for your defense. Don't you feel cozy and safe? No? then give us more billions so we can develop more powerful weapons.*

Như chúng ta biết, 16 năm trước, cả hai khối Nga, Mỹ, đều có luận điệu phòng-vệ quân bị, và họ đã nói cho chúng ta hiểu sự cần thiết mà họ phải làm điều ấy, nhưng trong vòng 16 năm qua, chúng ta đã cảm thấy bất an và mối hoài nghi về sự phòng-vệ hòa bình của họ càng ngày càng tăng. Và nếu chúng ta chú trọng đến sự phòng vệ của hai khối này, chúng ta nhận thấy chung rằng cả hai khối đều đòi hỏi gia tăng thêm nhiều tỷ mỹ-kim để « lo » cho việc phòng vệ. Trong sự phòng vệ này càng ngày chúng ta càng thấy rõ sự cần thiết của kẻ thù hơn là sự cần thiết của người bạn.

Trong một cuốn sách nói về « chiến tranh Nguyên-tử duy giải » của tác giả Herman Kahn (*On Ther monucleor war — Her-*

man Kahn — Princeton university Press. 1960), chúng ta đã tìm gặp những luận điệu phòng vệ ấy. Có thể nói đó là những gì quan-trọng mà những nhà cổ vấn chính-trị quân-sự hiện đại đã nghĩ đến. Chúng ta đã thấy nước cờ thí xe ẩn tàng trong cuốn sách này. Bác-sĩ Herman Kahn đã lo sợ khi có chiến tranh nguyên-tử xảy ra, và ông đã mạnh bạo bày tỏ tư-tưởng của ông là, nếu quả thật chiến tranh bắt đầu mà có thể làm tiêu diệt 180 triệu người dân Mỹ, thì đừng bao giờ để điều ấy xảy ra. Nhưng với một luận điệu phòng vệ khác, bằng cách ngỏ nhỏ với người dân rằng, nếu phải hy sinh 40 hay 60 triệu nhân mạng để trừng phạt sự xâm-lăng của Sô-viết thì tưởng trong chúng ta không ai không nghĩ đến.

Bác-sĩ Kahn, như chúng ta biết, là một nhà bác-học, ông thừa hiểu rằng chiến-tranh hiện đại — nếu có xảy ra — không phải là những thứ vũ-khí mà họ đã dùng trước chiến-tranh thứ hai, và nếu chiến-tranh hiện đại cũng xử-dụng vũ-khí như là một thói quen để đánh nhau, thì

chẳng hóa ra chính họ đã muốn tự ủy diệt, từ bỏ nhân loại, chứ không hẳn là chỉ ủy diệt riêng những đất nước nào đã lăn vào vòng 'chiến. Ông đã biết rõ sức tàn phá của các loại vũ khí nguyên tử hiện đại, nhưng ông lại bị mê hoặc vì một niềm tin mơ hồ là thắng lướt được địch, dù có bị nhiều thiệt hại tàn phá, vì sau đó ông tin rằng có thể trở lại cái điểm cuối cùng mà khoa học hiện đại đã đạt tới.

Tương lai nhân-loại và đất nước mà Kahn đã suy tưởng, ta có thể nói hoàn-toàn ẩn tàng ý nghĩa phòng vệ và ông muốn nói lên sự tồn vong của đất nước. Chúng ta chỉ tiếc là tư tưởng của Kahn quá vị-kỹ, nói một cách khác, tư tưởng ông nặng nề quá nhiều tinh thần quốc-gia, dân tộc, ông quên nghĩ đến thế giới nhân-loại hiện đại đang đạt tới và đang sống trong ấy. Ông chỉ nghĩ đến 60 triệu người Mỹ phải hy sinh, nếu có thể, ông nghĩ đến sự tàn phá của những mấy mươi thành phố lớn ở Mỹ để thể hiện con đường duy nhất trong vấn đề phòng-vệ và sự tồn vong của đất nước Mỹ. Tình yêu

nhân loại của Kahn quá lu mờ. Chúng ta thấy còn gì vô-lý trong sự phòng vệ ấy không, và trong thế-giới hiện đại như chúng ta biết, sự phòng-vệ ấy sẽ không có điểm chấm cuối cùng, sự phòng vệ vô-lý ấy sẽ kéo dài mãi bằng phương cách tăng gia thể hiện quân lực. Điều này chúng ta đã biết rõ ràng gần đây nhất, cả khối Nga, Mỹ đều tăng-gia ngân sách quân lực hằng tỷ mỹ-kim rồi những vụ thí-nghiệm nguyên tử trên không trung của Nga trong những ngày cuối năm vừa qua, và tiếp theo Mỹ lại cho thí nghiệm những loại vũ khí nguyên tử trong những ngày cuối tháng 4 trước.

Nếu chúng ta nghĩ đến tư tưởng của Kahn, chúng ta nhận thấy rằng ông chưa ý thức được chính xác thế nào là văn minh khai hóa, ông đã lầm lẫn trong sự phân tích xã-hội mà chính nó đã tạo lập nên văn minh. Bác sĩ Kahn chỉ suy-luận một chiều mà ông quên nghĩ đến hàng triệu người khắp thế giới đang bất mãn vì những ý tưởng của ông. Ngay đến dân-tộc ông, hàng ngàn sinh viên Mỹ đã biểu

tình ở tòa Bạch-cung để phản đối trong những tháng vừa qua, và người cộng-tác với ông như nhà bác-học Mỹ Linus Pauling, giải thưởng Nobel về Hóa-học, cũng đã phản-đối việc thí nghiệm nguyên-tử trên không trung.

Sự phòng-vệ ấy, cũng như sự tồn vong của đất nước trong tư-tưởng của Kahn. Kế-hoạch này là làm thế nào để cho hàng triệu người dân Mỹ có thể sống được nếu có chiến tranh nguyên-tử xảy ra. Phải chăng đây là điều hy-vọng mơ hồ của Kahn, ông tin tưởng rằng với hàng triệu người Mỹ còn sống sót lại đó, có thể tái lập lại một tân Mỹ-quốc, dù có bị bất cứ sự tàn phá nào. Nhưng chúng ta phải nghĩ rằng thế-giới nhân-loại sẽ không thể kiến lập hoàn toàn sau chiến-tranh nguyên-tử. Hàng triệu triệu người sẽ chết và ảnh-hưởng của bụi phóng-xạ có thể kéo dài trong vòng 40 thế-hệ về sau. Nếu trong điều-kiện ấy đi nữa, thì thử hỏi ai có can-đảm hưởng nhận đời sống hạnh-phúc, nếu phải hy-sinh một nửa dân

số đất nước và hơn nữa, mỗi đe dọa khủng khiếp vẫn còn mãi kéo dài rộng lớn.

Đồng thời, cũng trong sự phòng vệ ấy biết đâu bên kia bức rào sắc, khối Cộng-sản Xô-viết đã chẳng có ý-nghĩ tương-đồng như thế. Cứ nhìn vào những lời hăm dọa của Khrushchev, thì chúng ta cũng thừa hiểu là khối này cũng có những phương cách mê hoặc người dân Nga, trong sự phòng vệ không phải là ít. Và gần đây, một sự tiết-lộ của một tờ báo Mỹ, *San Francisco Examiner*, ngày 11-10-61 với cái tựa lớn « *Russ Civil defense ready for a war* » (Liên-sô dân sự phòng vệ sẵn sàng với chiến-tranh). Bài báo này nói về kế-hoạch bí-mật của hội-đồng tối cao Xô-viết, về ngân sách ba tỷ mỹ-kim cho

vấn-đề dân-sự phòng-vệ, và huấn luyện 22 triệu dân Nga phải làm gì trong trường hợp có chiến tranh nguy-ên-tử xảy ra.

Hôm nay, nếu tôi đem vấn-đề ngữ-nghĩa-học đề luận thuyết về hai chữ phòng-vệ thì không gì vô-lý bằng, việc làm vô lý này cũng tương-tự như sự phòng vệ vô lý của Kahn mà tôi đã nói ở trên. Tôi chỉ lấy một việc làm vô lý để dẫn chứng cho hoàn cảnh hiện-tại, nếu đi xa hơn nữa, chúng ta sẽ thấy còn biết bao nhiêu điều vô-lý khác nữa. Cuộc đời đầy rẫy những vô-lý, nếu chúng ta không bình-tĩnh và sáng suốt thì tránh sao khỏi bị mê hoặc đề rồi cũng sẽ sống vô-lý.

NÔNG BẮNG GIANG
(Tokyo)



★ DANH NGÔN

— Đời, dù sướng hay buồn, cũng vẫn đẹp. Hãy đón nó.
(La vie, heureuse ou triste, est belle. Accepte-la)

FERNAND GREGH

Những chạng buồn đêm

Những chạng buồn đêm, tôi ôm hôn thờ đóc,
Đôi mắt trợn-trùng đồ trạm suy-tư.
Điều-tàn thân con trở chuyển mệt như,
Tuổi hoa-mộng sao tôi buồn đến thế?...
...Hòa-bình quá vãng chừ tôi chiêu hồn tế-lễ,
Xin-xô luân hồi, cứu rỗi sinh-linh.
Họ chết đuối chiến-tranh!
Khao khát ân-tình!
Ừ lẩn roi, lẩn roi quất bằm mình nhân-loại...
Những chạng buồn đêm, tôi ôm hôn đau nhói,
Ôi sao trời về loạng-choạng người tôi.
Quờ-quạng đau thương xem năm tháng tô-bồi,
Tuổi thơ ấu sợ trốn mình trong nghiệp chướng.
...Trời! lũ khát máu! tội đầy đầy vô tường,
Người với người sao xâu xé người ơi?
Thề-xác ta đây! xin đón! xin mời!
Người đến viếng ta trao mình dâng lễ.
Ta CÂM ta nín không hề kể-lẽ
Chuộc tội ngu-đần HAM SỐNG BÌNH-YÊN!...
Ôi lũ người, lũ người giống môi cười quỷ-sứ,
Dương-oai mình vai đao-phủ tanh hôi!
... Phố-phường già nua, bộ mặt da mồi,
Hai tay thườn-thướt, bưng hình-hài hấp hối...
... Những chạng buồn đêm tôi ôm hôn đau nhói,
Cắm-hồn trào trong CÂM nín tuổi thơ.
Hoài-bào mai sau tôi đợi! tôi chờ!
Ôm thế-giới! thế-giới dụ hiền, nhân-ái.
Chào mi— ô trọc, nhân-loại không thêm nuôi-tiểu,
Tội-lỗi mi chừ ngun-ngút không-gian.
Thôi đừng nguy-trang: « thế-kỷ thiên-đàng »,
Nhân-loại ngạt thở về mầm hôi mi đó!

★ PHƯƠNG - TẤN
(Đà-nẵng)

NHÂN VẬT



Quân Thù

TẤN Văn-Công đánh Đông, dẹp Bắc đã giành được ngôi bá chủ và sửa-soạn hội chư-hầu ở đất Tiên-Thổ có Thiên-Tử nhà Châu chủ-tọa.

Trong đám vua chư-hầu có Vệ Thành-Công không dám tới dự

vì đã lỡ gây ác-cảm với vua Tấn. Tới dự thì có thể bị minh-chủ hạch tội, nhục-mạ và trừng-trị. Không tới dự thì nước Vệ sẽ không được chánh-thức nhìn-nhận là chư hầu và có thể bị thôn-tính.

Một hiền-thần nước Vệ là Ninh-Du đề-nghị Vệ thành-Công nhường ngôi cho em là Thúc-Vũ đề Thúc-Vũ tới dự hội chư hầu và nhờ cơ-hội đó năn-nỉ với vua Tấn xin tha tội cho Thành-Công. Thành-Công tạm thời qua lánh mặt ở nước khác. Nếu vua Tấn nhận lời thì Thúc-Vũ sẽ trả lại ngai vàng cho anh

NGUYỄN HUYẾN

★ THIẾU-SƠN

NHÂN VẬT QUÂN THÙ

vì Thúc-Vũ vẫn được tiếng là người hiền.

Thành-Công buộc lòng phải làm theo kế đó nhưng vẫn nơm-nớp lo sợ Thúc-Vũ sẽ không trả ngôi cho mình.

Quan đại-phu Nguyễn-Huyền được cất-cử phò-tá Thúc-Vũ trong sứ mạng nói trên.

Nguyễn-Huyền biết Thành-Công tánh hay nghi ngờ nên sai con là Nguyễn-Dốc đi theo để làm tin.

Một nịnh-thần là Chuyên-Khuyên khuyên Nguyễn-Huyền nên công - bố cho nhân - dân biết sự thay vị đổi ngôi này và vận động với vua Tấn cho Thúc-Vũ làm vua luôn thì Nguyễn-Huyền sẽ tha hồ hưởng giàu sang phú-quí.

Nguyễn-Huyền nói :

— Thúc-Vũ còn có lòng tử-tế với anh, nữa là ta lại quên vua hay sao ? Ta đi chuyến này quyết nói với vua Tấn đề xin trả lại nước cho Chúa-Công.

Nguyễn-Huyền nói sao thì làm vậy. Nhưng Chuyên-Khuyên sợ sau khi Thành-Công phục-quốc Nguyễn-Huyền sẽ tiết-lộ

âm-mưa của mình nên tìm đủ cách để chia rẽ hai bên.

Chuyên-Khuyên tố-cáo Nguyễn-Huyền cho con theo đề dò xét Thành-Công. Ông này lật đặt nghe theo và giết chết Nguyễn-Dốc.

Nguyễn-Huyền được tin con chết thương-cảm vô cùng nhưng vẫn nói :

— Con ta sống chết chẳng qua cũng là tại số. Chúa-Công dẫu có phụ lòng Nguyễn-Huyền nhưng Nguyễn-Huyền này có đầu dám phụ lòng Thúc-Vũ.

Có ngư ời khuyên ông nên bỏ về để đánh tan sự nghi ngờ của Thành-Công. Ông thờ dài mà than rằng :

— Nếu ta từ-chức bỏ về thì ai cùng với Thúc-Vũ mà giữ nước này ? Con ta bị giết là một việc riêng, có lẽ nào vì một việc riêng mà bỏ nước hay sao ?

Nói xong ông liền thảo một bức thư cho Thúc-Vũ xin Tấn-Văn-Công mở lượng khoan-hồng tha tội cho Thành-Công và cho về phục-vị, Thúc-Vũ luôn luôn sẵn sàng trả lại ngôi vua cho anh. Nhờ những Vua chư

hầu khác xin hộ và thứ nhứt là cảm lòng chơn - thành của Thúc-Vũ. Tấn-Văn-Công chấp thuận lời yêu cầu. Thành-Công được trở về làm vua nước Vệ.

★

Nhưng câu chuyện chưa chấm dứt ở đây. Chuyên-Khuyên còn làm đủ cách để gây sự chia rẽ giữa anh em nhà vua. Vệ Thành-Công tin theo lời tôi nịnh không dám về nước và còn cho Ninh-Du về trước để thăm-dò tình-hình.

Ninh-Du vào thăm Thúc-Vũ. Vũ thấy ông này không dám ngồi ở chính điện và chỉ ngồi ở một bên để giải quyết việc triều chánh, biết chắc ông không có ý giành chỗ của anh nên thẳng thắn giao-kết và hẹn ngày hồi-loan của Thành-Công.

Vậy mà Chuyên-Khuyên cũng chưa chịu thua. Nó còn xin cho hồi loan trước ngày kỳ hẹn để nếu Thúc-Vũ có mưu-phản thì cũng không kịp chuẩn bị.

Thành-Công còn nghi ngờ nên sẵn sàng chuẩn-tầu và còn bằng lòng cho Chuyên-Khuyên kéo quân đi tiền-khu về trước. Chuyên-Khuyên kéo quân vào

thành trong khi Thúc-Vũ đương đốc thúc chuẩn-bị để tiếp rước Thành-Công. Thành-linh nó bắn chết Thúc-Vũ.

Thành-Công khi ôm xác em mà khóc mới thấu rõ sự tình và hối-hận rằng mình đã nghi oan cho Thúc-Vũ. Ninh-Du buộc nhà vua phải trừng-trị Chuyên-Khuyên để an-ủi vong-hồn kẻ thác oan.

Phần Nguyễn-Huyền khi hay tin Thúc-Vũ chết thì vật mình khóc than, nguyện rửa Thành-Công là hôn quân vô-đạo và nhất định sẽ sang Tấn để minh-oan cho Thúc-Vũ.

★

Tấn-Văn-Công vốn ghét Vệ Thành-Công vì cảm nghĩa Thúc-Vũ mà tha cho một lần, nay nghe Nguyễn-Huyền báo cáo thêm tội ác của Vua Vệ thì liền triệu-tập chư-hầu tới tạ ơn Thiên-Tử và nhơn cơ hội này nhờ Thiên-Tử xử tội Thành-Công.

Thiên-Tử giao cho Tấn-Văn-Công thăm-án và cắt cử Vương Tử-Hồ đại-diện cho Thiên-Triều.

Vệ Thành-Công đã bị bắt cầm tù nhưng không lẽ để Vua tôi

đối tưng với nhau nên cho hai người bề tôi của Vua Vệ một người thay cho bị cáo mà đối tưng với Nguyễn-Huyền, một người làm trị-ngục-quan. Người thay cho bị cáo là Hàm Trang-Tử. Người làm trị-ngục-quan là Sĩ-Vinh. Ninh-Du xin theo vào ngục để phục vụ Vệ-hầu.

Trước hết tiên cáo đọc cáo trạng. Nguyễn-Huyền miệng nói trơn như nước chảy kể hết đầu đuôi từ khi Vệ Thành-Công trốn đi, dặn lại Thúc-Vũ giữ nước những thế nào, về sau vì thế nào mà giết chết Nguyễn-Dốc và lại giết Thúc-Vũ. Thay lời bị cáo, Hàm-Trang-Tử nói :

— Đó là Chuyên-Khuyên đem lời gièm-pha để khiến cho Chúa-Công nghe lầm, không can dự gì đến Chúa-Công.

Nguyễn-Huyền nói :

— Chuyên-Khuyên lúc trước nói với tôi xin lập Thúc-Vũ, nếu tôi nghe lời thì khi nào Chúa-Công trở về được. Chỉ vì tôi nghĩ đến tấm lòng yêu anh của Thúc-Vũ mà tôi cự tuyệt. Ai ngờ Chuyên-Khuyên lập kế báo thù, nhưng nếu Chúa-Công không có lòng nghi-kỵ Thúc-Vũ

thì Chuyên-Khuyên gièm-pha thế nào nời. Tôi sai con tôi là Nguyễn Dốc theo hầu Chúa-công để bày tỏ tâm-tích, ấy chính là cái lòng tốt của tôi, thế mà tự-nhiên vô cớ, không có tội gì bắt đem giết đi. Suy cái việc giết con tôi thì đủ biết Chúa Công có cái lòng định giết Thúc-Vũ.

Đóng vai tưởng trị-ngục-quan Sĩ-Vinh bẻ lại rằng :

— Nhà người vì sự con mình bị giết mà đem lòng thù-oán chứ không phải vì Thúc-Vũ.

Nguyễn-Huyền nói :

— Tôi vẫn thường nói : giết con là oán riêng, giữ nước là việc lớn. Ngày trước Thúc-Vũ dâng thư xin với vua Tấn phục-quốc cho anh thì bức thư đó chính tay tôi viết. Nếu tôi đem lòng thù-oán thì khi nào tôi chịu làm việc đó. Việc giết Nguyễn-Dốc trước tôi cũng cho là một sự hiểu lầm, tất có ngày phải hối mà nghĩ lại, ngờ đâu đi-lụy đến Thúc-Vũ ngày nay.

Sĩ-Vinh nói :

— Thúc-Vũ không có ý cướp ngôi, Chúa-Công ta cũng đã xét tình rồi. Việc bị Chuyên-Khuyên

giết, không phải tự ý Chúa-công.
Nguyễn-Huyền bẻ lại :

— Chúa Công đã biết Thúc-Vũ không có ý cướp ngôi, những lời của Chuyên-Khuyên đều là bịa đặt thì sao không trị tội nó mà lại nghe lời nó đem quân về nước trước kỳ hẹn mà lại cho nó làm tiền-khu có phải rõ ràng mượn tay Chuyên-Khuyên để giết Thúc-Vũ sao lại bảo rằng không biết ? Hàm-Trang-Tử cúi đầu. Không có lời đáp lại. Nhưng Sĩ-Vinh lại bẻ Nguyễn-Huyền rằng :

— Thúc-Vũ đâu bị oan khổ nhưng Thúc-Vũ là bề tôi. Chúa-Công là vua, xưa nay bề tôi bị vua giết oan biết bao nhiêu mà kẻ cho xiết ! Vả Chúa-công đã giết Chuyên-Khuyên và làm lễ hậu táng cho Thúc-Vũ thế là thưởng phạt phân minh rồi, còn tội gì nữa ?

Nguyễn-Huyền cãi :

— Ngày xưa vua Kiệt giết oan Long-Bàng, vua Thang cử binh đánh vua Kiệt ; vua Trụ giết oan Ti-Can, vua Vũ-Vương cử binh đánh vua Trụ. Vua Thang và vua Vũ đều là bề tôi của vua Kiệt, vua Trụ cả, thế

mà mắt trông thấy người trung lương bị hàm oan còn phải cử binh để giết kẻ hung tàn, huống chi Thúc-Vũ cùng với Chúa-công là tình anh em, mà lại có công giữ nước, không phải như Long-Bàng, Ti-Can mà thôi. Chúa-công ngày nay chẳng qua còn là chư-hầu, chưa phải là Thiên-Tử như vua Kiệt, Vua Trụ, sao lại cho là vô tội được ?

Sĩ-Vinh cứng họng không cãi được, nhưng nói lảng sang chuyện khác :

— Chúa-Công dẫu trái nửa nhưng nhà người là bề tôi, nếu đã một lòng tận trung với Chúa Công thì sao khi Chúa-công về nước không ra triều-kiến là nghĩa thế nào ?

Nguyễn-Huyền trả lời :

— Tôi cùng Thúc-Vũ giữ nước, thật là vâng mạng Chúa-công. Thế mà Chúa-công còn không bao-dung Thúc-Vũ khi nào lại có lòng bao dung đến tôi.

Tôi trốn đi, không phải là sợ chết, tham sống. Chỉ là muốn vì Thúc-Vũ mà bày tỏ cái oan-khổ này thôi.

Ngồi nghe hết đầu đuôi Tấn-Văn-Công cho chấm dứt cuộc

tranh tụng ở đây và kết luận :

Nghe Sĩ-Vinh và Nguyễn-Huyền nói bấy nhiêu, đủ thấy Nguyễn-Huyền thẳng lý. Vua nước Vệ là bề tôi Thiên-Tử, tôi không dám trị tội, nay xin trị tội những kẻ về phe đảng của Vua nước Vệ.

Vương Tử-Hồ xin tha cho Ninh-Du vì Ninh-Du là một người hiền và không can dự vào việc giết Thúc-Vũ. Tấn-Văn-Công đồng ý nhưng xử Sĩ-Vinh phải tội chặt đầu và Hàm-Trang-Tử được ân-giảm và chỉ bị chặt chun.

Thay mặt cho bị-cáo Hàm-Trang-Tử biết là trái lẽ nên không dám cãi bướng nên được hưởng tình-trạng giảm khinh. Còn Sĩ-Vinh làm trị-ngục-quan mà xét đoán không minh nên không thể tha thứ được.

Tấn-Văn-Công và Vương-Tử-Hồ làm báo-cáo lên Thiên-Tử và xin trị tội Vệ Thành Công.

Thiên-Tử phán :

— Thúc-phụ xử đoán thật là minh. Nhưng trẫm e rằng vì bề tôi mà giết vua thì sao cho phải đạo, chớ trẫm có tư-tình gì với Vua Vệ đâu !

Tấn-Văn-Công xin giải vua Vệ về Kinh-sư để lượng trên xử-đoán, đồng thời cho Nguyễn-Huyền về Vệ lập vua khác. Nguyễn-Huyền thương-nghị với các quan triều thần lập công-tử Thích lên ngôi. Công-tử Thích là em Thúc-Vũ cũng là người hiền.

★

Chuyện Nguyễn-Huyền chưa chấm dứt ở đây. Ông còn được về làm tể tướng nước Vệ. Nhưng rồi Vệ Thành-Công nhờ dứt lốt Thiên-Tử và Tấn-Hầu mà lại được trở về phục-vị. Nguyễn-Huyền sẽ bị chết một cách oan-ức và thảm thiết vô-cùng. Nhưng điều thống khoái hơn hết là Nguyễn-Huyền đã vận-động thành lập được một phiên-tòa để xử một hôn quân giữa thời phong-kiến.

Đây là chuyện ngàn năm một thuở, nhờ ông bá-chủ có ác-cảm với vua nước Vệ nên mới có vụ xử này.

Đã vậy mà bị cáo còn được miễn ra tòa để đối chất với tiên cáo, vì vua mà đối chất với bề tôi thì còn gì là thề thống ?

Chính vì cái thề-thống đó mà hai kẻ vô-can, một người mất

đầu, một người mất cẳng. Hàm-Trang-Tử đóng vai Vệ-Thành-Công nhờ biết phục-thiện chịu làm thình đề nhận lỗi mà chỉ bị chặt cẳng, khỏi mất đầu. Nhưng Sĩ-Vinh vừa làm nhơn-chúng vừa làm biện-hộ sư đã tận tình bào chữa cho bị-cáo thì lại bị tử hình.

Nguyễn-Huyền nói ra những lời đánh thép, buộc tội với tất cả một lòng oán-hận thiết tha làm cho ai cũng phải bùi ngùi thương cảm. Ông thương con ông, ông thương chúa ông là Thúc-Vũ, ông thương nước ông là nước Vệ, ông đã làm tất cả để phục-vụ những tình-thương đó thì ông rất có quyền buộc tội kẻ hôn-quân.

Nhưng thông-khoái nhưt là khi ông trả lời cho Sĩ-Vinh về câu này: « Thúc-Vũ đầu bị oan-khổ nhưng Thúc-Vũ là bề tôi. Xưa nay bề tôi bị vua giết oan biết bao nhiêu mà kẻ cho xiết !.. »

Ông nhắc chuyện vua Kiệt, vua Trụ vì giết oan Long-Bàng, Tì-Can mà bị vua Thang, vua Vũ hỏi tội. Hơn nữa vua Kiệt, vua Trụ là thiên-tử mà còn bị trừng trị thì Vua Vệ chỉ là một vua chư

hầu sao có quyền giết một người em vô tội mà lại có công giữ nước ?

Trên Thiên-tử chỉ có trời, nhưng trên chư hầu còn có bá chủ và Thiên-tử. Vậy thì Bá-chủ và Thiên-tử phải có thái-độ ra sao ? Nhưng Bá-chủ đâu phải vị công-tâm mà xử-đoán vụ này ? Hơn nữa, chính ông cũng phạm phải biết bao nhiêu điều bất công vô-đạo.

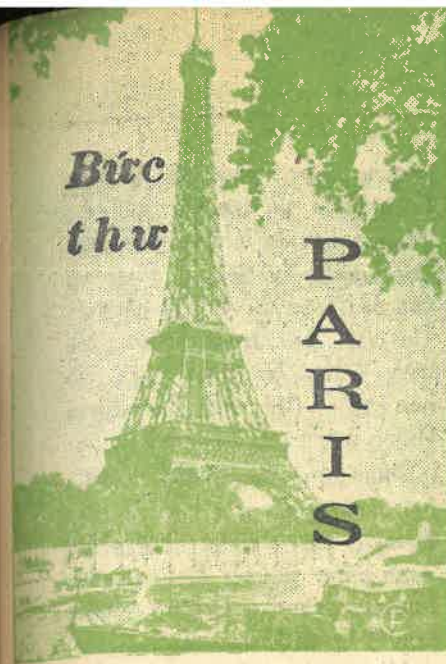
Còn Thiên-Tử chỉ là một Thiên-Tử bù-nhìn chờ ngày hạ bệ thì Thiên-Tử lại càng cần phải bảo-vệ cái trật-tự hiện hành để củng-cố cái địa-vị giả-tạo của ông. Bởi thế cho nên Thiên-Tử đã phán rằng : « Thúc-phụ xử đoán thật là minh. Nhưng trăm e rằng vì bề tôi mà giết Vua thì sao cho phải đạo ».

Lời khen của Thiên-tử chỉ là khen nịnh. Nhưng Thiên-tử chỉ sợ giết vua Vệ sẽ nêu một gương « xấu » cho kẻ dưới hạ bệ kẻ bề trên. Mà ở trên hết chính là ngôi Thiên-tử.

Trong một hoàn-cảnh như thế mà có được một phiên tòa để nghe Nguyễn-Huyền lên án một ông Vua, âu cũng là điều thích thú.

THIẾU-SƠN

Bức
thư



P
A
R
I
S

★ NGUYỄN-VĂN-CÔNG

MÙA
THI
CỬ

viên ở Paris đang bù đầu với các kỳ thi.

Phải gặng gỏi họ, phải ăn cần đến việc học của họ mới thấy hiểu những nỗi khó khăn lo ngại của họ.

« Đoàn trường ai có qua cầu mới hay ».

Tôi, một phần vì nghề-nghiệp, một phần vì thân mến, thường gặp anh em sinh-viên, nhưt là sinh-viên Việt-Nam.

Tại xóm La-tinh, ngồi trước tách cà-phê, bên cạnh sinh-viên, xung quanh sinh-viên, trò chuyện với họ, nghe họ trò chuyện với

Paris ngày, 22-5-1962

Bạn thân mến,

« Bức thư Paris » này sẽ mang về xứ sở những nỗi lo-âu và những nguồn hy-vọng, vì bạn và tôi sẽ sống với sinh-viên Việt-Nam « Mùa thi cử ».

Từ ngày 15 tháng Mai cho đến gần cuối tháng Juillet, sinh-

nhau, tôi tưởng đâu đang sống những ngày tranh thủ gay go.

Nhìn các sinh-viên nam nữ với những bộ mặt hốc-hác, những cặp mắt thâm quầng, những làn môi nhợt nhạt, những cái ngáp dài, ta đủ thấy bao nhiêu đêm thiếu ngủ.

Câu : « Thập niên đấng hòa » ngụ trong trí tôi những ý nghĩa nặng nề, vì trước mặt tôi, những trang thanh-thiếu-niên đang cố thắng những thử thách có ảnh hưởng lớn lao đến tương lai của họ.

Ở đây, tuy không đến nỗi như các nhà bác học đã nói « tranh đấu để tránh cái chết », nhưng ta cũng có thể nói được « tranh đấu để khỏi bị loại », « để vượt lên một cấp cao hơn », không phải về địa-vị vật chất mà là về kiến-thức.

Hai tuần trước các sinh-viên đã thi vào các trường lớn : như trường Bách-Khoa (Polytechnique, bên này họ gọi tắt là L'X) trường Đại-học Sư Phạm (Ecole Normale Supérieure), trường Centrale (kỹ-sư), trường Mỏ (Mines) v.v...

Sở dĩ tôi nhắc đến mấy

trường này, nhứt là trường Bách-Khoa và trường Đại-học Sư-phạm vì đó là những « Grandes Ecoles » có tiếng ở Pháp và các điều kiện thi vào rất gắt gao. Thi vào hai trường lớn nói trên : L'X và Normale Sup', có hạn tuổi (thi vào Bách-Khoa không được quá 21 tuổi).

Phần đông các thí-sinh thi vào hai trường này đều học các lớp dự-bị ở ba trường Trung-học danh tiếng nhứt ở Paris : Lycée Louis-le-Grand, Lycée Saint Louis, Lycée Henri IV.

Học sinh muốn vào học lớp dự bị ở đây phải có hoặc hai phần tú tài « mention assez bien » (bình thứ) hay phần thứ hai « mention bien » (bình), « Mention très bien » (Ưu).

Khi sinh viên nhập học rồi, sau năm thứ nhứt, nhà trường sẽ chia ra hạng : thật giỏi, hay khá và hạng vừa.

Cổ nhiên là họ chỉ trình các học sinh ở hạng giỏi để thi vào L'X và Normale Sup'. Nhưng các sinh-viên, sau hai năm học ở lớp dự-bị, không phải chỉ thi vào một hai trường, mà họ thi vào bốn năm trường: Mỏ, Điện, Centrale,

Cầu-Cống hay Insi (trường kỹ-sư). Nếu có hỏng trường này, họ còn mong vào trường khác.

Năm nay, cũng như mấy năm trước, sinh viên Việt-nam, ngày nay, rất ưa chuộng những trường kỹ-thuật. Đối với các gia-đình người Pháp, nếu có con giỏi toán học mà vào được trường Bách-khoa đó là một hân hạnh lớn, hay nếu giỏi về toán-pháp, khoa-học, hay văn chương mà thi vào được Đại học Sư Phạm thì danh giá cũng không nhỏ.

Học sinh thi được vào hai trường này, trong các năm học, khỏi phải lo về tiền ăn học. Nhà trường sẽ chịu tất cả chi phí và học sinh mỗi tháng còn có tiền túi (nhưng đây là sinh-viên Pháp, hay được xem như người Pháp).

Trong các sinh-viên Việt-nam năm nay thi vào các trường lớn có vài anh có hy-vọng, như anh Đ..., anh Kh... anh M... anh Đ... chắc năm nay sẽ đậu vào Bách Khoa vì anh có tiếng và thật giỏi Toán-học. Anh đứng đầu số ở lớp dự-bị toán học ở Lycée Louis-le-Grand.

Có chỗ nên nhắc đề làm vui lòng các gia-đình và các giáo sư bên nhà, là sinh viên Việt-nam khi nào chịu ham học trong các kỳ thi đều có hạng và một phần nào đã làm hãnh diện cho thầy và dân Việt nam. Ta nên nhớ là các kỳ thi này không những khó đối với người mình, mà đối với người Pháp cũng vậy.

Như tôi đã nói trên, những kỳ thi đó có ảnh hưởng đến tương lai của sinh viên. Vì nếu chẳng may thi hỏng thì một là bị đuổi ra khỏi trường, hai là mất học bổng, ba là phải gọi đi lính. (Sinh-viên Pháp chỉ được hưỡn ngày nhập ngũ với điều-kiện thi đậu vào các trường lớn).

Luật đào thải ở đây cũng gay gắt lắm, và sinh-viên nào lâm vào cảnh :

« Học đã toi cơm nhưng chưa chín »

« Thi không ăn ớt thể mà cay »

Tất phải từ-giã các bạn đồng môn và giấc mộng niên-hoa.

Đối với sinh-viên Việt-Nam, sự sa thải cũng nặng nề lắm, vì họ sẽ mất chuyên ngành, hay mất học bổng và làm phiền gia-đình ở nơi quê-hương. Vì vậy,

trong những tuần lễ này, tôi đối đãi với sinh-viên Việt-Nam với tất cả tấm lòng ân cần, thân mến. Họ sẽ là những cán bộ ngày mai của xứ sở, họ là nguồn hy-vọng của dân-tộc ta. Họ đổ đạt là lòng ta vui mừng!

Đồng thời với các cuộc thi vào các trường lớn, trăm ngàn các sinh viên khác cũng đang « lều chõng » để cố thành cô tú, cậu tú, cử-nhơn, bác-sĩ, kỹ-sư v.v...

Các sinh-viên Việt-Nam, tuy trong lòng nhiều lo âu, nhưng

cũng chứa chan hy-vọng. Tôi xin nhắc với bạn câu nói của một sinh-viên đang thi vào trường Cầu-Cống : « Tôi mong học mau rồi, để làm vui lòng cha mẹ tôi và để được về xứ sở làm việc hữu-ích ».

Chúng ta đều mong mỗi cho anh ấy và các bạn Việt-Nam của anh, phải không bạn ?

Thân mến,
NGUYỄN-VĂN-CÒN



* DANH NGÔN

● Ái-tình là ngôi sao mà người đàn-ông vừa đi vừa ngược mắt lên nhìn, còn hôn-nhân là cái lỗ-cống mà hần sụp xuống.

H.L. MENCKEN

● Nước Anh và nước Mỹ là hai xứ cách-biệt nhau bởi cùng một tiếng nói.

(L'Angleterre et l'Amérique sont deux pays séparés par la même langue).

G. B. SHAW

MỘT GIẤC MƠ HOA



★ DUYÊN HỒNG

(Tiếp theo P.T. 82)

* Chủ-nhật, 25-1 - 12 giờ trưa.

Sáng nay Sửu đến chơi, nhắc lại cuộc « tranh-luận sôi nổi » chiều qua ở nhà Loan.

S Sửu bảo : « Từ nay tao tày chay bọn con Loan. Hồng còn chơi với chúng nó nữa không ? » Hồng đáp : « Tao cũng ngán các bà ấy lắm ! Tao ngán từ lâu rồi, nhưng cứ việc chơi để xem cho biết tội chúng nó làm những cái trò gì, chứ tội gì bút cho uổng, mầy ! Tội mình không thể theo nếp sống « hiện-sinh » bừa bãi như con Loan con Khánh được, mầy xem chúng nó chỉ lo nhẩy nhót, tối nào cũng cặp tay với bồ đề đi chơi, viết thư cho mèo, không thì vào cinê ngồi cả buổi để tình-tự với nhau và làm những cái trò khi, chứ có đũa nào chịu học hành gì đâu. Nhưng Hồng vẫn thích thĩnh-thoảng

giao-thiếp với lũ con Loan, để tìm hiểu những hành-động của tụi nó, vì tính tao ưa tò-mò, chuyện gì hay, hoặc dở, tao cũng muốn nhìn rõ vào các khía cạnh để rút bài học kinh-nghiệm với đời. Nhưng tụi nó ngu lắm, mày ơi! Hôm qua chúng nó chế-nhạo tao là đi xi-nê với Hải mà cũng phải xin phép Ba Má. Tao đã bảo rằng tại vì tụi mình còn con-nít, mới có 16, 17 tuổi, làm gì cũng nên hỏi ý kiến Ba Má để giữ gìn mọi sự bất trắc không ngờ. Chứ đã lớn như mấy chị 19, 20 tuổi, thì tùy ý, khôn nhờ đại chịu. Hồng thấy rằng dù sao đi nữa, tụi mình hay còn là ngây thơ, ngớ-ngẩn, có phước mới còn Cha-Mẹ mà mình không nương tựa vào sự dạy bảo khôn-ngoan của cha mẹ, thì tránh làm sao khỏi vấp, tao hỏi mầy? Giữa đời sống xa-hoa đầy cạm-bẫy ở nơi thành-thị, đàn-ông con giai họ có đủ các mảnh-lời, bọn con gái còn nhỏ tuổi, khờ-khạo như tụi mình, làm sao biết được ai là đứng đắn, tử tế, ai là xỏ-lá ba que? Đọc nhật trình thấy biết bao nhiêu vụ lường gạt, quyến-rũ, tự tử vì tình một cách hết sức ngu-xuẩn, mà nạn nhân phần nhiều là bọn con gái 15, 16, 17 tuổi, vị-thành-niên như tụi mình. Thấy thế mà tao ngán lắm, mầy ơi! Hầu hết mấy con nhỏ đại dột ấy đã vồ vập đua theo phong trào «Hiện Sinh» đấy, như lũ con Loan, con Hà, con Khánh... Nhưng chúng nó mù quáng, lại hiêu-hiêu tự đắc, mắng lại tụi mình là « hủ-lậu », là « ngốc ». Mấy bạn con Loan chế-nhạo Hồng là « bà cụ non », Hồng tức ghê đi, Hồng hỏi lại nó thế thì Loan đã có đủ trí khôn, đủ kinh-nghiệm để thoát-ly ra khỏi gia-đình chưa? »

Sửu :

— Tụi bạn mình cũng đông, chỉ có con Loan với vài đứa nữa là bừa-bãi, chứ trong lớp tao thấy đứa nào cũng ngoan cả. Tao, thì tao cho rằng tụi con Loan hư hỏng quá, chẳng qua là tại các bậc cha mẹ của chúng bỏ-bê chúng, hay là quá cưng con, quá chiều con, không dạy bảo chúng.

Chứ như tụi mình còn Ba Má, Ba Má lo cho từ miếng cơm, tấm áo, săn-sóc từ việc học, việc chơi, việc gì Ba Má cũng bày vẽ, chỉ-bảo, khuyên răn, thì tụi mình đâu có hư hỏng được. Nhỏ như tụi mình, 16, 17 tuổi, lớn như mấy chị đã 19, 20 tuổi, đều

cần phải có sự bao bọc che-chở của gia-đình chứ. Bạt-mạng như con Loan con Khánh, học thì còn dốt, trí-óc còn non, tuổi tác còn khờ, thế mà đã hiêu hiêu tự đắc cho mình là « Đợt sống mới », là « Hiện-sinh », là « tân-kỳ », thì lớn lên rồi biết!...

Sửu đã thấy mấy đứa như thế rồi, chứ bộ không có sao! Con Huệ nào đó, học Đệ-Ngũ, con bà chủ tiệm tạp-hóa, mới có 15 tuổi, má nó đã để cho nó tự-do, đã độn ngực thật bự, đã mang giày cao gót, đã viết thư tình, kết cuộc nó đã bỏ nhà trốn theo một ông lính Bảo-An lên Pleiku. Bây giờ có bầu, mà không biết nấu cơm cho chồng nó ăn, bị chồng đánh cho đã đời, không dám trở về nhà mẹ. Anh của Sửu làm Trung-Úy Bảo-An ở Pleiku về, kể rõ hết chuyện cho Sửu nghe, phát ngán!

— Hồng cũng biết chuyện con Lệ-Mai, mới có 16 tuổi. Ba má nó buôn bán ở Long-xuyên, nó theo Chú Thím nó lên Saigon, Chú nó làm thư-ký hãng buôn, Thím nó có cái sập bán trái cây ở chợ Trần quốc-Tuấn, nó học Đệ-Lục ở Trường Tư. Con ấy cũng nhí-nha nhí-nhảnh, cũng đi học khiêu-vũ, mặc đồ cao-bồi, có ba bốn thằng nhân tình, chẳng kém cô gái Đợt Sống Mới nào cả. Chiều thứ Bảy nào Hồng cũng gặp nó đi với một lũ con giai mắt dạy trên đường Bô-na, mặt nó vênh váo « làm le » ra về ta đây cũng là « gái của thời đại », cũng là « Hiện-Sinh », cũng « Đợt sống mới », thấy thật là khả-ố, khả-bi. Thế rồi... một hôm nó cạy tủ ăn cắp vòng vàng, và 15.000 bạc của Thím nó, trốn đi.

Thì ra cô-ả đã đi « xây tổ uyên-ương » với một chàng « ca-sĩ » ở một xóm lao-động ngoại-ô. Tám tháng sau, tiền hết, con nhỏ lại có bầu, chàng ca-sĩ trốn đi mất biệt. Con nhỏ hốt hoảng đi lang thang tìm « người yêu ». Không gặp, nó đành phải đi trình sở cảnh sát. Cảnh sát Nhatrang báo tin cho chú thím nó ở Saigon hay. Thím nó ra Nha-trang đem nó về.

Về Saigon, sanh được đứa con gái, chú thím không nuôi nữa, Lệ-Mai đành xoay qua đi làm nghề vũ-nữ. Thế là hết Đợt sống mới!

Sửu cười :

— Kết quả cái tự-do lãng-mạn của cô « Snob » *Hiện-Sinh* là hiện giờ cô sanh nhai bằng nghề gái nháy ! Hồng đề ý xem : hầu hết những cô gái bặt mạng của Đợt Sóng Mới là con cháu những gia đình như sau đây :

— Cha mẹ lo sinh kế, không sẵn sóc đến sự giáo dục của con gái lúc con còn **vị thành-niên**.

— Cha mẹ cưng con gái, chiều con gái để con tự do, **tuồng con còn nhỏ tuổi, chưa biết gì**.

— Cha mẹ giàu-có, để con gái xài sang, tập lái xe hơi, mở « khiêu vũ gia-đình », giao-thiếp bữa-bãi với bạn trai, tưởng thế là « văn-minh » đúng theo « thời đại » v.v...

Kết quả là hầu hết những lớp thiếu nữ, 13, 14, 15, 16, 17, 18 tuổi của các gia đình như trên kia đều hư hỏng. Loan, Khánh, Hà, là những thiếu-nữ điển-hình, được tự-do học đòi theo các phong-trào xa-hoa vật-chất, trụy-lạc về tình-dục, *ngay lúc đương tuổi dậy thì*.

Hồng nghe Sửu nói rất chí-lý. Hồng đề-nghị với Sửu gây ra trong hai trường Nữ Trung học Trưng-Vương và Gia-long một phong-trào « chống đợt sóng mới », và « đả đảo thuyết hiện-sinh ».

Nhưng Sửu lè lưỡi : « Eo ôi ! Sửu không dám rời đó ! »

— Tức mình nói thế cho oai chơi, chứ thật ra còn nhai con mà đâu dám chuyện « đội đá vá giày » !

✱ **Bên chủ-nhật. 10 giờ.**

Bài thơ con cóc sau đây, Hồng vừa làm xong. Hôm nào cho Hải xem đề Hải hết hồn chơi !

TUỔI DẬY THÌ

*Tuổi em mười sáu, em là trắng tròn,
Em nghe tim em ca-hát véo-von,*

*Trời mây nắng gió tràn ngập tâm-hồn.
Tuổi em mười sáu, em là chim con.*

*Tuổi em mười sáu vấn-vương bao tình,
Vương thơ, vương mơ, huyền-ảo xinh xinh,
Tuổi em mười sáu, men đời dịu lành,
Tuổi em mười sáu, ngào-ngạt hương trinh.*

Đêm nay em cầu nguyện :

*Ánh trăng long-lanh đừng bị vướng mây sầu,
Tiếng chim thanh-thanh đừng nức nở canh thâu,
Duyên thơ mong-mạnh đừng chóng nhạt phai màu
Giấc mơ xanh-xanh đừng bị vết thương đau.*



✱ **THIÊN ĐÀNG, ĐỊA NGỤC**

Trong một buổi tiệc ai nấy cùng bận về Thiên-Đàng và Địa-ngục. Nhà văn Tristan Bernard làm tỉnh. Một thiếu-phụ ngồi cạnh ông, hỏi :

— Thưa ông, ý kiến ông như thế nào ạ ?

— Tôi ? Tôi thì tôi cho rằng ở Thiên-đàng có lẽ khí hậu mát-mẻ thơm-tho, nhưng tôi thích Địa-ngục hơn vì ở đấy vui hơn và đông bạn bè hơn.

H.T. Trâm



QUAN PHỦ

TỪ NGÀY VIÊN TRI-PHỦ X. BỊ ĐÒN

Từ ngày viên Tri-phủ X. đến trấn nhậm hạt Tam-kỳ thì cảnh sống của dân-chúng đã khó khăn lại càng khó khăn thêm. Y hà-hiếp, bóc lột dân-chúng càng cực ; bọn nha-lại và lính lệ của y tác-oai tác-quái, gieo rắc tang-tóc cho dân-chúng không thể nào nói xiết.

Mỗi lần y đi hành-hạt một nơi nào thì y cho bọn lính lệ đến trước đề sắp đặt việc đón rước y và chỗ ăn nghỉ. Bọn lính này lại được một dịp vơ vét của dân-chúng. Y đi đến đâu thì kèn trống vang lừng đến đó, oai phong lẫm-lẫm.

Có một lần y đi tỉnh về, với cái xác cân nặng gần 100 kg, bọn lính ì-à ì-ạch khiêng y trong một cái cán từ Hội-an về;

một truyện có thật xảy ra trong thời Pháp thuộc

vừa đến địa hạt Tam - Kỳ. Khoảng đường gần 60 cây số, khiến bọn lính « tháp tùng » coi chừng không ráng mà ra mồ. Đến địa hạt Tam-kỳ chúng dừng lại nghỉ, từ đây về đến dinh quan Phủ hay còn 10 cây số nữa mà chúng thì bết lấm rồi.

— Bẩm quan, chúng con đau mệt quá vì trời nắng, — một tên thừa — X. vắn trán mây-huế trong cáng nói ra :

— Bay thấy có thằng dân

QUAN PHỦ BỊ ĐÒN

nào của phủ Tam-Kỳ làm gì ở gần đây thì bắt nó cáng đỡ cho một chận.

Bọn lính mừng quá, chúng đưa mắt tìm trong cánh đồng thì may có một ông già đang vác cuốc đi về phía đường cái.

— Ê, tên dân kia lại đây quan bảo — một tên gọi.

Một ông già trông bộ phương-phi vác cuốc đi lại :

— Bẩm mấy thầy, ai trong cáng ấy? Ông hỏi.

Tên lính hách dịch trả lời :

— Quan chứ còn ai? này, cáng quan một chận, mau, dứt vai vào.

Ông già điệu bộ rất tự-nhiên, vút cuốc bên đường, dứt vai vào đòn cáng cùng một tên lính cáng đi.

Cáng đi độ gần một cây số, ông già làm bộ nhăn nhó, mệt quá vì nặng rồi tự nhiên đỡ cáng vút bịch một cái, quan tri phủ lẫn cù xuống lề đường.

Mấy tên lính thất sắc sắp xông vào đánh ông già, thì viên tri-phủ đã lồm cồm bò dậy, nhìn ông già, tri-phủ bỗng run lạt-bạt rồi quên cả đau đớn sụp xuống lạy :

Ông già nghiêm-nghị :
— Mày biết ta à? Nguyễn Tề-Tửu đã về hưu đây. Xưa nay ta nghe tiếng người tàn ác, bóc lột nhưng hôm nay mới thấy tận mắt...

Dân chúng hai bên đường thấy chuyện lạ đổ tới xem. Ông già (tức quan Tề-Tửu cáo lão về hưu) gọi :

— Xà Trà đâu? nọc thăng X. này ra đánh cho ta 30 roi về tội sách-nhiệm dân-chúng.

Quan tri-phủ bây giờ đã lạy thoi mòn đất, van xin như bộng. Xà Trà (tức Lý-trưởng Trà) thuộc quyền Tri-phủ nên ngần ngại không dám đánh, Quan Tề-Tửu bảo dân-chúng nọc ra, rồi ngài bắt ghế ngồi nhip nhip mà đếm cho đủ 30 roi, Tri-phủ « uốn lưng thọt đổ, dập đầu máu sa ».

Những lần sau Tri-phủ có đi đâu về tới làng Gia-thọ, nơi quan Tề-Tửu Nguyễn T. đã hưu-trí thì riu-riu mà bước xuống cáng, đi bộ khỏi đó xa xa rồi mới dám trở lên năm cáng mà tréo-mây-huế trở lại.

★ NGUYỄN-ĐỨC-DŨNG

hoa nở muộn



★ LÂM-VỊ-THỦY

LỰU dừng lại trước cánh cổng phen tre đan mắt cáo. Một chiếc lá bàng chợt lia cành rơi vướng trên lối đi. Có tiếng lũ trẻ gọi nhau om sòm. Lựu đưa mắt nhìn qua hàng đậu dâm bụi; bên kia con đường đất nhỏ, nhà bác Năm hôm nay nom rục rở hẳn lên với những lồng đèn, những xâu bông giấy đủ màu.

— Ngày mai, xóm này lại vắng thêm bóng một người con gái.

Ý nghĩ này khiến Lựu thốt nhiên lặng người đi. Nàng có cảm giác như khi tình cờ ngang qua một ngôi trường, nhìn những vành nón rưng rưng màu phượng vĩ. Trong giây phút ấy, Lựu biết

Lựu nghĩ gì, và ước muốn những gì.

Lựu đẩy nhẹ tay về phía trước; nàng cúi đầu đi qua chiếc sân rộng vào nhà. Căn nhà ba gian, kiêu cổ, mái ngói cũ kỹ như những ràng buộc muộn đời, đè nặng lên những đồ vật bên trong.

Lựu cởi áo dài máng tên mắc. Nàng lại gần soi mình trong cánh tủ gương. Bóng tối dâng lên từ bốn góc phòng tự bao giờ, Lựu thấy da mặt mình hình như xanh hơn, và lớp

phấn mỏng không đủ dấu những nét nhăn trên vầng trán.

Lựu bỏ ra vườn sau, nàng đứng tựa lưng vào một góc cây vú sữa. Hàng xóm đã có nhà lên đèn. Giờ này chắc những người đi làm đều đã về với gia đình. Lựu nghe tiếng mâm chén va chạm, và tiếng rầy rà nhỏ nhỏ. Lựu bỗng nhớ tha thiết những ngày xưa, những kỷ niệm êm đềm không bao giờ trở lại. Còn gì xấu số cho bằng những người con gái trưởng thành giữa buổi nhiều nhưong. Lựu đã phải sống không một tiếng nói, không một nụ cười bao nhiêu năm rồi; Lựu còn phải sống thế này bao lâu nữa.

Thuở nhỏ, Lựu sống trong sự chiều chuộng của những người chung quanh bên giồng Đồng-Nai — Bassac. Bấy giờ chiến tranh bùng nổ. Ba Lựu, rồi anh Lựu nối nhau ra đi. Họ đi về phía có những giấy núi bốn mùa sương phủ. Chưa một ai trở về. Má Lựu cứ phải sống không hy-vọng, không chờ đợi như thế cho đến khi người gục xuống. Khi ấy Lựu vừa mười bảy tuổi. Lựu mang em bỏ que

hương mà đi, vào đời với bao nỗi nhục nhằn chua xót. Bấy giờ thì Lựu không còn trẻ trung nữa, cả những ước mơ của nàng cũng vậy.

Thoáng vạt áo trắng ngang nhà trên, Lựu đoán có lẽ em nàng đã về học.

★

Hà bối cơm ra hai chén, hỏi mà không nhìn Lựu:

— Chị không đi ăn cưới con bác Năm sao?

Giọng Hà rất tự nhiên, rất thành thực, nhưng không hiểu sao Lựu lại thấy khó chịu. Quảng thời gian gần đây, mỗi lần nghe tới chuyện hôn nhân, Lựu đều có cảm tưởng như mình bị chế riếu. Từ lâu, bần phận đã khiến Lựu phải sống âm thầm, lặng quên ngay chính bản thân mình. Lựu cho đó là sự hy sinh quá đáng, nàng ngấm ngấm bực bội. Sự bực bội mỗi ngày mỗi thêm chồng chất, đợi dịp tràn ra. Lựu dẫn mạnh đôi đũa xuống thành mâm, sáng giọng:

— Tôi còn phải lo ăn lo làm, cực khổ trăm điều chứ có đâu rảnh rang như cô mà nghĩ tới chuyện đua đòi vui sướng.

Hà ngậm cứng miếng cơm trong miệng, nàng mở to mắt nhìn chị. Lần đầu, kể từ khi ba má mất đi, Hà mới thấy chị có thái độ hết sức vô lý đối với mình như thế.

Cái nhìn của Hà khiến Lưu tức giận thêm, nàng vung tay làm một cử chỉ như sắp đánh em :

— Khốn nạn ! Không biết điều.

Hà nấc lên, hai tay úp mặt, vùng chạy xuống bếp.

*

Lưu bước từng bước chậm trên con đường đất dài tối thẫm. Lối đi hẹp giữa hai hàng cây um tùm. Những thân cây có từ bao nhiêu năm, chứng kiến bao nhiêu chuyện đời đời. Vài chuyến xe bò khấp khểnh lặn qua. Người đánh xe ngồi ngủ gục bên ngọn đèn hỏa hoàng từ mù. Tự dưng Lưu có ý nghĩ rằng không ai may mắn hơn ai cả. Lưu liên tưởng đến gia đình lờ rờn ở sau nhà nàng; hai vợ chồng gầy gò với nhau tối ngày sáng đêm không ngoài vấn đề cơm. Hình như sự cực khổ đã xô đẩy con người đến chỗ ghét bỏ, căm thù nhau một cách hết

sức vô lý.

Chợt tiếng kèn đồng nổi lên phá tan khung cảnh tịch mịch ; Lưu bàng hoàng dừng bước, ngược nhìn. Nàng đã tới bên đồn binh lúc nào mà không hay. Trên chòi canh, người lính đang ghì súng ngắm về phía chân trời man mác, lấp lánh ánh sao đêm ; đôi mắt sâu thẳm. Lưu nhìn hàng rào kẽm gai, nàng trạnh nghĩ đến quê hương, đến gia đình, đến những người đã chết, đến nỗi cô đơn của mình hiện tại ; Và bỗng nhiên Lưu hối hận, nàng cảm thấy thương em vô cùng. Thẩn thờ, Lưu quay gót.

Nhà cửa đã được thu dọn sạch sẽ. Lưu bước vào phòng, ngủ. Nàng thấy Hà nằm co rút trên giường, đầu gối lên cánh tay, và trên gò má mịn màng của em, Lưu còn như nom rõ ngấn nước mắt. Lưu đuổi muỗi cho em rồi lấy mùng ra giăng. Nàng nhẹ ghé nằm xuống bên cạnh, khe khẽ em nằm lại cho ngay ngắn. Hà chợt thức giấc, mở mắt nhìn chị, cái nhìn hồn-nhiên, dịu dàng, không có vẻ gì là hờn giận. Lưu ôm em vào lòng, nàng hôn lên tóc em

như hồi Hà còn nhỏ. Giọng Lưu thoảng như hơi gió vừa lọt vào phòng làm lay động tấm màn hoa che cửa :

— Quần áo em hình như sắp rách hết thì phải. Đều đầu tháng này chị dẫn em đi chợ Bến Thành mua, bây giờ có nhiều hàng đẹp lắm. Và nâng cằm Hà lên; Lưu nhìn vào mặt em, âu yếm :

— Cô công chúa của tôi thích màu gì nào ? Xanh hay trắng ?

Hà không nói, chỉ dụi đầu vào ngực chị. Lưu vuốt lưng em. Nàng nhìn về phía tường treo ảnh mẹ. Qua lá màn thưa mỏng, Lưu mừng tượng như mẹ đang mỉm cười, nụ cười thật là hiền hậu...

LÂM-VỊ-THÙY

(2-61)



* ĐỀU ĐƯỢC HOAN HỒ

A.— (khoe với bạn) Ba tao vừa chế tạo xong một thứ vũ khí rất tiến bộ (tốt tân), chỉ nổ một phát là hàng trăm sinh mạng bị tiêu diệt ngay.

T.— Thế à, chắc cũng không kém lấy nữ của Thần Kim-qui cho vua Hùng-Vương, mà ỷ nhỉ ?

A.— Không kém, mà còn lợi hại kinh khủng gấp mấy. Ba tao không những được trọng thưởng, gán huy-chương, tăng lương mà đến các báo, thiên hạ ca tụng hoan hô rầm trời nửa mấy ă. Còn ba mà ỷ ?

T.— Ba tao cũng vừa phát minh ra một thứ thuốc chữa bệnh cùi, cũng được thưởng nhưng không đủ tiền thù lao.

A.— Thế còn dư luận, các báo ?

T.— Chỉ được các bệnh nhân cùi hoan-hô và cũng được các báo đăng vào mục tin vẫn !

HÀ-YẾN
(Huế)

Anh-Quốc nghiên-cứu

K H Ò N G G I A N

Trong một ngày gần đây, Anh-Quốc sẽ phóng thí nghiệm một vệ tinh nhân tạo lên không gian để nghiên cứu thượng tầng không khí gọi là ionosphere. Trong bài sau đây cây bút khoa học John Hodges sẽ giải thích một cách rất dễ hiểu cuộc nghiên-cứu không-gian quan-trọng ấy.

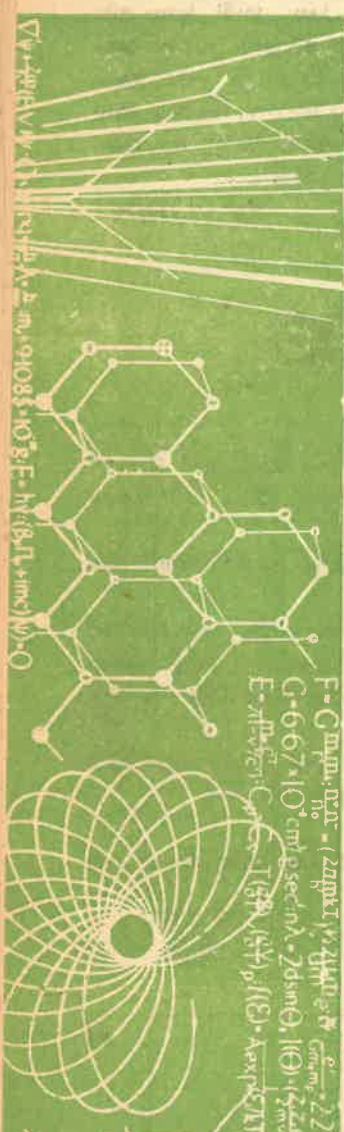


John Hodges : Ngày mà Anh-Quốc có một vệ tinh nhân tạo bay trên quỹ đạo không gian sẽ không còn bao lâu nữa — nếu không có gì trục trặc kể cả việc phóng vệ tinh lên không-gian. Hòa tiền dùng để phóng vệ tinh không phải do Anh-Quốc sáng chế. Đây là hỏa tiễn Delta của Mỹ.

Một số lớn máy móc sẽ được đặt bên trong vệ-tinh. Tất cả những máy móc ấy đều do Anh-Quốc vẽ kiểu và chế-tạo. Và như thế có thể nói trắng ra rằng vệ-tinh

hoàn toàn là một sản phẩm của Anh. Lẽ dĩ nhiên đây không phải là lần đầu tiên Anh Quốc mới đề ý đến việc nghiên cứu không gian. Một đài vô tuyến viễn vọng có tiếng đã được xây tại Jodrell Bank ở Cheshire. Đài trông giống như một cái đĩa hoặc là cái chén không lồi đặt trên một đường rãnh vòng tròn. Đài viễn vọng này, khác đài viễn vọng kính ở chỗ là thay vì tiếp nhận những quang-tuyến, đài lại nhận những làn sóng điện. Đài cũng có thể phát những làn sóng điện đi nữa. Điều này rất quan trọng vì những luồng sóng điện không bị thời tiết ảnh hưởng. Người ta có thể sử dụng đài vô tuyến viễn vọng trong những thời gian mà người ta không thể nhìn thấy gì qua đài viễn vọng kính. Hơn nữa đài vô tuyến viễn vọng có thể theo dõi những phi thuyền không gian trên những đoạn đường khá xa.

Như vậy, thì việc phóng một vệ tinh lên quỹ đạo chỉ là một bước tiến thêm trong chương trình nghiên cứu không gian của Anh-Quốc. Người ta có thể thắc mắc đặt câu hỏi tại sao bất cứ quốc gia nào cũng muốn phóng vệ tinh chỉ mang thuyền máy móc lên quỹ đạo trái đất mà thôi? Câu trả lời rất đơn dị. Con người không thể nào tìm tòi nghiên cứu sự vật bằng máy móc được. Người ta có thể chế những máy rất nhạy tin



cây được và có đủ khả năng để tìm kiếm những sự vật phi thường mà sức người không thể nào làm được. Nếu muốn nghiên cứu những sự vật ở thượng tầng không gian thì tất nhiên phải nhờ đến máy móc.

Lẽ dĩ nhiên là nếu loài người toan tính một ngày kia sẽ du hành ra ngoài tầng không gian và đến những hành tinh khác, thì bây giờ họ muốn biết những điều kiện thiên nhiên tại những nơi ấy như thế nào. Loài người vốn rất hiếu kỳ. Họ muốn biết thêm về vũ trụ mà họ đang sống trong ấy. Và không có gì làm cho họ bớt hiếu kỳ được.

Bây giờ, nếu đi lên cao mãi cách mặt đất thì không khí loãng dần. Trên độ cao 96 cây số cách mặt đất không khí loãng đến một phần triệu lần so với không khí trên mặt đất. Nhưng lại không có một ranh giới rõ ràng nào chia biệt hai tầng không gian khiến đứng bên này thì có không khí còn bước qua bên kia thì chẳng có chút không khí nào. Và nếu cứ lên dần cao hơn 96 cây số nữa, thì không khí trở nên hiếm dần. Và ở trên những

độ cao như thế lại có những ly tử của những chất mà chúng ta cần phải biết, ví dụ như những dương điện tử tự do chẳng hạn. Thường thường thì những dương điện tử là những siêu vi tử nằm trong nguyên tử, nhưng rời những dương điện tử cũng có thể thoát ra ngoài được. Người ta cần biết tỷ lệ của dương điện tử trên thượng tầng không khí lên đến mức nào. Vệ tinh nhân tạo của Anh có một máy rất tinh vi có thể đo lường tỷ lệ dương điện tử và gửi tín hiệu vô tuyến xuống đất cho các nhà bác học biết. Máy phát thành trên vệ tinh chạy bằng điện lực do những mô quan kính đặc biệt có thể biến ánh sáng mặt trời thành điện lực để cung cấp cho máy. Và nhờ vậy mà vệ tinh không cần phải mang theo những điện tử cồng kềnh.

Vệ tinh có mang theo một máy nghiên cứu vũ trụ tuyến và những phần tử lừng-lờ trên thượng tầng không gian nữa.

Chính bầu không khí bao quanh quả địa cầu đã ngăn chặn ảnh hưởng nguy hại của vũ trụ tuyến và những phần tử nói trên

đối với cơ thể loài người và vì vậy mà loài người lại muốn biết ảnh hưởng ấy nguy hại đến đâu ở trên thượng tầng không gian nơi mà cơ thể loài người không được bầu không khí che chở nữa. Vệ tinh lại có những máy móc khác để nghiên cứu quang tuyến « X » và những tia cực tím do mặt trời phát ra. Chính bầu không khí đã lọc hết ảnh hưởng tai hại của hai loại quang tuyến ấy đối với cơ thể loài người. Ở trên thượng tầng không gian, nơi mà khí trời rất hiếm, người ta cần phải đề ý tìm hiểu nhiều sự vật khác nhau nữa. Loài người cần phải tìm hiểu những sự vật ấy càng nhiều càng hay. Và loài người cũng chỉ mới bắt đầu nghiên cứu thượng tầng không gian mà thôi.

Thật ra, nhân loại mới ở vào thời kỳ mà bất cứ một sự khám phá nhỏ nhoi nào thuộc về thượng tầng không gian cũng có giá trị cả. Vì vậy, không có việc gì có thể bỏ qua được sau khi phóng vệ tinh đầu tiên này lên quỹ đạo, sang năm tới Anh-Quốc sẽ

phóng một vệ tinh thứ hai nữa. Vệ-tinh thứ hai sẽ chứa những dụng cụ để nghiên-cứu những sự việc như thế tích và số lượng của những ly tử vân thạch. Có lẽ những vân-thạch này có ảnh hưởng đến nước mưa. Như thế thì việc nghiên cứu vân thạch không phải là đề biết suông về vân thạch. Và sau vệ-tinh thứ hai sẽ có vệ-tinh Anh-quốc thứ ba.

Tất cả những dụng cụ máy móc ấy được nhiều trường đại học ở Anh-quốc chế-tạo thật nhẹ để khỏi làm cản trở việc đưa vệ-tinh lên quỹ đạo. Tất cả mọi người đều góp công góp sức vào. Đây là một chuyện rất thường vì vượt không gian là một cuộc phiêu-lưu mạo-hiểm mà. Khi vệ-tinh Anh được đưa vào quỹ đạo thì các nhà bác học Anh cũng như trẻ con Anh đều bị kích-thích tột độ. Các bác học Anh không biểu lộ sự vui mừng của họ giống các trẻ em nhưng xét cho kỹ thì họ cũng vui mừng không kém gì các trẻ em.



Đây ! Phan-Thiết ! dòng Mưong-qiang uốn khúc,
 Nước lững-lờ soi, bóng chiếc thuyền câu.
 Núi Bình-Hưng, Đức-Nghĩa bốn nhịp cầu,
 Không xinh-xắn nhưng gập ghềnh sóng nhạc.
 Đây, Phan-Thiết ! miền quê hương nước bạc,
 Lắm cá, nhiều tôm, ngon thơm ngào-ngạt,
 Nước mấm mặm, nồng đượm thắm tình thương.
 Bao cánh buồm say lướt gió đại-dương
 Dem mạch-sống về dân-cư Bình-Thuận,
 Cho Phan-Thiết dù sang hèn bất luận
 Một cuộc đời êm thắm chẳng đua chen,
 Dầu mười năm khói lửa đã nhiều phen
 Làm biến đổi phố phường bao bộ mặt.
 Dân Phan-Thiết vẫn cần-cù lượm-lặt
 Những vun-vấn đồ-nát thừa đao-binh,
 Quyết ra tay khâu vá lại thị-thành,
 Cho Phan-Thiết ngày nay bừng mạch-sống.
 Cho Phan-Thiết giờ đây năm soi bóng
 Về oai-hùng vồn đáy nước Đại-Thành
 Cảnh núi Tà, bãi Thương-chánh trong-lành,
 Gành Mũi-Né đáng mơ màng quyến rũ.
 Cùng nhạc bè muôn đời như ru ngủ
 Với gió chiều lướt nhẹ, cát tung bay,
 Lầu Ông-Hoàng bao ý đẹp thơ hay
 Lưu khắc mãi mối tình thiên cổ hân.
 Hỡi những ai suốt đời danh lận-đận!
 Hỡi quay về vui sống nước trũng-dương
 Chính nơi này sẽ ấp ủ tình thương
 Cho những kẻ xa quê-hương yêu dấu !

CẢNH

(happy valley)

ĐỒNG

HẠNH PHÚC

★ VŨ SINH

LTS.— Nhân dịp đoàn túc-cần Happy Valley (Cánh Đồng Hạnh Phúc) của Hương-Cảng, qua thăm Saigon vào ngày 17-6-62, người ta nhớ tới một cái tên « Happy Valley » khác, cũng của Hương-Cảng, chỉ định một trường đua đã từng nổi danh quốc-tế về câu chuyện hồn ma báo oán trước đây.

ANH nài Marcel Samarcq, một tay « giô-kê » thiện nghệ mà trong giới « tuyệt phích » Hương Cảng không ai là không biết, đang cúi rạp trên mình ngựa và ra roi cho ngựa lao như tên bắn ra khỏi một đàn ngựa như dồn vào một đồng trong

khúc quanh của trường đua. Hàng ngàn người cổ vρον cò ra để nhìn rõ cái cảnh « chiến thắng » gần kề của anh nài Marcel Samarcq, trong đó có cả vợ anh.

Trường đua « Cánh Đồng Hạnh Phúc » (Happy Valley) ở Hương-cảng bữa nay cũng có vẻ tung bừng nhộn nhịp hơn mọi khi, vì ngoài một số « tuyệt phích » quen thuộc, còn thêm một số thể thao gia vì mộ danh Samarcq, nên muốn đến xem tận mắt tài nghệ của anh nài da trắng này ra sao. Thế nên, khi đoàn ngựa vừa tới khúc quanh cuối cùng để rồi phóng thẳng đến mức ăn thua, thì tiếng hò

reo hoan nghênh nổi dậy tứ phía vì ít khi người ta được chứng kiến một cảnh tranh tài gay go, đẹp mắt đến như vậy.

Thốt nhiên, những tiếng hoan hô vui vẻ ấy bỗng biến thành những tiếng rú sợ hãi, vì con ngựa dẫn đầu đã bỗng dừng hẳn quay ra giữa lối đua trong một đám bụi mù-mù. Một vài con, bám sát theo sau, tránh không kịp đã đâm bừa lên anh nài và con ngựa không may. Nhiều ngựa khác tránh vội sang bên cạnh cũng bị trượt và té lăn kềnh.

Khi đám bụi mù-mù đã bay hết, đoàn người và ngựa đã lồm cồm bò dậy để tiếp tục cuộc đua, người ta nhận thấy thân hình giống giống của anh nài xấu số nằm vắt ngang lối chạy. «Giờ-kề-số-một» Marcel Samarcq không còn nữa.

Trong khi những người Âu có mặt tại trường đua Happy Valley, phần lớn là người Anh và Mỹ, đều tỏ vẻ kinh ngạc và không ngớt bàn tán về tai nạn bất ngờ ấy, thì đa số những người Trung-Hoa chỉ buồn rầu nhìn nhau, như cùng thông cảm một điều bí-mật về cái chết của anh nài Samarcq, mà chẳng dám nói ra.

Ban tổ chức cuộc đua lập tức cho mở cuộc điều tra. Tất cả những anh nài đã bị té và bị thương đều được lấy lời khai, những cuộn phim quay trong cuộc đua được đem ra nghiên cứu kỹ-lưỡng. Cuối cùng, kết quả cuộc điều tra được công bố: « tai nạn đã xảy ra vì... rui ro ».

Nhưng một số chủ ngựa, cũng như huấn luyện viên, nài, và cả những tay «tuyệt phích» nữa, đã tỏ vẻ không hài lòng về kết luận của ban điều tra. Họ biết rõ lý do của tai nạn thảm khốc này, và một người trong bọn họ đã nói ra: « đó là ma trường đua lại bắt đầu quấy phá, đòi thường mạng. »

Đó là một câu chuyện thương tâm xảy ra cách đây gần nửa thế kỷ, mà không một người dân Hương Cảng nào lại không biết, nhất là trong đại chúng Trung-Hoa, thường vẫn được nhắc tới trong lúc tẩu hậu trà dư. Muốn tìm hiểu đầu đuôi câu chuyện thương tâm ấy, nói cho đúng hơn, tai nạn thảm khốc ấy, người ta cần phải đi ngược giòng thời gian trở về những năm mà Hương-Cảng hãy còn là một thuộc-địa kém mở mang...

Ngày 26 tháng 2 năm 1918,

một trong những tai nạn kinh khủng nhất tại Hương-Cảng đã xảy ra, cũng ngay trên khoảng đất trống dùng làm trường đua « Cánh Đồng Hạnh Phúc » hiện nay. Thuở ấy, người ta mới bắt đầu tổ chức các cuộc đua ngựa, và những khán đài mới được dựng tạm bằng tre và lợp lá. Không khí trường đua cũng tung bừng náo nhiệt như thường lệ, rồi bỗng nhiên tai nạn xảy ra một cách hết sức dãn dị và nhanh chóng. Một trong số những căn nhà bằng tre không rõ vì sao bị sụp đổ, chiếc rui nhà làm lật đổ một cái bếp lò của anh bán bánh rong. Thế là không đầy vài phút, « Cánh Đồng Hạnh Phúc » đã biến thành một bể lửa. Trên 2000 người đã bị thiêu sống hoặc bị đâm chết trong tai nạn thảm khốc này.

Đề tưởng nhớ tới những người thác oan hôm đó, một tấm bia kỷ niệm đã được dựng trên một ngọn đồi ngay phía sau trường đua và hàng năm cứ đến ngày 26 tháng 2 dương lịch, con cháu những người bị tử nạn đều lũ lượt kéo nhau tới đó để cúng vái. Đa số dân - chúng

Hương-cảng, mỗi khi nhắc tới vụ hỏa hoạn tại « Cánh Đồng Hạnh-Phúc » năm 1918 đều lộ vẻ buồn rầu, vì họ tin rằng hàng ngàn người chết bất đắc kỳ tử ấy linh-hồn vẫn còn quanh quẩn nơi trường đua không thể siêu linh tịnh - độ được. Và chính những hồn ma này lâu lâu lại gây ra tai nạn. đề-bộc lộ sự giận hờn cũng như để tìm người thế mạng hầu có thể đi đầu thai kiếp khác...

Đề chứng tỏ những điều kể trên chẳng phải là huyền hoặc, người dân Hương-Cảng thường nhắc đến những tai-nạn đã xảy ra tại « Cánh đồng Hạnh-phúc » khoảng 15 năm nay, từng làm thiệt mạng 4 nài và làm bị thương một số khác. Mặc dầu những tai nạn làm thiệt mạng nài cũng đã xảy ra tại nhiều trường đua trên thế-giới, nhưng ở Hương-Cảng, người ta nhất định không cho là vì sự rui ro mà chính là vì bị ma quấy. Người ta đây là những người Trung-Hoa làm nài hoặc đảm nhiệm những công việc khác tại trường đua « Cánh đồng Hạnh-phúc ». Hồi cuối năm 1959, họ

đọa sẽ đình-công nếu Hội Đua Ngựa không chịu chấp thuận lời yêu cầu của họ là lập một đàn chay 3 ngày 3 đêm để cầu-an cho trường đua.

Bởi vậy, Hội Đua Ngựa không có cách nào khác hơn để cho trường đua « Cánh đồng Hạnh-phúc » tiếp tục hoạt-động là mời các vị sư tới tụng kinh và « chay đàn » trong 3 ngày 3 đêm, ngay tại trường đua, đúng như ý muốn của đa số nhân viên giúp việc cho Hội.

Ngày 18 tháng giêng năm 1960, một buổi lễ long trọng đã diễn ra tại « Cánh Đồng Hạnh-Phúc », có rất đông nhân vật danh tiếng tại Hương-Cảng tham dự, trước khi cuộc cúng lễ bắt đầu. Một đàn chay cao 7 tầng được thiết lập ngay tại khán đài chính của trường đua, với đầy đủ phẩm vật theo nghi lễ cổ truyền. Trên một bàn thờ khói nhang nghi ngút có đặt một loạt bài vị các tay nài và những con ngựa đua đã bị chết bất đắc kỳ tử trong vòng 40 năm qua...

Tuần chay kết thúc, trường đua « Cánh Đồng Hạnh phúc » lại tiếp

tục hoạt động. Một hội viên người Anh trong Hội Phật-giáo Hương-Cảng bất chấp những lời phê bình của người đồng hương, ông ta đã bày tỏ ý kiến một cách trịnh-trọng : « Chúng tôi mong rằng cuộc cúng lễ vừa qua sẽ giải thoát các linh hồn chết oan trong vụ hoả hoạn năm 1918 cũng như những « giô-kê » đã chết bất đắc kỳ tử trong các cuộc đua... Chúng ta cũng cầu xin những oan hồn đừng tìm cách trả thù những người sống nữa.

Có thật những con ma ở « Cánh Đồng Hạnh Phúc » đã được siêu linh tịnh độ chưa? Thật khó mà có thể biết được, nhưng đối với đại đa số người Trung Hoa ở Hương-Cảng, « Cánh Đồng Hạnh Phúc » không còn là một nơi « đất dữ » như trước nữa. Một anh nài đã có mấy chục năm trong nghề tâm sự : « Tôi không thể biết rõ những hồn ma có còn lẫn quất ở trường đua không, nhưng từ khi có tuần chay tới nay, tôi thấy vững bụng hơn, mỗi khi lên yên. »

Riêng một số lớn người Anh ở Hương-Cảng vẫn tỏ vẻ không

tin. Họ thường nhắc lại rằng hồi cuối tháng giêng năm 1961, — vừa đúng một năm sau khi nài Marcel Samarcq té chết tại « Cánh Đồng Hạnh Phúc » — thì anh nài James Neel cũng bị tử thương, sau khi ngựa của anh bị vấp ngã. Tuy nhiên, về cái chết của James Neel người dân Hương-Cảng đều cho là một sự rủi ro, có thể xảy ra tại bất cứ một trường đua nào trên thế giới...

Những tai nạn chết người sẽ

còn xảy ra tại « Cánh Đồng Hạnh Phúc » nữa không? Thời gian sẽ trả lời và giới « tuyệt phích » Hương-Cảng đều cho rằng nếu trong một nhà, — chỉ một mùa thôi, — mà không có một tai nạn nào xảy ra, cũng đủ để cho họ tin-tưởng ở Thế giới vô-hình.

Và như thế « Cánh Đồng Hạnh Phúc » mới thật sự đem lại... hạnh phúc cho nhiều người ở Hương-Cảng.



Các nhà sư đang «chạy đàn» trường đua «Cánh Đồng Hạnh Phúc (HAPPY VALLEY) ngày 18-1-1960.



Tuần

DANH CHUNG
LỊCH SỬ
XA HỘI HIỆN ĐẠI

CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT 1910-1960

Ph. Khánh

(Tiếp theo P.T. 28)

★ NGUYỄN-VY

TỪ 1920 đến 1924, tình-hình chính-trị tổng-quát ở toàn cõi nước Việt-Nam có thể gọi là thật yên ổn. Từ thành-thị đến thôn-quê, uy-quyền của nước Pháp đã được triệt-đề tôn-trọng, địa-vị của chính-phủ thuộc-địa đã vững-chắc, không có gì làm lay chuyển được.

Tất cả các cuộc vận-động cách-mạng trong nước, hoặc âm mưu đảo chính, đều đã bị thất bại. Ở Saigon, vụ **Phan-Xích-Long** đánh phá Khâm-Lớn năm 1916 ; ở Huế, vụ **Hoàng-đế Duy-Tân** khởi nghĩa cũng năm 1916 ; ở Bắc-kỳ, vụ **đội Cấn** và đảng Việt-Nam Quang-Phục đánh chiếm tỉnh Thái-nguyên

năm 1917 ; cho đến cả ở Quảng-châu, bên Tàu, vụ **Phạm Hồng-Thái** ném bom ở tô-giới Sa-Điện toan giết viên toàn quyền Merlin năm 1923, — không một cuộc hoạt-động nào trên kia thành-công, và tất cả những nhà ái-quốc khởi-xướng đều bị đàn áp, bị bắt, bị giết, hoặc bị đày đi xa. Trong toàn xứ Việt-Nam hình như không còn ai dám rục-rịch nổi dậy đánh Tây, hoặc hô hào cách-mạng nữa.

Nước Pháp lại vừa thắng nước Đức trong cuộc Thế-giới Đại-chiến 1914 — 1918, và cứ hăng năm, đến ngày 11 tháng 11 Dương-lịch là chính-phủ thuộc địa ở Đông-Dương

TUẦN CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT

tỏ chức ngày lễ Chiến-thắng (họ gọi : Fête de la Victoire) rất long-trọng, uy-nghi hùng hờ, vừa đề mừng một ngày kỷ-niệm vẻ-vang nhất của họ, vừa đề nhắc nhở cho « dân An-nam » rằng nước Pháp rất hùng-vĩ-đại, « văn-minh bậc nhất trên hoàn-cầu ». Người Dân « An-Nam » lúc bấy giờ cũng nhìn nhận rằng nước Pháp thật là văn-minh, hùng cường, hơn nước ta trên rất nhiều phương diện.

Phái « Nhà Nho », từ Tú-tài lên đến Tiến-sĩ, Phó-Bảng, mà có tinh-thần chống Pháp, đã tham-gia trực-tiếp các phong-trào cách-mạng từ 1916, thì đã bị giết chết hoặc lén đi Hải-ngoại, phần đông sang Nhật, sang Tàu. Một số bị đày ra Côn-Lôn, nhưng lúc mãn hạn tù trở về làng xã, hầu hết là trước 1924, đều lo an-thường thủ-phận, không hoạt-động gì nữa cả. Một số đông các cụ mở trường tư ngay tại nhà, dạy chữ Nho và chữ Quốc-ngữ cho một ít học trò nhỏ để vui qua ngày tháng, hoặc làm nghề Đông-y, xem mạch bốc thuốc, hoặc

chuyên về khoa bói, quẻ Dịch, quẻ Lục-nham, Tử-vi, Tướng số v.v. .. theo các sách Tàu.

Còn phái Nhà Nho thụ-động, không có tham-gia một cuộc hoạt-động chính-trị nào cả, thì hoàn-toàn ngưỡng-mộ người Pháp và triệt-đề ủng-hộ chính-sách thuộc-địa, triệt-đề trung-thành với Hoàng Đế nước Nam. Những ông Tú tài, có đôi chút thế-lực, đem tiền lo-lót, — không có tiền thì bán đất, bán ruộng, — để được làm một chức quan nho-nhỏ, như Đề-lại, Thư-lại. Mấy ông cử nhân thì được bổ đi Tri-phủ, Tri-huyện, Tri-châu. Một số Tú tài Cử-nhân khác ở nhà làm ruộng, tham gia vào việc làng, việc xã, hoặc sống cuộc đời nhàn-hạ, uống rượu, ngâm thơ, làm đối làm liễn giùm cho các người ít học, và được dân làng trọng-vọng như một bậc danh-nhân ở địa-phương.

Tuy từ 1919 không còn Thi Hương, Thi Hội nữa và Nho học đã chính thức bị bãi bỏ ở toàn xứ Việt-Nam, bị chữ Pháp và chữ quốc ngữ dần dần thay thế, nhưng chính-phủ Nam-Triều vẫn

còn dùng chữ Hán một cách mặc-nhiên, người Pháp không ngăn cản. Chữ Nho bị bỏ chứ không bị cấm. Cho nên, bên Hành-chánh thuộc-địa, (Các « Quan Tây ») thì dùng toàn chữ Pháp, mà bên Hành-chánh Nam-triều (các « Quan An-Nam ») vẫn dùng toàn chữ Nho. Các giấy tờ, công-văn từ Bộ về Tỉnh, từ Tỉnh về Phủ, Huyện, từ Phủ, Huyện về làng, đến năm 1924 vẫn còn áp dụng chữ Nho. Ngay ở các trường tiểu học Pháp-Việt mỗi tuần vẫn còn 1 giờ học chữ Nho buổi sáng thứ Năm.

Cho nên, các ông Tú ông Cử cuối cùng của mùa Hán-học đã suy-tàn, còn có thể hãnh-diện là đã có lần được « lĩnh áo-mào của Vua », và đã được « dự yến tiệc của Vua ban » hồi các ông mới thi đậu, mặc dầu những ngày vinh-quang ấy đã khá xa rồi.

Họ còn tôn-kính Vua, thờ Vua, và luôn luôn, dù ở trong hương thôn, mỗi khi có dịp gì nói đến Vua, họ đều cung kính suy-tôn là « Hoàng-Thượng » hay là « Đức Hoàng-Thượng ».

Năm 1924, nhân ngày mừng vua Khải-Định được 40 tuổi (Lễ Tứ-tuần), Tuần-em có

chứng kiến một buổi lễ phi thường, tại « Hoàng-Cung » ở tỉnh. Lễ này được tổ-chức khắp tất cả các tỉnh Trung-Kỳ và Bắc-Kỳ, trừ ra Nam-Kỳ là « Nhượng-địa » của Pháp, không có. Tỉnh nào cũng có một Hoàng-Cung, là một gian nhà kiến-trúc như một Cung-điện của Vua, phía trước có « sân rộng » lát gạch, và một cổng lớn có chạm rồng, gọi là « Ngọ-môn ».

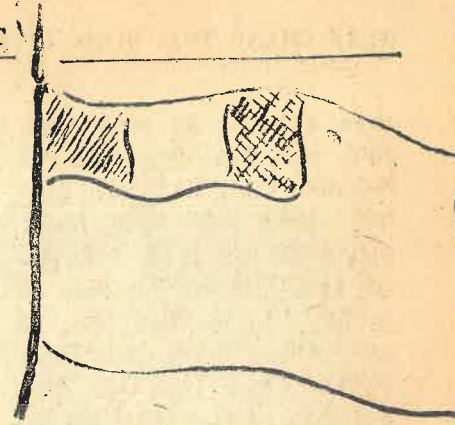
Theo nguyên-tắc, Hoàng-Cung là tượng-trung Cung-Điện của Hoàng-đế, khi nào Vua đi kinh-lý đến Tỉnh, sẽ « ngự » nơi đây. Nhưng ít khi Vua đến. Vua « ngự trị » ở Huế, không bao giờ « ngự du » đi đâu xa.

Cho nên Hoàng-Cung vẫn bỏ trống luôn luôn giữa ba bức thành bao bọc, cỏ mọc đầy sân, không có ai gìn giữ quét dọn, tuy là ở đối diện ngay trước dinh Quan Tuần-Vũ, hay Quan Tổng-Đốc, hai bên con đường chính nối dài từ Cửa Đông lên Cửa Tây. Chủ Nhật, thứ Năm, bọn học-trò tinh-ngịch, như Tuần-em, thường rủ đến đây chơi. Bởi không có lính canh gác, nên tụi con nít này tha-hồ

« ngự-trị » trong Hoàng-Cung: đào lỗ đánh bi, đánh đáo, và lấy gạch lấy phấn viết vẽ bậy bạ khắp các vách tường.

Thỉnh-thoảng có một trò đầu bụng, ngồi làm bậy ngay một nơi góc tường của Hoàng-Cung, mấy trò khác bịt mũi cười la rất là náo động. Các chú lính-lệ bên Dinh Quan-Tuần bận uống rượu và đánh bài tứ-sắc, và Quan-Tuần ngồi chễm-chệ hút thuốc lào trong Văn-phòng có một chú lính đứng quạt hầu, không một ai hay biết lũ ôn con làm gì bên Hoàng-Cung.

Thế rồi một buổi sáng Chủ-nhật, Tuần-em với mấy đứa bạn rủ nhau đến Hoàng-Cung để đánh bi, bỗng thấy cờ xí treo chung quanh, và lính Khố-vàng (của Quan An-Nam), lính Khố-xanh (của Quan Tây) mặc lễ phục toàn màu trắng, sắp hàng đứng chật-ních hai bên « sân rộng ». Chiều hoa trái kín hết sân, và Cung điện quét dọn sạch sẽ, kết hoa lá, treo cờ Pháp, cờ An-Nam, giữa cung có đặt một « ngai vàng » hơi cao, — một cái ghế fauteuil bằng mây, sơn màu vàng, — kê trên một bục gỗ sơn màu đỏ.



Cờ « An-nam », 1900-1932, nền vàng, trên góc là cờ Pháp : xanh-trắng, đỏ.

Dân chúng không được vào trong, đứng đông nghẹt phía ngoài thành (thành thấp), chen-lấn nhau để xem chốc nữa « Các Quan lạy Hoàng-Cung, mừng lễ Tứ-Tuần của Hoàng Thượng ». Người ta đã cấm con nít không được vào trong, nhưng Tuần-em cũng len-lỏi thế nào để vào cho được, nhờ nó bé nhỏ và nó đứng nấp sau lưng một người lính khố xanh, cậu của nó.

Các Quan An-Nam đã lần lượt kéo đến rất đông, và đã sắp hàng trên sân, tùy theo phẩm trật. Các quan nhỏ từ thất-phẩm, lục-phẩm, các thầy Đê-lại, các ông Tú tài, Cử-

nhân, đều mặc áo rộng xanh, đứng phía sau cùng, gần cửa Ngọ-môn. Các quan Huyện, quan Phủ, đứng mấy hàng trước. Phía trước hết, là các quan Án-sát, Lãnh binh, cả các quan đã về hưu, râu tóc bạc phơ, và riêng ở hàng đầu là Quan Tuần-Vũ hay Quan-Tổng-Đốc. Mấy ông quan từ Ngũ-phẩm trở lên đều mặc Triều-phục, mang hia đôi mũ cánh chuồn.

Đúng 9 giờ, « các Quan Bảo hộ » từ bên Tòa Sứ, đi xe hơi đến trước cổng Ngọ-môn, được Quan Tuần-Vũ đón chào và mời vào Hoàng-Cung. Tuấn-em nhận thấy có : ông Sứ, ông Phó Sứ, ông Tây Kho bạc (ông này bị một chân thọt, thay bằng chân gỗ, học trò đặt cho ông biệt hiệu là « ông Tây Point et Virgule », vì mỗi khi ông đi, chun thật bước một bước thì chân gỗ hất tới, y như thềm một dấu chấm và một dấu phết,) ông Giám-binh đồn lính khố xanh, ông Tây Lục-lộ, ông Tây Giấy thép, ông Tây Thương-chánh, ông Kiểm-lâm, ông Đốc-tờ, ông Cò, với mấy bà Đầm. Tất cả

đều được quan Tuần-Vũ, chủ tỉnh An-nam, mời vào Hoàng-Cung đứng một dãy cách « Ngai vàng » độ ba bốn bước.

Chuông trống nổi lên, có một ông quan làm xướng-ngôn-viên, hô lên từng tiếng, nhịp với tiếng kèn tiếng trống theo trong nghi-lễ. Các quan sụp xuống lạy. Nói là Lạy Vua, đề mừng Vua thọ 40 tuổi, nhưng kỳ thực là lạy mấy ông Tây bà Đầm đứng trong Hoàng-Cung nhìn ra, chứ cái Ngai Vàng đề trống có « Hoàng-Thượng » nào « ngự tọa » đấy đâu. Các quan An-nam cúi lạy liên-tục bốn lạy, đồng một loạt với nhau, trong lúc lính khố xanh, khố vàng, bồng súng chào. Các « Quan Bảo-hộ » và các « Bà Đầm » đứng gần bên chiếc « Ngai » trống, nhìn ra với cặp mắt tò mò, ngạc-nhiên. Tuy họ vẫn giữ lễ-độ đứng-dẫn nhưng không phải là không lộ ra đôi chút kiêu-hãnh, khinh-khi.

Tuấn-em nhìn thấy trong đám các ông Tú ông Cử sụp lạy ở hàng sau cùng, có cả ông Tú Quán-Lác, là Thầy dạy chữ Nho của Tuấn mỗi buổi sáng Thứ

Năm. Ông Tú mặc chiếc quần xanh bạc màu, rách một miếng trắng đơ-bần và chiếc áo rộng to-tướng ngay nơi cùi-chỏ.



Một Quan Tổng Đốc, chủ tỉnh, (1924), ngồi hút thuốc trà (thuốc lào), đang phì khói, do một chú lính hầu cúi xuống châm lửa. Điều thuốc lào cần xa-cừ có một ống thông dài bằng trúc non được uốn cong. Bên cạnh ông Quan có một tráp bằng sơn mài, cũng cần xa-cừ, đựng trà, cau — vì Quan nhuộm răng đen và ăn trà — thuốc điếu, và các đồ nhật dụng lặt vặt của Quan. Quan đeo trước ngực một chiếc bài ngà có chạm chữ Hán « Tổng-Đốc » sơn đỏ (1)
(còn nữa)

(1) Quảng-Nam Tổng-Đốc,
Bình-Thuận Tổng-Đốc,
Thái-Bình Tổng Đốc v.v...
hay là : Phú-Yên Tuần-Vũ, Sơn-Tây Tuần-Vũ, Quảng-Ngãi
Tuần-Vũ, v.v...





ĐẤT

TÂY
SƠN

*Du khách viếng thăm
quận hạt Bình-khê, khi
đặt chân trên tiểu thị-
trấn Phú-phong, nhìn
từ bề non núi bao
quanh, chắc không khỏi
tưởng-nhớ và muốn tìm
hều nơi phát-tích của
Ba vị Anh hùng TÂY-
SƠN. Thì đây...*

nơi phát tích của

QUANG - TRUNG
HOÀNG - ĐẾ



ĐẤT Tây-Sơn nằm về
phía Bắc quận-hạt,
chạy dài từ các thôn
Phú-Lạc, Kiên-mỹ xã Bình-Thành
đến Chợ Suối Bèo, thôn Trường
Định xã Bình-Hòa, hai mặt bao
bọc bởi dãy núi cao-xanh, hùng

vĩ và dòng sông Côn lững-lờ
uốn khúc. Địa-đầu Phú-Lạc núi
cao và sông sâu tiếp giáp nhau,
đối-diện bên kia bờ sông Côn
có dãy Hoành-Sơn hiểm-trở,
thông-thương tận núi Đèo Mang,
thủy bộ thuận đường, địa-thế
cũng đáng gọi là « long bàn, hồ

cứ » làm nơi phát-xuất của những
đấng Anh-hùng tranh bá, đồ
vương như Kim Ba Lăng Thục
chăng hạn...

Địa-linh, nhân-kiệt ! Thật vậy
đất Tây-Sơn hùng-khí ấy sẽ sản-
xuất những bậc anh-hùng cái-
thể, sau thời gian hun-đúc... và
rồi những bậc anh-hùng ấy sẽ
chèo non sông, quạt mây gió
đề làm rạng rỡ đất thiên!

Ngược dòng lịch-sử chúng ta
được biết, từ thế-kỷ thứ 17 về
trước, ấp Tây-Sơn này, cũng
như các ấp khác trong huyện
Qui-Ninh, thuộc Qui-Nhon, chỉ
là một vùng đất hoang, ruộng
cỏ, không người ở. Đến khoảng
hậu bán thế-kỷ thứ 17, sau một
trận Trịnh-Nguyễn giao-tranh,
chúa Nguyễn bắt dân dân chiến
bại ở 7 huyện xứ Nghệ đưa vào
khai-khàn ruộng đất tại vùng
này. Ông tổ bốn đời của nhà
Tây-Sơn cũng ở trong đám
người di-dân khẩn-hoang ấy.
Đến đời Nguyễn Phi-Phúc thân
phụ của ba anh em Tây-Sơn, di
cư đến ấp Kiên-Thành, tức là
Phú-Lạc, Kiên-mỹ thuộc xã
Bình-Thành, Quận Bình-khê
ngày nay.

Dưới mái nhà lao-nông, từ
năm Đinh-Mão (1746) đến
năm Quý-Dậu (1752) ba cậu
bé Tây-Sơn lần lượt ra đời và
sống khổ-sở như những cậu bé
khác trong đám dân quê. Nhưng
rồi, thời thế tạo anh-hùng và
địa-linh sanh nhân-kiệt, ba cậu
bé ấy đã trưởng-thành, từ anh
chàng áo vải nhà quê trở nên
bậc anh-hùng cái thể, chọc trời,
khuyến nước.

Lúc nhỏ ba anh em thụ-nghiệp
ông Giáo HIỂN, môn khách
nhà Trương văn Hạnh, ngoại-hữu
dưới triều Định-Vương. Vì sợ
vạ lây sau khi Trương văn Hạnh
bị Trương Phúc-Loan giết chết,
nên HIỂN phải trốn vào Qui-
Nhon, mở trường dạy học ở ấp
An-Thái (xã Nhon-phúc, quận
An-Nhon ngày nay).

Thấy Nguyễn-Huệ nhanh
nhẹn, khoẻ mạnh, can-đảm, mắt
như chớp sáng, tiếng như
chuông vang, HIỂN biết ngay là
một thanh-niên lỗi-lạc, có cái
tương-lai phi-thường. Hằng ngày
HIỂN thúc-giục anh em Nguyễn
Nhạc bằng câu sấm : « TÂY
KHỞI - NGHĨA, BẮC THU
CÔNG », rồi HIỂN lại khuyến

Nhạc: « anh là người Tây-Sơn, cứ cố đi ».

Thuở ấy ở Nam-Hà, Chúa Nguyễn Định - Vương mới 12 tuổi lên ngôi làm vua, Trương phúc Loan thao-túng chính-quyền làm cho dân-chúng cơ-khổ. Hơn nữa, cuộc chiến-chinh Nam, Bắc kéo dài khiến nhân-dân điêu-đứng; nhân-tâm chỉ mong chờ ngày thống-nhất giang-san.

Lúc ấy, Nguyễn Nhạc đang làm Tuần-biên ở Văn-Đồn, đóng vai thu thuế trong một đồn đề sung vào công-khố. Vụ thuế năm Tân-Mão (1771) thu được bao nhiêu, Nhạc đem cất dấu đi hết. Vì vậy Nhạc bị truy-tố và lòng bắt ráo-riết.

Nhưng, Nguyễn Nhạc đã ngầm cùng hai em mưu lo công việc cả, vào núi Thượng-đạo, ấp TÂY-SƠN (nay là vùng núi Đèo Mang), dựng trại, lập đồn, xưng hùng, khởi-nghĩa, quyết-tâm diệt trừ Trương-phúc-Loan, giải-phóng đồng-bào.

Anh em nhà Tây-Sơn bắt đầu gây-dựng đế-nghiệp từ đó. Chính Nguyễn Nhạc là vai chủ-động, đa mưu, túc trí, đã thu được những thành-công trong buổi ban đầu, nhưng vai trò trọng

yếu nhất là NGUYỄN HUỆ — QUANG-TRUNG, vị anh-hùng bách chiến, bách thắng, làm cho Xiêm phải hoảng, Tàu phải sợ, Miên, Lào, Diên phải thần-phục. Sự-nghiệp vĩ-đại của Đức QUANG-TRUNG còn rạng-rỡ sứ xanh qua những võ-công hiển-hách: tiêu-diệt 25 vạn quân Thanh, phá tan mấy vạn quân Xiêm, mà người Việt-Nam nào lại không biết đến!

Thế cuộc đã bao lần thay đổi, thời-gian phi-pha bao nhiêu di-tích lịch-sử của đất nước... Riêng ở đất Tây-Sơn này, ngày nay du khách còn có thể tìm thấy một vài di-tích liên-hệ với thân-thể của BA VỊ ANH HÙNG.

Từ ĐIỆN TÂY-SƠN, du khách đi về phía Đông chừng 300 thước, nhìn thấy một khoảnh vườn không, cây cối lưa thưa nghiêng mình bên nương nước Văn-Phong... Cảnh chẳng còn gì ngoài sự im lặng tịch-mịch, nhưng người dân địa-phương còn nhắc-nhở rằng đây là « VƯỜN DINH », chỗ Ba Ngài dựng dinh-cơ trông buổi đầu của cuộc khởi-nghĩa.

Rời Vườn-Dinh, du-khách ngược đường về hướng chính

bắc, trong cảnh trời xanh, núi biếc, ruộng đồng bát-ngát lúa khoai, thấy hiện-hiện một vùng gò cao rộng, lác-đắc những tảng đá đen điu, những chòm cây thấp ngọn... Đây là đâu? Đây là đâu? Thừa rằng, đây là « GÒ CẮC CU », chỗ Ba vị anh-hùng Tây-Sơn đã dùng làm bãi thao-trường luyện tập ba quân, tướng sĩ đề đợi ngày dựng cờ khởi-nghĩa, mưu-đồ đại-sự. Thăm viếng nơi này vào những buổi trời êm, trong tiết nam non, du-khách giàu lòng tưởng-tượng, dường như nghe âm vang trong lòng những tiếng reo hò của đám hùng-binh Tây-Sơn thừa nọ, mà liên-tưởng đến võ-công hiển-hách của Ba vị Anh-Hùng...

Trên đường về quận-ly, khi đến bến đò Kiên-Mỹ, mời du-khách dọc theo bờ sông đi về phía Đông chừng 300 thước để nhìn qua một di-tích khác: ấy là bến « Trường Trầu », nơi mà thuở thiếu-thời, ba anh em Tây-Sơn đã cùng với thân-phụ Nguyễn phi-Phúc, ngày ngày đẩy chiếc đò nan buôn-bán trầu lá với thương-lái thượng-du. Cuộc sống lãnh-dênh trên bến nước,

giữa khung-cảnh hùng-vĩ của núi sông, đã nung-đúc cho anh em Tây-Sơn những tâm-hồn giang-hồ khí-phách đề mai hậu tiến-thân trên đường xây-dựng đế-nghiệp.

Trong cuộc hành trình viếng thăm di-tích cũ của Tây-Sơn, du-khách chắc không bỏ qua một địa-cuộc hùng-khí khác. Thuận đường xe hơi, xin mời du-khách đi về phía Tây quận ly... Cách chừng 5 cây số ngàn, du-khách nhìn về phía Nam thấy giải Hoành Sơn sừng-sừng, che chở xã Bình-Tường, hướng về phía Phú-Lạc, quê hương của nhà Tây-Sơn. Tục truyền, trên giải Hoành-Sơn này có táng ngôi mộ của thân-phụ Tây Sơn. Lúc còn trị vì, Đức QUANG-TRUNG thường cỡi ngựa trắng thăm viếng vùng này nên về sau đồng bào trong vùng không dám nuôi ngựa trắng.

Những di-tích ấy, cùng với sự-nghiệp vĩ-đại của anh-hùng Tây-Sơn nghìn đời còn giữ mãi lòng sùng kính của dân tộc Việt-Nam nói chung và nhân-dân Bình-khê nói riêng. Nhân-dân ấp Kiên-Thành, quận Bình-khê,

ĐẤT TÂY SƠN

từ trước nay vẫn một lòng sùng kính, tưởng nhớ Ba Ngài.

Trong thời phong-kiến, dưới sự trị-vì của Nguyễn-triều, tại ấp Kiên-Thành đã có một ngôi đình to lớn, bề ngoài là đền thờ Thần mà bề trong bí-mật thờ cúng Ba Ngài.

Năm năm, vào ngày Rằm tháng 11 âm-lịch, đồng-bào địa-phương tổ-chức lễ « Thường-Tân » tại đình làng. Lễ Thường-Tân tục gọi là lễ « Cơm Mới », cốt tỏ lòng nhớ ơn người đã bày ra phép cày cấy cho có lúa ăn và cũng để tạ ơn Trời đã ban cho mưa thuận, gió hòa để nhân dân no ấm. Mượn ý nghĩa ấy và nhất là để che dấu vua, quan nhà Nguyễn Gia-Long thời bấy giờ, đồng-bào tổ-chức lễ Thường-Tân để trá hình cho lễ tưởng-niệm và sùng kính Ba Ngài TÂY-SƠN mà họ không đời nào quên được.

Nhân-dân địa-phương chọn ngày 15-11 âm-lịch làm lễ Thường-Tân vì ngày 15-11 năm Quý-Sửu (1793) là ngày vua Thái-Đức NGUYỄN NHẠC thăng-hà Không biết đích ngày qui-thần của vua QUANG-TRUNG cũng

như của Đông - Bình - Vương NGUYỄN-LỮ, đồng-bào ở đây chọn ngày Rằm tháng Mười một làm lễ kỵ chung cho Ba Ngài. Năm năm vào ngày ấy, nam phụ lão ấu đều nhắc nhủ đến Ba Ngài, kẻ hương hoa, người trà quả đem đến tại đình làng cúng bái để tỏ lòng sùng-kính, tri-ân.

Ngay trong thời kháng-chiến, Việt-Cộng đốt phá cả đình thờ, chỉ còn cái nền tro-trụi với mấy tảng đá, mà dưới bóng cây me cổ-thụ còn đây, đồng-bào vẫn thiết-án hương đăng cúng bái, tưởng-niệm Ba Ngài.

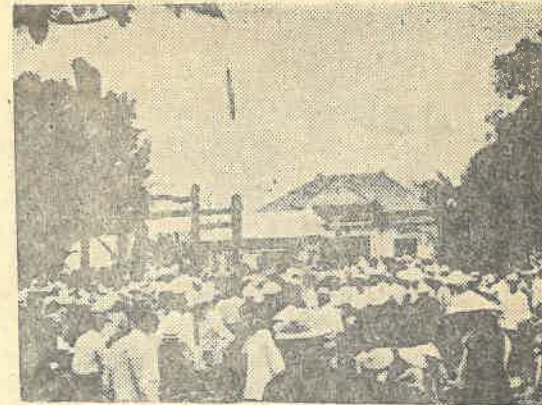
Dưới chế-độ Cộng-Hòa, năm 1958, với sự giúp đỡ của chính-quyền địa-phương, nhân-dân trong quận-hạt đã chung công góp của trùng-tu Điện TÂY-SƠN tại đình làng cũ, thuộc thôn Kiên-Mỹ, xã Bình-Thành, để làm nơi chiêm-bái, sùng-kính Ba Ngài. Những năm qua, Điện đã tổ-chức các lễ Giỗ Trận Đổng-Đa, (ngày 5-1 âm-lịch) và Thường-Tân (15-11 âm-lịch) để tưởng niệm và phát-huy truyền-thống hào-hùng của dân-tộc...

ĐẤT TÂY SƠN

... Và khí thiêng của đất Tây-sơn này đã một lần nữa un-đúc ra một đấng anh-hùng kiệt liệt, trong huyết - quản b ừ n g l ẽ n dòng máu của Ba Ngài, làm cho đất Tở thêm phần rạng-rỡ. Ấy là liệt-sĩ Mai-xuân-Thưởng, sinh-trưởng tại ấp Phú-lạc, xã Bình-Thành ngày nay, mới 20 tuổi, đậu cử-nhân, dựng cờ Cần-Vương khởi nghĩa chống giặc Pháp dưới thời vua Hàm-Nghi và sau ung-dung lên đoạn đầu đài để đền ơn đất nước. Ngày nay cũng trong tinh-thần sùng-kính anh hùng dân-tộc, nhân-dân Bình-Khe đã xây-dựng Lăng mộ cổ-liệt-sĩ, vừa khánh-thành vào ngày 17 tháng Chạp Tân-Sửu tức 22-1-62.

Lăng mộ xây-dựng trên một ngọn đồi thuộc giải Hoàn-Sơn, xã Bình-Tường, nhìn về Phú-Lạc là chốn quê-hương, hướng-vọng TÂY-SƠN ĐIỆN như góp thêm hùng-khí với Ba đấng Anh-hùng tiền-bối.

ĐIỆN TÂY-SƠN cũng như Lăng Mộ Cổ Liệt-sĩ Mai-xuân-Thưởng đã được thiết-lập, công-tác trùng-tu còn tiếp tục để xứng đáng nơi thờ kính Các vị Anh-hùng Dân-tộc và những di-niệm



Lễ Kỷ-niệm trận Đổng-Đa tại « Đền thờ Vua QUANG-TRUNG » (tàng Tây-Sơn — Bình-Định)

lich-sử để quan-khách cung-chiêm.

Người dân đất Tây-Sơn ngày nay vẫn tin-tưởng rằng, khí thiêng của đất nước và truyền-thống quật-cường của Anh-Hùng Dân-tộc mãi còn kết-tụ nơi đây để hun đúc nên những chiến binh quả-cảm, mưu đồ sự thống nhất cho đất nước và hạnh-phúc cho giống nòi.

Trong niềm tin-tưởng sâu xa ấy, người dân địa-phương cùng nhau đồng-vọng lời ca :

« Non TÂY áo vải, cờ đào
Giúp dân dựng nước xiết bao
công-trình »

★ BÙI-THỨC
Công-chức Bình-Khe
(Bình-Định)

đôi

bạn

gái

Chạnh nhớ năm nào mình gặp gỡ
Bên thềm ngượng ngập khẽ nhìn nhau
Muốn nói nhưng hồn e ngại nói,
Ôi đẹp làm sao kỷ-niệm đầu.
Ngày ấy mình trông Vân lớn quá
Áo dài tóc lệch xỏa bờ vai
Nhìn lại vào, mình thêm e thẹn,
Hôm ấy đầu tiên mặc áo dài.
Sao thấy bỗng dưng có cảm tình
Với người bạn nhỏ đáng xinh xinh
Ngại ngần mình gọi Vân bằng chị,
Ôi đẹp làm sao chuyện chúng mình !
Mình nhớ hôm nao phượng ngập đường
Ve sầu thổi trời nhạc buồn thương.
Vui mừng vì gặp Vân trong đám,
Trong đám thơ ngây buổi tựu trường.
Từ đấy ta chung bắc nhịp cầu
Nhịp cầu « tình bạn » kết trên châu.
Vân ơi mình nhớ nhiều kỷ niệm,
Nguyện sẽ ghi tâm đến bạc đầu.
Nhớ ngày đầu tiên Vân đến rú
Cử đứng ngoài sân gọi vọng vào
« Ấy » ơi đi học « tui » chờ nhé,
Nhưng lại vội vàng Vân bước mau.
Chiều ấy đến trường mình hơi giận
Nhưng rồi bé bỏng chúng quen ngay,
Mình, Vân chẳng thẹn như lúc trước
Chuyện gẫu đôi khi biếng học bài.
Thế rồi ngày tháng cứ dần qua
Mình lại nhà Vân, Vân đến nhà
Giờng đời mang đến nhiều hương lạ,
Cóp nhật êm đêm tặng chúng ta.
Vân nhớ hôm nào dưới ánh trăng,
Chúng mình giải chiếu ngắm mây giăng
Mình bảo tuổi Vân « trắng tròn thiếu »
Rời ngược trông lên bóng chị Hằng.
Mình nhớ hôm nào trời thăm gió,
Ta cùng đếm bước dưới ngàn sao
Hùng tinh, bắt đầu ta vừa học,
Nên vội tranh nhau nói trước nào.

Chao ôi kỷ niệm ngày thơ ấu,
Bây giờ trọn vẹn ở hồn tôi.
Trông đàn em bé ca và múa,
Nhớ lại năm xưa dạ bồi hồi

Giờ đây ta vẫn ngắm mây trôi
Ngắm cánh chim bay tận cuối trời.
Nhưng ta ngắm với tâm hồn khác,
Tâm hồn thiếu nữ giữa xuân tươi.

Chiều nay nắng ấm len song cửa
Chép lại cho Vân chuyện chúng mình
Vân ơi, Ái tiếc thời thơ ấu,
Một thời tươi đẹp tựa bình minh.

Bây giờ đập vỡ mồ dĩ vãng
Vẫn không tìm được giữa tro tàn
Chuỗi ngày thơ dại đã chôn chặt,
Ai quay dùm lại bánh thời gian !

★ TUYẾT - ÁI (Đà-nẵng)



bài chia ly

Trả bài vở cho học-đường tù-hãm
Ta ung-dung ngồi viết truyện tình đầu
Thế-kỷ này sao toàn cả thương-đau ?
Làm con gái cũng không còn ân-huệ
Ngày mai lúc tàu mờ trên sóng bề
Em ra đi ôi tiếng nước reo hò
Ta lấp hồn bằng bãi cát hoang vu
Và tâm-sự với muôn ngàn trai ốc
Sao biết được phút này ai cô-độc
Em lênh-đênh trong sương khói mịt-mù
Ta thần-thờ thương dấu bước ưu-tư
(Chút kỷ-niệm cũng chìm theo bọt sóng !)

Chừ thuyền em đang căng buồm gió lộng
Cuộc đời ơi sao tàn-nhẫn thế này ?
Mai đây rồi khi trả nợ con trai,
Ta sẽ hát tình yêu trên trận-mạc.

KỶ-GIA? THUẬT TRƯỚC?

* Tê-Xuy-ôn



(Tiếp theo P.T. số 81)

Nhưng ông là một nhà doanh nghiệp và cũng là một người sống cuộc đời phung phú với anh em, rộng rãi với cộng sự viên cùng công-nhân, nên sau này ông mang nợ, phải bán cả nhà in và tờ « Trung Bắc ».

Ông Nguyễn Văn Vĩnh có óc thực-tế. Ông thấy không còn cách nào làm giàu mau chóng bằng đi tìm mỏ vàng nữa.

Năm 1936, ông 55 tuổi, tuy là già đối với người phương Đông song với người phương Tây, tuổi này mới là tuổi làm việc chín chắn hữu hiệu.

Ông Vĩnh cùng một người Pháp chủ báo đã thất bại như ông, toan tính sang Lào khai thác mỏ vàng. Người Pháp

này là ông Clémenti, chủ-nhiệm báo « L'Argus Indochinois » — một tờ báo chống chánh quyền — sau thất bại, ông Clémenti phải xoay ra doanh-nghiệp.

Hai ông đi Tchepone. Được ít tháng, ông Vĩnh mắc bệnh kiết rất nặng. Ngày 2-5-1936 ông từ trần tại làng Bansang Khup...

Vì ông có chân trong Hội « Tam-Điểm » một hội có thế lực ở Pháp cũng như ở Việt-Nam, hội này đã đem linh cửu ông ở Lào về Hà-nội, làm một đám tang được dân chúng đi đưa, đông như đám tang một nhà ái-quốc.

Xét riêng về đời ký-giả của

KỶ GIẢ THỬA TRƯỚC

ông Nguyễn-văn-Vĩnh, người ta thấy ông là một cây bút có tài về Pháp văn và nhờ đó mà ông đi vào con đường làm báo kinh-doanh. Ông thất bại vì ông không có tài như các « con buôn » nặng « óc do-thái ». Ông đã doanh thương với một tâm hồn nghệ sĩ là hai điểm không thể dung hòa với nhau được. Những sách dịch của ông rất nhiều do ông đã xuất bản, ngày nay còn là một kho tàng văn-học mà ông mượn của Pháp bồi đắp cho học thuật tư-tưởng nước nhà.

● PHẠM-QUỲNH

Hồi mới bước chân vào làng báo ở Hà-nội, tôi có dịp đến thăm ông Phạm-Quỳnh ở nhà riêng ông, Phố Hàng Da.

Người nhà ông mời tôi lên lầu vì văn phòng của ông ở trên ấy. Lúc này vào khoảng 1930-31. Tới nơi làm việc của vị chủ bút tạp chí Nam-Phong tôi muốn dừng chân và lui bước, vì tôi thấy như có mùi hương trầm phảng phất đâu đây? Nhà có giò chằng? Và không chừng ông Phạm-Quỳnh đang mắc

cúng lễ!

Nhưng không phải. Tôi bước vào văn phòng thấy ông đang đọc sách, gần ông có một luồng nhỏ bé, xinh đẹp, bốc lên một làn khói nhẹ nhàng, thơm ngát. Không biết có phải là mỗi khi đọc sách Thánh Hiền « con người quân tử » mà ông Phạm Quỳnh thích đề-cao, cần phải ở trong một bầu không khí thanh tao, thoát tục không? Hay đây chỉ là trường hợp đặc biệt mà ngày thường không có?

Lúc ấy đang là một ký-giả trẻ tuổi, say mê phóng sự xã-hội, từng cảm kích với cuộc đời của đức giám-mục Myriel trong tiểu thuyết « Những kẻ khổ cùng » của Victor Hugo, tôi đến gần một nhà văn Việt-Nam mà tôi đang kính mến, bỗng cảm thấy liên ý nghĩa của thành ngữ « sống trong tháp ngà » mà tiếng Pháp đã thường dùng để chỉ một hạng nhà Văn ít tiếp xúc với bên ngoài. Nếu ông Phạm-Quỳnh không có « tháp ngà » thì ông đã sống trong.. hương trầm ngào ngạt với một « lu. trầm » đúng với nghĩa đen của danh-từ.

Ông ưa cái gì cao sang kìa !
Chính trong « Nam-Phong tạp-chí » khi mới xuất-bản, ông đã tuyên-bố đi sát với thượng-lưu trí thức, mà xa quần chúng bình dân (trái với ông Nguyễn Văn Vĩnh):

« Bản báo không chủ-trương sự phổ-thông mà muốn là cái cơ-quan riêng cho bọn (1) cao-đẳng học-giới nước ta gồm cả những bậc cự học và tân học mà dung hòa làm một ».

(Nam-Phong 1.7.1917)

Con người « quân tử » sống bên lư trầm ấy đã có công đem học-thuật, tư-tưởng của Trung-hoa và của Pháp mà phổ biến trong giới trung lưu cầu tiến, hiếu học. Cái công của ông là ở chỗ ấy.

Tôi nhớ lại, chính nhờ đọc bài dịch « Les deux infinis » ở trong Nam-Phong mà tôi ưa thích đọc Pascal trong nguyên-bản tiếng Pháp. Tôi cũng đã am hiểu Descartes hơn nhờ đọc bài trong Nam-Phong khảo cứu về « Phương pháp luận ».

Những học-thuyết của Rous-

(1) Trích nguyên văn. Tiếng « bọn » đã bị dùng lầm, nó hàm một nghĩa bất hảo.

Nguyễn Tiến Lang). Những sách ông xuất bản trong bộ « Nam Phong tùng thư » hay người khác xuất bản: 2 cuốn « Essais franco annamites »— (Nhà xuất-bản Bùi huy-Tín ở Huế)— đều là những bài ông đã viết đăng báo.

Nhớ đến ông Phạm-Quỳnh mà chỉ nói đến sự-nghiệp văn học của ông không thì chưa đủ. Cũng cần phải phớt qua cuộc đời chánh trị của ông nữa, vì ông đã lấy văn học làm bước thang lên đài chánh-trị.

Bước đầu của Nam-Phong chắc không ai chối cãi, có bàn tay của Thực-dân Pháp mó vào. Cũng như « Đông-Dương tạp chí » do ông Schneider xuất-bản và giao bút quyền cho ông Nguyễn-văn-Vĩnh, lúc đầu nhằm mục-đích cổ xúy chống phong trào bạo động của những nhà cách mạng Việt-Nam, tạp chí « Nam-Phong » do ông Marty, giám-đốc phòng chánh-trị và

Tổng Liêm-phóng ở phủ Toàn quyền, xây nền đắp móng để truyền bá học-thuật tư-tưởng của Pháp trong giới thượng lưu, gây ra một lớp trí thức thân Pháp.

Xét cho công bằng, chí lý, thì cộng tác với ông Marty mà xuất bản « Nam Phong » chưa phải là một tội đối với Quốc-gia, nếu Phạm Quỳnh biết lợi dụng phương tiện mà nhằm một cứu cánh ích-lợi cho đồng bào: truyền bá tư tưởng học thuật của nước người, duy trì những giá trị tinh thần cổ hữu của Tộc-Tiên để lại. Văn hay ông bị ràng buộc với học thuật của Pháp, nhưng một người khôn khéo vẫn có thể hướng dẫn độc giả từ vườn học thuật Pháp đi rộng ra thăm hoa thơm cỏ lạ trong nền tân học rộng rãi bao la của cả Thế-giới.

(còn nữa)



★ DANH NGÔN

Giận dữ là một làn gió to làm tắt tia lửa của thông-minh.
(La colère est un grand vent qui éteind la flamme de l'intelligence.)

R. J.

NHẬT-KÝ

CỦA CÔ

PHƯƠNG - LOAN

NỮ SINH - VIÊN - PARIS

... như là một vấn đề...
 ... nếu ông có vấn đề gì...
 ... nhân nhân ở chỗ...
 ... có nhiều khi...
 ... phải không...?

(Tiếp theo P.T. 82)

PARIS, ngày...

NĂ M nay đi học mình thấy khác lạ quá. Trong thư-viện đầy người, sách rất nhiều, đủ cả cho những người hiếu học. Nhưng phiền một nỗi là không biết mình có hân hạnh được sắp vào hạng những người hiếu-học không đấy. Ngoài những giờ cours ở các đại giảng đường, sinh-viên ưa vào thư-viện hơn cả, lẽ thứ nhất là có sách, lẽ thứ nhì là ấm áp hơn. Bên mình thì quạt máy mà bên này lại phải dùng đến nước nóng để sưởi ấm nhà. Máy cư-xá sinh viên nhiều lúc lạnh lắm, không thích bằng ở tại thư-viện. Bên này thì không mấy ai ở nhà với cha mẹ, vì nhờ có những cơ quan cứu trợ xã-hội. Hầu hết các sinh-viên đều ăn trưa ở những quán cơm sinh viên mà phân nửa chi-phí là do chính-phủ đài thọ. Nhờ thế mà thư-viện buổi trưa cũng đầy người vì ai ăn xong thì cũng trở lại tiếp-tục học nữa, cho đến chiều, kẻ thì về nhà trọ người lại tìm sum-hợp trong gia-đình.

Nhưng có một điều đáng nói nhất có lẽ là lạnh... Mình không may sắm chút nào cả, lại qua nhằm lúc sang đông. Cây đã vàng cả lá

NHẬT KÝ CỦA CÔ PHƯƠNG-LOAN

rời, và chao ôi! ra đường thì lạnh ghê người. Nhất là những buổi sáng phải thức dậy sớm để đi học, mình chỉ tiếc những buổi ban mai tràn đầy ánh sáng ở quê nhà. Trời lúc này lâu sáng mà mau tối. Lúc sáu giờ sáng phải thức dậy, mình có cảm-tưởng như trời còn khuya lắm vậy, và chiều tối về đến nhà độ bảy giờ mà mình tưởng chừng như thiên-hạ đã yên giấc cả rồi. Nhà nào nhà nấy đã lên đèn và ngoài đường, vì trời lạnh, càng thêm vắng vẻ hơn nữa.

PARIS, ngày...

Đến hôm nay vẫn chưa xong cái vụ sắm quần-áo này nữa. Đồ cũng không đẹp gì lắm mà lại còn mắc kinh hồn. Các cô nào muốn đi Pháp, mình sẽ bảo sắm manteau bên nhà sướng hơn, mình cứ lựa kiêu trong sách thì không sợ lỗ « mốt » mà còn sang nữa, vì qua đây có mấy ai dám mượn thợ may, chỉ có những kiêu bán trong tiệm, mà còn không dám lựa thứ mắc nữa... Đời sống sinh-viên...!

PARIS, ngày...

Hôm qua mình vừa đi xem tháp Eiffel. Chỉ lên được từng thứ nhất thôi vì lúc này trời lạnh quá nên không mấy ai thích ra khỏi nhà, « bar » cũng đóng cửa. Đi vòng vòng để nhìn Paris, mình có cảm tưởng thu gọn thành-phố lại... Paris muôn màu... Nhất là về đêm với những ngọn đèn sáng choang, Paris càng lộng lẫy hơn lên... và bức họa lại càng thêm phần diễm-lệ với những làn khói trắng-trắng kia... mờ-mờ... ảo-ảo. Có gì ngăn cách giữa mộng và thực đâu! Có lẽ nhờ thế mà tháp Eiffel nổi tiếng: đem đến cho du khách một cảm-giác lâng-lâng của người đứng giữa mộng và thực... Mình bắt tài quá không tả hết được... Mấy người Pháp thấy mình mặc áo dài, họ nhìn quá... Đấy, xem ai quê hơn ai? Mình còn đến được xứ họ, chứ có mấy người Pháp biết được xứ Việt-Nam. Kìa là hàng bán đồ kỷ-niệm... Cái nào cũng đẹp hết... Mình chọn một tháp con-con để kỷ-niệm chiều hôm ấy... Bên kia là sông Seine... Trời lạnh thế này nên chẳng có ai đến nơi ấy để tìm... văn thơ cả... Có mấy cây platanes kia lá đã vàng làm hực cả bờ sông.

Về bằng mê-trô, mình sợ lạc quá... Thế nào cũng quen đi...
 Quê sao mà quê quá đi lộn...

PARIS, ngày...

Cũng tại mình muốn thí-nghiệm mà ra cả... Sáng này mình ra đường nhút định không mang gants để xem thế nào... Thì đây, tay bây giờ nút-nẻ ra cả rồi... Mình mới sực nhớ mấy cô ở bên nhà nghe quảng-cáo kem thì cũng mua mà dùng... Thực ra thì bên xứ mình nóng, da hay nhờn mà còn tô kem vào chỉ như thêm dầu, thêm mỡ cho láng mặt ra... Bên này thì trời lạnh, da mặt mau hư lắm, nếu mình không săn sóc... nó hay khô và cằn-cỗi đi... Lúc này phiền quá, mỗi ngày đi học mỗi phải « diện »... vì không sơn không phấn thì mình tái ghê-gớm... À, mà lạ quá, qua đây mới thấy nước da vàng đấy chứ... Đằm cũng không gọi rằng trắng lắm mà sao mình ở gần nó thì lại thấy tái quá... Chao ôi! mấy cô đằm diện quá đi lộn... Ở bên này sương đấy chứ... ngay trường có nơi rửa mặt... các cô thì cứ nướm-nượp ra vào nơi ấy... Và đâu cò thì khỏi chê rồi... Thế không biết mình có chịu ảnh-hưởng quá hay không?

PARIS, ngày...

Hôm nay, đi ăn cơm Việt... Cá kho, dưa cải... Nhớ nhà quá... Mấy anh nghe mình mới qua thì hỏi thăm lắng-xăng... Có xa nhà mới thấy mình yêu quê-hương của mình... yêu đồng bào mình... và yêu đến cả những cái rất tầm thường : những thói quen... những tập-quán của dân-tộc mình... Những hôm ăn ở quán ăn sinh-viên... nhìn qua, nhìn lại chỉ toàn những người xa lạ... Mình nhớ làm sao những buổi cơm tối ở bên nhà... những bát cơm nghi-ngút khói... những đĩa đồ ăn thơm phứt... bên này nhà cửa đóng bít-bùng nên rất « ky » các mùi nấu nướng... Nên hôm nay, ăn cơm Việt... mình được dịp nghe mùi nước mắm, mùi hành, mùi tỏi... thấy nhớ nhà quá... các anh bên này bảo các cô bên nhà lúc này văn-minh quá rồi... nháy-nhót... đủ các điệu... Mình trả đũa ngay (tuy mình về

môn ấy thì tệ lắm) — chứ sao? Đâu có luật-lệ nào cấm nhập-cảng những phát-minh mới lạ, nhất là trên phương-diện này.

— Các cô bên nhà có hay đi xi-nê không?

— Có chứ.

— Phim gì?

— Đủ thứ phim... Như tôi lúc này không đi xi-nê vì chán ngấy rồi.

— Các cô thích nhút minh-tinh nào?

— Tôi không trả lời cho hết thấy được... tôi chỉ biết rằng tôi thích nhất Elizabeth Taylor thôi, tuy rằng...

— Không ngờ bên nhà lúc này... văn-minh quá.

— Ấy, xin chớ quá tự cao, tự-đại... mấy anh văn-minh tới đâu... thì người ta cũng văn-minh tới đó được vậy chứ!

Nói thế chứ thực ra các anh bên này phần nhiều học rất cao... mình dám sắp họ vào những tinh-hoa của đất nước lắm. Trời ơi! sao mình thấy hãnh-diện là công-dân nước Việt-Nam quá. Thế-hệ sau này sẽ rất nhiều hứa-hẹn... Họ học rất chăm và ai nấy cũng đều có một mục-dịch mà tự họ đã vạch lấy... Vàng! những người như thế xã-hội nào lại không cần đến?

PARIS ngày...

Bài vở lúc này bề bộn lắm rồi... chà gần thi nữa... Ngán quá đi... Nhưng mình cũng phải rán chứ... vâng, cố-gắng hết sức mình... Còn kết quả thì do... Tạo-hóa an-bài vậy... Có lo cũng chẳng đến đâu... chi bằng để được yên tâm mà học còn hơn.

Bên này có cái lệ : ăn rồi thì vào quán cà-phê ngồi... Đọc theo đại-lộ Saint Germain... vào lúc quá Ngọ... mấy quán ấy đầy người... Trời lạnh nên họ cho ra phía ngoài một cái trại nho-nhỏ bằng kính... mình cứ vào kê cà-phê rồi ngồi mà bàn chuyện trời mưa... trời nắng và nhìn thiên-hạ. À, vào những tiệm ấy... mình phải cho huê-hồng... chứ đừng có quên mà có ngày bị chúng chửi thì nguy.

Các cô đầm bên này hút thuốc rành quá đi mất... Hôm qua, anh kia mời mình thuốc, mình cảm ơn.

— Thế bên xứ chị không ai hút thuốc sao ?

— Có chứ... Nhưng chỉ một ít người bên phái khoẻ thôi.. Vì đàn bà, nhất là khi còn con gái mà hút thuốc thì có chuyện đàm tiếu ngay.

— Bên này cũng thế, chị ạ... mấy cô mà hút thuốc thì cũng không thơm-tho gì lắm đâu.

— Tôi tưởng rằng...

— Không, chị làm rồi... Vẫn còn những gia-đình rất cò-kính ở Pháp chứ !

Vâng, tại sao mình lại kém tế-nhị đến như vậy?... Ở đâu cũng thế... cũng phải có những trường-hợp ngoại-lệ kia mà.

Trời lạnh như thế mà dân Parisien ăn-mặc cũng bảnh bao ra phết... Các cô thì manteau đủ kiểu mà còn choàng qua... thứ lông thú nữa... À, mình hiểu rồi... lúc mình còn học trường ba phước mình cứ tự hỏi không biết tại sao chánh-phủ Mỹ lại gởi đồ sang viện-trợ kỳ quái thế... bây giờ mình mới thấy là ở xứ lạnh cái manteau quả là cần-thiết.

PARIS, ngày...

Vài hôm nữa là Nô-en rồi... Mình phải mua carte gởi về cho mấy cô bạn nữa... Đủ kiểu, đủ màu hết còn biết lựa thứ nào bây giờ... Gian hàng này đông quá. Các bà nội-trợ cứ thi nhau chen vào rồi đứng lựa mãi không chịu ra nữa chứ !... Bên này được cái khỏi trả giá, cũng một thứ hàng ấy, thì mình cứ việc chọn... hàng mắc tiền thì bền hơn. Ở đây, có đủ thứ cả. Kia là drap, cravate gant tay, vớ, gian-hàng quần-áo đàn ông, quần-áo đàn bà... son phấn, nước hoa, giấy má... sách vở... Gian nhà dưới (sous-sol) dành riêng cho việc bếp núc... Và còn những tầng lầu phía trên nữa... Đủ mọi thứ... đủ mọi giá... chỉ sợ mình không đủ tiền mà mua chứ không sợ thiếu hàng... Mỗi hướng có một cửa... đi lòng

vòng mãi chỉ sợ không biết đường về... Nhưng được cái là vào đây thì ấm áp hơn, phải cởi manteau ra mới được...

Noël

Mấy hôm nay ở nhà, ai cũng lo sửa-soạn cây sapin... mấy em mình trước khi đi ngủ đem mấy đôi giày để trước cây sapin... Chúng nó đã gởi thư, xin ông già Noël đồ chơi rồi, từ chiều tới giờ, chúng nó làm mình cũng nôn-nao. Mình thấy vui lây cái vui của chúng nó... Những tâm-hồn mộc-mạc thường tìm thấy hạnh-phúc ở những gì rất đơn-sơ.

Lẽ nửa đêm .. Khi thầy-cả đọc lên câu : Táng tụng Thiên-Chúa trên các tầng Trời và bình-an dưới thế cho những người lương thiện, cả một dĩ-vãng sống lại trong lòng mình... Mình nhớ lại những năm còn học trong trường bà... những lúc vui sướng cũng như những khi khổ cực... Nhớ những buổi sáng băng giá mà mình bắt-buộc phải thức sớm để đi xem lễ... Mình cứ bảo với các bạn rằng mình không có tu mà tại sao lại bắt buộc phải cực khổ như thế này. Lúc ấy, thềm được ngủ trưa thế nào ấy !... Nhớ cả những lúc đi nhà thờ mà chỉ cố ý nhìn những cô bạn đang ngủ gà, ngủ gật... Nhớ những khi bày trò phá-phách mấy ông thầy... Và nhớ nhất là những giây phút êm-đềm sống trong tình bạn, của những nữ-sinh nội-trú... Những lúc trời mưa, chụm đầu lại mà bàn chuyện đời... mà lúc ấy mình nào có biết gì ngoài sự học đâu... Mấy năm qua, bao nhiêu là thay đổi. Trừ một số rất ít còn tiếp tục học lên cao, các bạn mình đã xếp bút nghiên về... về nhà chồng cả rồi... Có mấy người còn rảnh-đề mà thư từ cho nhau nhưng mình tin chắc rằng có rất nhiều người xem lễ nửa đêm mà hồi tưởng lại các bạn cũ.

Ra về, trời lạnh kinh người. Đời sống bên này cơ-cực hơn nhiều, lúc lạnh-lẻo như thế này thì cần phải có một mái nhà ấm cúng mới được. Nhưng có phải mọi người đều đủ phương tiện như thế đâu ? Hôm qua mình thấy một ông lão nằm co trên chiếc

băng kia, tay chân sưng-vù và nứt-nẻ cả ra. Ấy là nước Pháp và nhất là Paris rất tôn trọng vẻ đẹp của một thành-phố đấy.

Lên giường nằm mình cũng còn thấy cái lạnh đang len vào nệm, vào mền tuy rằng nhà có nước ấm sưởi rồi đó... Mình nghĩ lại xem năm nay đã làm được việc gì có ích... Không có gì cả... Cha mẹ quả thực thương con vô bờ-bến mới hy-sinh nuôi con ăn học bao nhiêu năm trời...

Biết năm nay mình có đậu được không? Mà có đậu chẳng nữa thì còn bao lâu nữa mới ra làm việc để đỡ cho gia-đình một gánh nặng đây?

(còn nữa)



★ DANH NGÔN

Tiền bạc có thể cho chúng ta được nhiều ở lớp vỏ bề ngoài, chứ không ở nội-tâm: nó cho ta nhiều đồ ăn nhưng không phải là ngon, nhiều thuốc men nhưng không phải là sức khỏe, nhiều quen thuộc nhưng không phải bạn thân, nhiều người hầu-hạ nhưng không phải kẻ trung-thành, nhiều cuộc vui nhưng không phải hạnh-phúc.

(L'argent peut nous donner l'enveloppe de bien des choses, mais non le fond. Il nous donne la nourriture, non l'appétit; des remèdes, non la santé; des relations, non des amis; des domestiques, non des fidèles; des moments de joie, non le bonheur).

HENRIK IBSEN
(Văn-hào Đan-Mạch)

★ Sa giang TRẦN-TUẤN-KIỆT

Ngày chằm chằm em buồn than gì nữa,
Vết chim bay lâu cũ đã hoàng hôn
Phơi-phới tình yêu đôi mắt suối nguồn
Xà vơi vơi trong tim mình một thuở.

Em gần đó dưới vầng trăng mờ tỏ,
Hay em đang rời rã ở trong người
Đứng cạnh đây hay đã khuất dần tôi,
Hay cố nhướn đôi mày thêm cong vút

Cố dừng lại e bước ngày đi hụt
Cầu chơi vơi nước chảy lạnh lòng thêm.
Ngàn hoa rơi nắng rụng mãi êm-đềm,
Nghe thoi thóp trong hồn tôi vực thẳm.

Cố ngừng lại tìm phút giây sưởi ấm,
Mênh mang buồn vụn thuở cảnh đầu sông.
Tình đã xa-xôi tắm-tấp xuôi dòng
Xin đôi mắt bờ môi cười trở lại.

Vầng trăng hỡi nước nguồn sông vẫn chảy,
Có bao giờ hé lại nụ đầu sông!
Trăng sáng soi lấp lánh có buồn không,
Trăng có gọi nước ngưng dòng đôi phút.



Em đã lỡ đâu rồi bờ hạnh-phúc,
Cuốn theo ngày đi chậm tối đi mau.

MÌNH ƠI!

uống rượu



MÌNH ƠI!

— Ơi.

— Mình đã nhất định chưa?

— Cái gì mà nhất định với nhị định?

— Đi dự tiệc cưới của Hồng-Mai.

— Ô, còn lâu mà, em.

— Chủ-nhật tới đây, còn hai ngày nữa chứ mấy.

— Thì hẳn tới chủ nhật!
Em biết tính anh, việc gì chứ việc đi dự tiệc-tùng, luôn luôn là đèn phụt chọt anh mới biết chắc anh đi hay không đi.

Bà Tú đang làm nem cuốn. Ông Tú ngồi bên cạnh, đợi bà làm xong cuốn nào đưa ông thì ông ăn luôn cuốn ấy. Ông cầm cuốn nem chăm

MÌNH ƠI!

nước mắm chanh ớt, ăn ngon-lành.

Bà vừa mở một chiếc nem khác, vừa cười:

— Đèn phụt chọt, em cũng chưa dám chắc là Mình đi. Đã mấy lần, Mình mang vớ, mặc sơ-mi, thắt cravate. sửa soạn đi dự tiệc, xong đâu đây rồi tự nhiên Mình lại cời hết cả ra, lên vống nằm, nhất định không đi! .. Sao Mình ghét đi ăn tiệc thế, hả Mình?

Ông Tú ăn nhăm miếng ớt cay quá, hít-hà thiếu điều chảy nước mắt. Nhưng ông vẫn điềm-tĩnh ngay:

— Tại anh ghét ăn tiệc.. Tại trong bữa tiệc nào cũng phải uống rượu.

— Mình không thích uống rượu thì đừng uống. Ai ép?

— Ô! Luôn luôn anh bị người ta ép, em ơi! như các cụ hay ép duyên con gái vậy đó.

— Mình có duyên thì người ta mới ép chứ, Mình uống xã giao chút chút với người ta cho vui, có sao?

— Thí-dụ em không thương thằng đàn-ông nào mà ai ép em

lấy nó, em có lấy « xã-giao chút-chút » nó được không?

Bà Tú cười, đập khế cánh tay ông Tú:

— Mình cứ nói bá-xàm bá-láp!

Ông Tú cười:

— Ủa! chứ anh không thương cô hàng rượu, sao em bảo anh phải lấy cô ta?

— Xí! Cho Mình lấy cô Tám Hột-vịt-lộn thì Mình chịu lấy liền đây. Phải không?

— Tại anh thích hột-vịt-lộn chứ anh không thích rượu.

Bà Tú khế véo ông Tú, cho ông đừng có nói bậy, rồi bà hỏi tiếp:

— Nè Mình à, tại sao có nhiều người nghiện rượu, Mình nhỉ? Chính em cũng ghét rượu, ghét cay ghét đắng! Trước kia em yêu Mình là tại em thấy Mình không biết uống rượu đó.

— Nói cho đúng hơn, là anh không uống rượu, tại vì anh yêu em. Chứ trước kia, anh cũng...

— ... anh cũng là một « cây » rượu?

— Không, anh uống « xã giao chút-chút » thôi, như em nói lúc nãy. Anh không ghét rượu như em, ghét cay ghét đắng. Anh ghét... ngọt-ngào hơn. Anh không uống rượu nữa, tức là anh đã ghét nó. Có lẽ tại vì anh không phải thật là Thi-sĩ, hay là một Thi-hào, chứ anh thầy nhiều bậc Thi-nhân, tài-hoa siêu-việt, là những tay rượu thần rượu thánh cả.

— Mình kể vài người, cho em nghe.

— Ở Việt-nam ta, hầu hết các Thi-hào, Thi-bá thuở xưa đều lấy Rượu làm môn tiêu-khiến thanh-tạo trang-nhã. Rượu luôn luôn đi đôi với Thơ, có rượu là có Thơ, có Thơ là có Rượu. Từ Nguyễn bình Khiêm đến Nguyễn Công-Trứ, Nguyễn-Du, Nguyễn-Khuyến, trải qua mấy thế-kỷ, không một nhà Thơ nào là không nghiệm Rượu, và không có « bầu Rượu » nào là không đeo lưng lẳng bên cạnh « túi Thơ » !

— Nhưng đây là đàn-ông, chứ đàn-bà đâu có ai nghiệm

rượu ?

— Phải, chỉ trừ có mấy bà mây cô Nữ-sĩ. Bà Huyện Thanh Quan, có Hồ xuân Hương, bà Đoàn thị Diễm... thì thơ không có ngâm rượu, còn thì ông nào ông này cũng sặc sụa mùi men. Nhân hạ nhât và lười biếng nhât là Bạch-vân Cư-sĩ, thì ưa ngồi dưới bóng cây mà đợi rượu :

*Rượu đến gốc cây ta sẽ nhấp
Nhìn xem phú-quí tựa chiêm bao.*

Cũng một lối vượt râu, hiệu-hiểu tự-đắc ấy, Nguyễn-công Trứ khề khà :

*Thơ một túi, phẩm-đề câu
nguyệt-lộ,
Rượu ba chung, tiêu-sái cuộc
yên hà.*

Nguyễn-Khuyến còn có vẻ tự-tôn hơn, và thích có bạn để uống rượu với mình :

*Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua không phải không
tiền không mua !*

Nghèo kiết như Tú-Xương « chạy ăn từng bữa toát mồ hôi », thế mà đến ngày Tết trong nhà gạo không có, chứ Rượu vẫn phải có :

*Chẳng phong-lưu cũng ba ngày
Tết,
Kiết cú như ai, cũng rượu chè.*

Nhưng quá lắm, bắt-trị nhât, suốt ngày suốt đêm say bê bết như điều đồ, là Nguyễn khắc-Hiếu, một đại-diện của Cổ-thi ở đầu thế-kỷ, say cho đến nỗi đã nhìn thấy :

*Say sưa nghĩ cũng hư đời,
Hư thời hư vậy, say thời cứ say
Đất say, đất cũng lăn-quây,
Trời say, mặt cũng đỏ gầy, ai
cười !*

Xét đến nguồn gốc, thì thói say của các nhà Thơ Việt-nam chẳng qua cũng là theo truyền thông của Thi-nhân Tàu. Không có gì lạ khi các Cụ nhà ta chịu ảnh-hưởng sâu đậm của văn-hóa Tàu, cho đến cái phong độ « bầu rượu túi thơ » cũng là di-tích Lưu-Linh, Thái-Bạch. Lưu-Linh ở đời nhà Tần, Thái-Bạch ở đời nhà Đường, vẫn được coi là hai bậc « Tuý-thánh ». Điều đó kể ra cũng không phải là quá đáng. Không kể Lưu-Bá-Luân (Lưu-Linh) tác giả bài « Tửu-Đức-Tụng », một bậc Hiên-tài chỉ sống vì

Rượu, chỉ biết có Rượu, chỉ ca-ngợi Rượu. Lý-Thái-Bạch, mới thật là một Nghệ-sĩ của Rượu, tự cổ chí kim không ai sánh bằng. Tự cổ chí kim, có ai làm được những bài thơ say Rượu như sau đây ?

*Đối tửu bất giác mính
Lạc hoa doanh ngã y
Túy khởi bộ kê nguyệt
Điều hoàng nhân dục hi !
(Tự Khiên)*

對	酒	不	覺	暈
落	花	盈	我	衣
醉	起	步	溪	月
鳥	還	人	亦	稀

Nghĩa là :

*Ngồi với rượu, không biết trời
tối,*

Hoa rụng đầy áo ta,

*Say dậy bước theo trăng bên
khe suối,*

*Chim đã về, người đã vắng
thưa !*

Cái say thâm-trầm tề-nhị ấy vẫn là cái say linh-động. Chỉ có nghệ-thuật Thơ của Thái-Bạch là phác-họa được bằng vài nét cái nghệ-thuật

say trong bài Thiều-niên-hành,
少年行:

Ngũ-lãng niên-thiếu Kim-thị
đông

Kim yên bạch mã độ Xuân
phong,

Lạc hoa đập tận du-hà xứ
Tiểu nhập vi cơ tửu tứ trung !

五陵年少金市東
金鞍白馬度春風
落花踏盡遊何處
笑入圍姬酒肆中

Dịch nghĩa :

Bạn trẻ Ngũ-lãng ở Kim-thị
đông,

Yên vàng, ngựa trắng, lướt
Xuân-phong.

Vội đi đâu mà dẫm lên hoa
rụng ?

Cười đáp : thưa, đến quán rượu
của giai-nhân.

— Mình ơi, thế ra bạn trẻ
đời xưa cũng nghiện rượu và
mê gái như bạn trẻ đời nay,
chứ có khác gì đâu, Mình nhỉ ?

— Có khác là thanh-niên
của thế-hệ Lý-Thái-Bạch không
có «cao-bồi», không lưu-
manh. Họ nghiện rượu và mê
gái cũng có nghệ-thuật tinh-

vi lắm, chứ đâu phải suông-
sả thô-cộc như bây giờ. Thiều-
niên đời xưa là những chàng
nho-nhã, cỡi ngựa trắng, ngồi
trên yên vàng, uống rượu mà
làm thơ, chọc gái mà làm thơ,
chứ đâu phải ngồi trong
« Sờ-nách-Bar » uống chút

Whisky, nói « ba-hoa thiên
địa » với mấy á vũ-nữ !
Có điều lạ nhất, là Việt-nam
ta xưa cũng bắt chước theo
phong-độ Thi-Tửu của Tàu,
mà Nhật-bôn thì trái hẳn. Đọc
hết cả lịch-sử Thi-ca Nhật
từ thời-đại Yamato (Thượng
cổ đến đầu thế kỷ thứ VIII)
trải qua các thời Nara, Kama-
kura, Yedo, v.v... cho đến
Meiji, và Thơ mới hiện đại
Taisho, Showa, có đến gần
200 Thi-sĩ danh tiếng, họa
hoàng mới có vài ba nhà Thơ
nói đến Rượu, nhưng không
nói say.

Ca tụng Rượu, (Saké) nhiều
nhất là Thi-sĩ Otomo No
Tabito, thế kỷ VII-VIII,
(665—731) :

Ngồi yên-lặng,

Như nhà hiền-triết,

Không thú-vị bằng

Uống rượu Saké

Vui cười mãi-miết !

Hơi đâu lo nghĩ

Chuyện đời băng quơ ?

Sao không uống rượu nhỉ ?

Một ly Saké thơm-tho !

Nhà Thi-hào Shimazaki
Toson (Đào Kỳ-Đặng-Thôn)
1872—1943, trong bài thơ bát
hữ « Thiên Khúc Xuyên lữ tình
ca » chỉ nói thoáng qua trong
vài ba câu ở đoạn giữa :

Ta ngưng bước nơi lữ quán
Bên bờ sông Chikuma,

Ta ngồi uống rượu choáng váng,
Nghe sóng vỗ buồn xa-xa...

Lạ hơn nữa, là trong các
lịch-sử văn thơ Ấn-độ, Phi-
lippines, Indonesia, hầu như
không có thơ say. Các Thi-
nhân hàng xóm của Việt-Nam
từ xưa đến nay, vẫn không
thích uống rượu.

— Còn Thi-sĩ Mỹ có say
rượu không, Mình ?

— Ở Mỹ cũng không có
những nhà Thơ say rượu, họa
chăng có Perry Donald
Marquis (1878-1937) hồi thanh
niên sông bữa bãi, đèn lớn lên

có làm bài *This is another day*,
với bốn câu cuối-cùng hay
tuyệt :

And out of all the dust and
death of mine

Old selves I dare to lift a
singing heart,

And living faith ; my spirit
dares drink deep

Of the red mirth manling in
the cup of morn,

Đại-khái ý-nghĩa như sau
đây :

Ngoài gió bụi và những xác
mục của ta xưa,

Ta hãy xây lại một trái tim
reo hát.

Một niềm tin nơi đời sông,
trí óc ta say sưa

Với vui hồng đầy ngập chén
bình-minh.

Thi-sĩ không muốn say
rượu, để tâm hồn say sưa
thơ với nhạc của buổi sáng-
huy-hoàng.

Nước Pháp cũng có một

nhà Thơ say khét tiếng. một nhà Thơ vĩ-đại, ở tù vì say, diên vì say, chết cũng vì say... Ấy là Paul Verlaine. khi ông đã quá ghiền, ông chỉ đòi rượu *absinthe*, thứ rượu nặng nhất, có thể làm cháy da cháy thịt. Năm 1871 hồi còn trẻ, ông làm ký-giả cho một tờ báo ở Paris, đang giờ làm việc ông thường lén đi ra quán rượu uống một ly rồi mới trở vào tiếp-tục công. việc làm :

*J'y bois à petits coups en
clignotant des yeux,*

*Un mazagran avec un doigt de
cognac vieux.*

*Quand j'ai lu mon journal et bu
mon mazagran.*

*Je rentre à pas de loup au bu-
reau...*

dịch nghĩa :

Tôi uống thông thả từng hớp,
đôi mắt nháy liên miên,
Một ly cà-phê đậm hòa với một
ít rượu cognac thâm-niên,

Uống đã rồi, và xem xong tờ
báo buổi sáng

*Tôi rón rén đi nhanh nhanh trở
vào tòa soạn...*

Có lần, năm 1885, quá say rượu, ông cãi nhau hung-hăng với mẹ ông, rồi vật bà cụ xuống để bóp cổ... Bà già la lên, được người ta chạy tới cứu khỏi chết, rồi ông bị tù, không được uống rượu. Nhưng chỉ mấy tháng, ngày 13 tháng 5, 1886, ông lại được tự-do... lại tiếp tục uống rượu, và tiếp tục say mèm. Ông ca ngợi Rượu trong mấy vần thơ say bất hủ :

*Frère du sang de la vigne rose,
Frère du vin de la veine noire,
Ô vin ! Ô sang ! c'est l'apo-
théose !*

*Chantez ! Pleurez ! Chassez la
mémoire !*

*Et chassez l'âme, et jusqu'aux
ténèbres*

*Magnétisez nos pauvres vertè-
bres !*

*Ta là anh của máu của trái
nhỏ hồng.*

*Ta là anh của rượu của gịng
máu đen.*

*Ô Rượu kia ! Ô Máu kia !
Ôi Huyền-diệu !*

*Hát lên, khóc lên đi, các anh !
Hãy đuổi trí nhớ !*

*Và đuổi linh-hồn ! Đuổi xa
vào tối-tăm !*

*Cho xương sống khô nghèo
dựt nẩy lên như đá Nam-châm !*

Sau cùng, một Thi-sĩ Nga-sô đã được giải-thưởng Nobel năm 1959, làm xôn-xao dư-luận Quốc-tê, và mới từ trần vài năm nay, Boris Pasternak, cũng đã ca-ngợi Rượu trong một bài thơ nhan đề « Houblon », (Houblon là một loài cây dùng nấu rượu bia, mà danh từ houblon, tiếng Nga, lại có nghĩa là Say :

*Như giây trường-sanh quấn vào
cây dương-liễu,*

*Che cho khỏi mưa gió phũ-
phàng,*

*Một tấm khăn quấn vai ta,
vai nàng,*

*Cùng ôm chặt lấy tấm thân
yêu-diệu.*

*Đây là, giây houblon, không
phải giây trường sanh.*

*Bò vút lên chót vút một
rừng cây.*

Và đây là tấm khăn trải trên
đất lạnh.

Chúng ta làm nệm ngồi
chung uống rượu cho ta say !

— Mình ơi ! Thời buổi văn-minh, kỹ-nghệ phát triển, người ta uống rượu Bia, sâm banh, « cô-nhắc », huyết-ky, còn hồi xưa họ uống rượu gì, hả Minh.

— Ở xứ ta, từ xưa vẫn uống rượu nếp, rượu gạo, ở Tây phương rượu nho.

— Có nơi nào cấm uống rượu không ?

— Không. Chỉ có một vài tỉnh bên Mỹ cấm rượu từ năm 1922, nhưng bị báo-chí phản-đôi quá, bị rượu lậu tràn ngập chợ đen, công-quỹ lại mất món lợi-tức lớn về thuế rượu, nên năm 1933 rượu lại được cho bán tự do. Rượu không những được bán tự-do ở Tây phương mà lại còn được khuyến khích và bảo tồn nữa. Trong Lịch-sử có vua Richard Coeur de Lion ra đạo-luật phạt kẻ nào hái trộm một cành nho bị đến 5 đồng bạc, hoặc bị xẻo một cái tai.

Ông Vua ấy thật là độc-đáo, và chính ông là một tay Luru-Linh hạng nặng ở Tây-phương. Tể tướng Richelieu cũng là một « cây » rượu, sông đến 84 tuổi vẫn còn tươi xanh. Ông thường khoe với các Vua chúa rằng chính nhờ giồng máu rượu chảy trong tim ông mà ông được đại thọ như thế này !

Vua Jérôme de Westphalie, em của Hoàng-đế Napoléon lại ưa tắm nước pha với rượu, vì ông nghe lời Thầy thuốc bảo rằng ông thường chơi bời quá độ, thân hình mòn mỏi, cần phải tắm bằng rượu để lấy lại sức khoẻ cho gân cốt. Sử chép rằng sau khi vua tắm, bọn quan-hầu tham tiền lấy rượu do-bản ấy đổ vào chai đem ra chợ bán, dân nghiện rượu vẫn mua ừng ngon lành, chẳng thầy do bản gì cả.

Bà Tú cười :

— Eo ơi !

— Tại vì thứ rượu bản ấy được bán rẻ hơn rượu nguyên chai, và người Tây-phương hầu hết là nghiện rượu. Em

phải biết : nghiện rượu không thua gì nghiện thuốc phiện. Mây chú nghèo mà nghiện thuốc phiện, đi kiếm mua từng miếng giẻ lau xái thuốc phiện, do bản hết sức, thê mà họ mua với giá vài ba chục đồng bạc một tấm giẻ lớn bằng bàn tay để nhai nuốt cho đỡ ghiền đây !

— Khiếp !

— Người Tây - phương ghiền rượu từ thời thượng cổ, cho nên Hy-Lạp và La-Mã đã đặt ra Thần Rượu, để thờ. Hy-Lạp gọi Thần Rượu là Dionysos, La-Mã gọi là Bacchus, tuy là hai tên nhưng là cùng một vị Thần Rượu. Thi-hào Pháp, Victor Hugo, vẫn ca tụng Rượu « Cồ-nhạc » là « Thần-tửu » — « la Liqueur des Dieux » ! Em nên nhớ rằng họ ừng Rượu Nho từ thuở ông Noé, sau trận Đại Hồng-Thủy.

Thánh-Kinh của Gia-tô giáo (La Bible) có chép chuyện ông già Noé sau trận Đại-Hồng-Thủy, bắt đầu cày đất và trồng nho. Ông làm rượu nho, ừng say sưa, bất tỉnh,



**Thần Rượu Bacchus
bằng đồng đen**

cởi trần truồng nằm ngủ trong lều. Hai người con trai của ông là Sem và Japhet, nghe người con thứ hai là Cham, mét lại như thê, liền lấy áo choàng đem vào đắp lên cho cha. Nhưng hai người đi đặt lều, quây lều vào chỗ cha nằm, không dám nhìn thầy cảnh tượng cha say rượu nằm

trần truồng. Khi Noé tỉnh rượu, thức dậy, nghe chuyện như thê, liền cầu nguyện Chúa ban phước lành cho Sem và Japhet, (vì có hiếu với cha), và ông nguyện rửa người con thứ hai là Cham.

— Minh ơi, thê là ông Noé đã biết trồng nho, làm rượu nho, và ông là người say rượu đầu tiên !

— Ừ, em xem, loài người đâu có thay đổi gì bao nhiêu ! Từ thời ông Noé, nghĩa là từ lúc mới khai thiên lập-địa cho đến nay, người say rượu vẫn còn mê-mạn bất-tĩnh, cởi áo cởi quần, đánh chửi vợ con, và còn làm nhiều chuyện điên hơn nữa. Sau mấy triệu năm loài người vẫn chừng nào tặt này, có cải-thiện được chút nào đâu ! Đây là những chuyện say rượu bên Tây-phương còn ghi lại trong Kinh-Sử. Ở Đông-phương không có rượu nho, thì có rượu nếp, rượu gạo, người đời xưa cũng ừng rượu say lu bù.

— Minh kể lại cho em nghe một vài chuyện đi.

— Vua Cảnh - Công nước Tề ở thời Xuân-Thu của nước Tàu là một « con sâu rượu », ông say túy lúy đêm ngày bỏ bê cả việc nước. Một trung thần là **Huyền Chương** can Vua, Vua không nghe, **Huyền-Chương** buồn xin tự tử. Vua nói chuyện lại cho một vị quân sư là **Án-Tử** nghe, và bảo: « **Huyền Chương** can ta bỏ rượu, nếu ta không nghe hẳn, thì hẳn xin tự tử. Nhưng nếu ta nghe lời hẳn thì hóa ra ta hèn yếu lắm chăng, còn nếu ta không nghe, để hẳn phải tự-tử thì ta sẽ hỏi tiếc biết bao ! » **Án-Tử** liền tâu: « May lắm thay ! May lắm thay ! **Huyền-Chương** thật là may-mắn gặp được **Bệ-hạ** ! Chứ nếu gặp phải **Vua Trụ**, **Vua Kiệt**, thì **Huyền Chương** chết rồi còn gì ! » **Vua Cảnh-Công** nghe **Án-Tử** nói vậy, hiểu thâm-ý, liền giác-ngộ và bỏ rượu luôn từ hôm ấy.

Trong sách « *Tả truyện* » có kể chuyện **Trùng-Nhĩ**, một Hoàng tử nước Tấn, vì nước có loạn, bỏ chạy sang nước Tề. Vua Tề tiếp đãi ân-cán, và gả con

gái là **Công-chúa Khương**. **Trùng-Nhĩ** vui sướng với hoàn-cảnh mới, rượu chè hoan lạc, không còn nghĩ gì đến việc biên, loạn ở nước nhà nữa. Các quan theo hầu thầy **Trùng Nhĩ** đã mất hết chí-khí, bèn họp nhau ở một khu vườn dâu, âm mưu bắt cóc hoàng-tử đưa ra khỏi nước Tề. Một cô gái hái dâu núp lên dâu đây nghe lóm được, vội dền tề-cáo với **Công-chúa Khương**. Không dè **Khương-thị** chêm nó, rồi khê khuyên chồng nên từ-giã nàng và đất Tề để cùng với các bạn lưu-vong mưu đồ việc lớn. Khi nào thành-công đại sự, nàng sẽ về với chàng. Nhưng **Trùng-Nhĩ** không nghe, chỉ muốn ở yên thân với nước Tề, hưởng hạnh phúc nhàn-hạ bên cạnh nàng. **Khương-thị** không muốn vì nàng mà hoàng-tử nước Tấn bỏ cả chí lớn, liền âm-mưu với một vị quan lưu-vong, hầu cạnh chàng, tên là **Tử-Phạm**.

Một hôm nàng phục rượu cho chồng thật say, rồi cùng với **Tử-Phạm** vọt chàng lên xe, đánh xe ra khỏi biên giới

nước Tề. Khi **Trùng-Nhĩ** tỉnh rượu, biết chuyện như thế, hiểu ý vợ mình, liền tỉnh-ngộ. Từ đó chàng bỏ rượu, và đem hết tài-năng và uy-tín ra tạ phụng-sự cho chính-nghĩa của quê-hương chàng. Nhờ thế mà không bao lâu **Trùng-Nhĩ** thành-công, lên ngôi Vua nhà Tấn và bá chủ các chư hầu. Bây giờ vợ chàng, **Công-chúa Khương**, mới qua Tấn ở với chồng.

— Lịch-sử có nhiều chuyện lý-thú quá, **Mình nhĩ**, những bài học đầy ý nghĩa cho đời sau. Lịch-sử Việt-Nam ta có chuyện nào liên quan đến sự say rượu không, hả **Mình** ?

— Để anh kể em nghe một chuyện : một bài Quốc-ca Việt-Nam do mấy ly rượu mà có, nhờ một ông Tướng say rượu mà ta thắng được quân Tàu, dưới thời nhà Lý. Ông Tướng ấy, là **Lý-thường-Kiệt**. Em nhớ rằng năm 1076, là năm Bính-Thìn âm-lịch, quân nhà Tống chiếm đóng dọc theo bờ sông **Phú-Lương** đông vô số kẻ. **Lý-thường-Kiệt** chỉ-huy

quân ta, đóng **Tổng-hành-dinh** tại **Phú-lương-phủ**. Quân ta vừa bị thua mấy trận, lại bị quân nhà Tống của đại-tướng **Quách-Quy** tấn công mãnh-liệt từ bên kia sông. Quân ta hơi nhụt chí, mất tinh-thần khá nhiều. Muốn cứu-vãn tinh-thần, **Lý-thường-Kiệt** cho sửa-soạn cuộc tổng phản công. Trước khi đem quân ra trận, ông ngồi trong dinh một mình uống rượu. Hình như rượu thánh xuất thơ thần, ông uống vài ba ly, đã thấy ngà-ngà say, bỗng đứng thi-hứng trời dậy, ông cầm bút viết ngay trên tờ giấy hoa một câu thơ :

Nam-quốc sơn-hà Nam-đế cư.

Rồi liền tiếp mấy ly rượu đưa đẩy hồn thơ của ông mãnh liệt, chốc lát đã có 3 câu thơ kể tiếp :

Tiệt-nhiên định phận tại thiên-thư.

Như hà nghịch-lỗ lại xâm phạm,

Như đảng hàng khan thủ bại
hư !

Dịch :

Vua Nam ngự trị nước Nam
ta.
Định mạng Trời cho đã thế
mà !
Này lũ xâm-lãng còn bèn-mãng,
Xem ta xé xác lũ mày ra !

Lý-thường-Kiệt rung đùi,
khoái trá, uống một hớp rượu
cuối-cùng rồi gọi quan hầu,
bảo : « Đây là Bài Quốc-ca, do
Linh Thần đọc cho ta viết
trong lúc ta uống rượu say.
Hãy truyền lệnh cho toàn thể
binh-sĩ phải học thuộc lòng,
để chốc nữa ta ra cầm quân
xuất trận, tất cả đều phải ngâm
to lên cho lũ giặc nghe, và
tăng-cường nhiệt-khí cho quân
ta ! » Một lúc sau, Lý thường-
Kiệt ra trước mặt ba quân,
toàn thể binh sĩ hát to lên bốn
câu thơ thần-bút và hùng-dũng
tiền tới địch quân, tiếng trống
nhịp theo lời ca quốc-khí...
Quân ta hăng hái đánh bại
được quân nhà Tống trên bờ
sông Phú-lương, giết chết
muôn-ngàn quân địch.

Bà Tú âu yếm ngả đầu vào

vai chồng :

— Minh kể chuyện làm em
cũng rạo rức.

Ông Tú đưa tay vuốt dịu.
dàng mái tóc vợ :

— Rất tiếc anh không uống
được rượu... Em cũng thế.

Bà Tú cười, ngó chồng :

— Minh muốn uống không ?
Em chạy đi mua một chai...

— Rượu Bia ?

— Minh uống nhé ? Sẵn tại
mình vừa ăn nem chua ngon
quá, em đi mua một chai
rượu Bia về hai đứa mình uống
một bữa cho say túy-lúy, rồi
đóng cửa ngủ, ai gọi cửa đừng
mở. Nhé, Minh ? Minh chịu
không ?

— Chịu.

Nhưng ông Tú không muốn
để bà Tú đi xuống ba bực
thang lầu. Ông khoát áo ra đi...

Vợ chồng ông Tú say, ngủ
li-bi hết cả một ngày chủ-nhật.
Lúc tỉnh dậy, « hai đứa » ngó
nhau cười... Ha !. Ha !. Ha !.

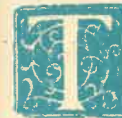
Điện-Huyền

Chung quanh bài thuyết
trình ở Đại-học Văn-Khoa



« NỖI LÒNG CỦA
THỊ-SĨ MIỀN NAM »

★ NGUYỄN-VĂN-ĐÌNH



AP-chí *Phổ-thông* số
80, ngày 15-5-62, có
bài của ông Quốc-

Sĩ, phê-bình tôi, trên địa hạt
văn chương, vì tư tưởng bất
đồng đối với bài thuyết-trình
của tôi về Tôn-thọ-Tường, ở
Đại-học Văn-Khoa ngày 29-4-62 ;
và, về phương-diện cá-nhân,
một vài khía cạnh không mấy
quan trọng với những đề-xuất
vô-bằng và ám-chỉ không căn cứ.

Tôi cần phân từng chữ, cần
nhắc từng lời để hiểu những
dung ý của Ông. Tôi băn-khoăn,
tự hỏi, có nên trả lời một bài
như thế, viết trong một trường
hợp như thế chăng ?

Buổi diễn-thuyết có tranh-biện.
Có một vị lão thành và bà

*Lời tòa soạn. — Sau khi đăng bài
của ông Giáo-sư Quốc-Sĩ phê-bình
bài diễn-thuyết của ông Nguyễn
Văn Đình về nhân-vật Tôn-thọ-
Tường, rất đáng ban đọc, những
người có đi nghe diễn-thuyết, gửi
thư hoặc gọi điện thoại đến Tòa-
soạn, tỏ ý hoàn-toàn đồng quan
điểm với ông Quốc-Sĩ. Chúng tôi
tại tòa soạn được nhiều bài khác
cộng-kích lập-trường của ông
Đình, kịch-liệt hơn nữa, nhưng
chúng tôi không đăng. Với linh-
cách hoàn-toàn vô-tư, hôm nay
chúng tôi đăng nguyên văn bài của
ông Nguyễn-văn-Đình phản-trần
và giải-thích. Chúng tôi xin
nhường quyền phân-đoạn cho
bạn đọc.*

PHỒ-THÔNG

thanh-niên chất-vấn.
Với tình văn-hữu trong gia-
đình văn-khoa, trên tinh-thần bài
bác tìm sự thật để xây dựng,

cuộc tranh biện, từ vui vẻ, đến sôi nổi, kéo dài hơn một tiếng đồng hồ.

Ông Quốc-Sĩ cố tránh, không đóng góp tại chỗ ý-kiến với « bà con », đề trở về nhà suy đoán, bố trí, tìm cách viết bài!

Tôi sẽ không trả lời, nếu không có ba việc sau đây :

1.) Lời Tòa-soạn nhắc lại chủ trương vô tư của tạp-chí *Phổ-Thông* đề rộng đường dư-luận ;

2.) Trong đa-số quý vị kỳ lão có tới chúng kiến — tôi nói chúng kiến — buổi nói chuyện hôm ấy, bảo tôi phải trả lời.

Bài thuyết trình của tôi, nhất là về phần lớn những ý kiến mới mẻ, táo bạo, đã được nhiều vị nhuận sắc, giúp đỡ xây dựng trước khi tôi đưa ra trình bày. Nếu không trả lời là mặc nhận *ý kiến của ông Quốc-Sĩ, hoàn toàn không đúng với tinh thần bài thuyết trình của tôi*. Những ai không dự buổi nói chuyện sẽ phê phán sai lầm :

3.) Vì có ba điểm chi tiết trong bài ông Quốc-Sĩ chứng tỏ tí nào cái tinh thần gọi là xây dựng của bài báo ấy.

Tôi chỉ trả lời, trên tinh thần phán đoán lại một vài sơ sót về chi tiết.

Ngoài ra, tôi xin phép nhường trước cho một số rất lớn quý vị trí-thức lão thành, cho hầu hết thính giả sáng suốt hôm ấy phê phán, đề được khách quan hơn.

Và, riêng về những ý kiến mơ hồ mà ông Quốc-Sĩ nêu ra, với dụng ý gì, chúng tôi chưa rõ, tôi chỉ đặt lại đề thảo luận cho rõ thêm vài ý-kiến điển hình thôi.

★

Ông Quốc-Sĩ trách mắng chúng tôi là « *câu-thả* », là « *lừa gạt* » bởi : « *sao không in vào thiệp mời Tâm sự Tôn-thọ-Tường mà lại in Tâm sự thi nhân miền Nam ?* »

Việc ấy như vậy. Bài thuyết trình của tôi đánh máy ba bản đưa lên H. N. L. V. H. A. C. với đầu đề : « *Nỗi lòng thi-sĩ miền Nam* » với ba chữ Tôn-thọ-Tường đóng khun trong hai dấu ngoặc phía dưới (Tôn-thọ-Tường). Ban tổ chức cho in thiệp mời như thế, ông Quốc-Sĩ trách mắng như thế, tôi xin nhận thế cho Hội trách-nhiệm về chỗ sơ sót

bất-cập này, mặc dầu tôi không là Hội-viên. Còn chữ « *lường gạt* », tôi không dám nhận.

In thiệp mời mà lường gạt ? ! Lường gạt như thế để làm gì ? ! Quá sức tưởng tượng của tôi ! Tôi xin phép gửi lại ai đã quen dùng chữ ấy.

Và lại, khi giới-thiệu diễn-giã, ông Khoa-trưởng Đại-học Văn-Khoa cũng đã nói rõ, buổi nói chuyện hôm ấy chỉ nói về Tôn-thọ-Tường.

★

Ông Quốc-Sĩ cời mở được một khía cạnh về lời thơ thâm đậm của Tôn-thọ-Tường. Ông cho vì Tôn đã mặc cảm tự-ty đối với cái chết kiên-trinh của Phan-hiền-Đạo. Tôi chưa thông-cảm lắm. Có lẽ vì ảnh hưởng đời sống của tôi, chưa hề có mặc-cảm, hoặc tự-ti, hoặc tự-tôn chi cả. Ấu cũng là một khuyết điểm của tâm hồn, nhưng nhờ nó giúp ta sống được thật thà và xét đời thêm tế nhị. Trạng-thái tâm-hồn của tôi, do đó mà khác hẳn trạng thái tâm hồn ông Quốc-Sĩ, nên tôi chưa thông-cảm được chỗ mặc-cảm tự-ti của Tôn-thọ-Tường mà ông Quốc-Sĩ

rất tâm-đắc !

Và lại, nếu nói vì cái chết kiên-trinh của P. H. Đ. ảnh-hưởng mà T. T. T. mặc-cảm tự-ti rồi xuất-phát ra những lời thơ thâm đậm, có đúng chằng, là khi nào lời thơ của Tôn dùng nói về P. H. Đ. Nhưng, ở đây, thơ Tôn lại nói về nhiều khía cạnh khác của cuộc đời thì chắc phải có nhiều điều-kiện xã-hội khác ảnh-hưởng sâu đậm tới tâm-tư và lời thơ của Tôn, như thế, tưởng hợp lý hơn. *Chúng tôi sẽ nói lại thêm điểm này, khi nói nữa về T. T. T., trên một khía cạnh khác.*

Còn về điểm một kẻ bề trên mà Tôn nhường nhịn Cử Trị, tôi đã học hỏi ý kiến của nhiều bậc trí-thức lão thành, tôi hoàn toàn không đồng ý với ông Quốc-Sĩ. Nếu ông thật tâm có tinh-thần xây-dựng khách quan nền văn chương nước nhà, xin mời ông mở ra một cuộc nói chuyện khác, chúng ta sẽ cùng chung đưa vấn-đề này ra thảo-luận lại, vì còn rất nhiều giai-thoại ly-kỳ về Tôn và Cử Trị mà, hôm ấy, tôi chưa kịp đưa hết ra tham-khảo.

★

Về chỗ ý-ngoại thuộc phần tranh-luận, ông Q. S. trách: « *Đáng lẽ diễn giả chỉ nên lưu ý tới nội-dung và không nên bắt bẻ vì hình thức và danh từ* », vì ông Quốc-Sĩ nghĩ rằng, « *sinh viên ấy đã dùng trật danh từ* ».

Đã là sinh-viên đại-học, mà lại là sinh viên Đại-học Văn-Khoa, mà tới hai lần dùng sai một danh-từ « *đả kích* » rất thông thường, tùy theo quan niệm, ông Q.S. muốn suy nghĩ thế nào cũng được, chớ riêng tôi, trên cương vị mô-phạm, tôi thấy có phận sự *phải chỉnh đốn ngôn từ*, cái thái độ đó làm sao ông Quốc-Sĩ hiểu được nguyên nhân sâu sắc của nó.

Đó là ba ý-kiến còn có được chút ít gần với sự thật trong suốt bài của ông Quốc-Sĩ.

Bây giờ, đối với phần thuộc về những ý kiến mơ hồ như vấn đề thi sĩ số một, số hai mà ông Quốc-Sĩ suy ra, rồi gán cho tôi, thì, trước đó, tôi có được ông Khoa-Trưởng đồng ý, chúng tôi sẽ tuần tự nêu ra tâm sự nào nê của những thi văn đồng thời với Tôn, như cụ Đồ-Chiều, Cử

Trị chẳng hạn..., chớ nào tôi có ý nghĩ từ ấy đến giờ, T. T. T. là đệ nhất và N. V. Đ. là đệ nhị gì đâu? Và lại tôi cũng không có thơ thần gì bao nhiêu trên mặt báo.

Các sĩ phu thời T. T. T. đều có tâm sự nào nê; ai cũng dùng phương tiện riêng dạng tìm lối thoát. Lối thoát của T. T. T. như thế đó đã có nhiều lần dư luận phê phán phân vân. Là người muốn tìm hiểu sự thật, tôi trình bày nỗi lòng của T.T.T. như hôm đó, chớ toi đề cao ở chỗ nào? Và lại tôi đã nói rõ, trong buổi diễn-thuyết:

« Đặt vấn-đề như thế, không phải chúng tôi có quan-niệm đề cao T.T.T.

« Về phương-diện luân-lý, đạo đức, theo hệ thống tình cảm của người V.N., về phong độ hào hùng của các bậc sĩ phu tiết liệt, chúng tôi không có lý do đề cao một người ra hợp tác với Pháp như Tôn, trong lúc có biết bao nhiêu người đang xả thân cứu nước. Tôn đã đi vào chủ trương « dùng người Việt cai trị người Việt », của Pháp khi mới đặt

gót xâm lăng lên lãnh thổ V.N., đang cần cán bộ, vô tình, Tôn đã nổi giáo cho giặc ».

Cụ thể, tôi đã nói rõ như thế, nói hành động của Tôn coi như đã nổi giáo cho giặc; thế mà ông Quốc-Sĩ còn suy nghĩ, gán được cho tôi có ý đề cao T.T.T. thay, hướng chỉ là những ý kiến trừu tượng khác mà ông Quốc-Sĩ không vẽ rằn thêm chơn, suy ra xa nữa!

Ông viết: « *Diễn-giả đã từng tham gia nhiều cuộc tranh đấu chánh trị hồi tiền chiến, đã đi kháng chiến và trở về trước ngày đình chiến.* »

Ông Quốc-Sĩ đã dụng ý bỏ một sự thật, viết như vậy, để dùng hình ảnh T.T.T. ám chỉ ai đây? — Nhất định không phải là diễn giả. Ông viết: « *T.T.T. chỉ có một điểm khã dung là còn có đôi chút liên sĩ, chớ không lên mặt thầy đời hay lỏa lồ trắng trợn như nhiều kẻ đào ngũ phản dân mà còn huynh hoang tự đắc* ».

Nếu ông Quốc-Sĩ thật lòng thương hại những kẻ như vậy, muốn giúp đỡ xây dựng thì ông nên thản thẳng nói rõ hơn,

người ông chỉ thị sẽ phục thiện, soi rọi, mà sửa những sai lầm.

Ông Quốc-Sĩ viết: «... *Trở về trước ngày đình chiến* », trong lúc ông có nghe rõ vị lão thành chất vấn tôi, biết rằng từ chiến khu tôi về tới Saigon 7 ngày, trước ngày ký hiệp ước đình chiến Genève 20-7-54.

Ông vô tình hay cố ý không viết rõ sau 9 năm chiến đấu, tôi chỉ về trước đình chiến có 7 ngày, để ông dễ lập luận rằng tôi đã bỏ hàng ngũ.

Mà bỏ hàng ngũ nào?

Hàng ngũ trong những ngày quảng quai, đau thương trên ngã ba ngã năm đường lịch sử của dân tộc, ở sâu thẳm trong chiến khu, trong những giờ phút điêu linh ấy là hàng ngũ nào?

Nếu ông xét thấy sai lầm khi tôi bỏ hàng ngũ bên kia trong hoàn cảnh lịch sử hiếm có ấy, để trở về với dân tộc, thì có con đường nào khác hơn để cho tôi đi, được khỏi bị ông « *mắng* » rằng đã bỏ hàng ngũ, xin nhờ ông thử vạch?

Hơn nữa, nếu ông Quốc-Sĩ có sống trong hoàn cảnh như tôi trong 9 năm kháng Pháp, tới giờ

phút cuối cùng tháng 7-54 ấy, ông sẽ có thái độ như thế nào; ông sẽ đi hướng nào cho ngày nay khỏi mang tiếng là đã bỏ hàng ngũ, tôi thiết tha nhờ ông chỉ dẫn.

Còn điểm nói về « Bầu tâm sự » của tôi, ông Quốc-Sĩ viết: « Có người nói rằng ông Nguyễn Văn-Đình muốn nói tới tâm sự của Tôn-thọ-Tường để trút bầu tâm sự của ông », tôi thấy người ta nghĩ sai lầm xa lắm.

Đứng trước hai giai đoạn V. N. bị Pháp xâm lăng, T. T. T. với tôi, hai người đã đứng trên hai trận tuyến khác hẳn.

Trước kia, trong lúc T. T. T. sống trong khu vực của Pháp, tháng tháng lãnh lương của Pháp, thì trong rừng thẳm, đồng sinh đã có Trương Công Định, Nguyễn Trung Trực, dũng mãnh đứng lên nêu cao tinh thần bất khuất. Nếu sanh đồng thời với T.T.T., chắc chắn tôi đã theo sát Trương Công-Định, đứng bên trận tuyến kháng Pháp như 9 năm kháng địch vừa qua, nghĩa là tôi đã đối lập với T. T. T. như thế làm sao tôi có cùng chung một tâm sự với tâm sự

của T. T. T. được?

Có cùng một tâm sự với T. T. T. chẳng là những ai, trong 9 năm kháng Pháp vừa qua, « *Đã Đào ngũ, phản dân* », « *mà, còn huynh hoang, tự đắc* », như ông Quốc-Sĩ đã nói?

Còn rất nhiều điểm khác như ông Q. S. cho tôi: « ... *ngờ ngẩn khi so sánh T. T. T. với văn hào Voltaire, với thống chế Pétain, với P.T. Giản, với Tổng đốc Lộc, Hoàng Cao Khải*... v.v. tôi xin miễn trả lời. Vì theo quan niệm của người ngay thẳng, tranh biện đề học hỏi lẫn nhau trong niềm hòa khí, nếu ai có tinh-thần xây dựng, thì không bao giờ làm cái việc đoạn văn, thủ nghĩa. Thế mà, ở đây, suốt bài báo, ông Quốc-Sĩ không trích được một lời của tôi, ông chỉ suy đoán và gán cho tôi những ý-kiến không đúng với điều mà tôi muốn nói. Cụ thể điển hình hơn hết là điểm ông gán cho tôi đề cao T. T. T., như tôi đã dẫn ở trên.

Tóm lại; tôi cảm thấy bực rức trong lòng khi buộc phải đáp lời một Giáo-sư Đại-Học

mà phải viết rỗng những việc quá tầm thường.

Tôi có ý-kiến đề nghị với ông Quốc-Sĩ, nên mở lại một cuộc nói chuyện về T.T.T. với quan-niệm đả phá của ông, đả phá những ý kiến nào mà ông cho là sai lầm để phê-phán lại.

Có làm việc đến nơi đến chốn như vậy, mới thật là công việc của một người có tinh

thần trách nhiệm, có thiện chí xây dựng, chứ không nên có thái độ đánh trống bỏ dùi, « *Lỏa lờ, trắng trợn, đào ngũ phản dân mà còn huynh hoang tự đắc* » như ông Quốc-Sĩ đã diễn tả một cách xuất thần, không khác người trong cuộc.

Tôi rất trong đợi ở ông.

NGUYỄN-VĂN-ĐÌNH



CALCIUM TANA

A L'ACIDE GLUTAMIQUE

Thuốc CALCIUM TANA à L'ACIDE GLUTAMIQUE là thuốc uống để phòng lao và bổ óc rất cần cho Sinh-viên và Trí-thức lao-lực để bồi bổ tinh thần và nâng cao trí tuệ.

Nhiều nhà Bác-học AU-MỸ đã dày công nghiên cứu và cùng đi đến kết luận sau đây: **chất ACIDE GLUTAMIQUE bồi bổ cho óc người lớn cũng như con nít được thêm trí nhớ và trí thông minh**

Trong thuốc Calcium TANA à l'Acide glutamique có thêm Glycocolle chất này là một thứ Acide animé mà ta thường thấy trong Cao hồ cốt, Cao gạc, Cao đờng, Cao quí v.v... Glycocolle đem sinh lực giúp cho người làm việc nhiều khối mệt nhọc và ăn được, ngủ được.

Còn về chất Calcium thì từ xưa đến nay đã được Y-học dùng để phòng và chữa các thứ bệnh lao, như là lao phổi mà các giới Sinh-viên, Trí-thức và lao-dộng thì ông hay mắc phải. Chất Calcium cũng rất cần cho trẻ em ốm yếu, lâu lớn cũng như cho phụ-nữ trước và sau ngày sanh đẻ.

Muốn đem áp dụng những kết quả tốt đẹp đó, nhà thuốc TANA chế ra thuốc **CALCIUM TANA à L'ACIDE GLUTAMIQUE** để Đồng-bào dùng.

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC AU-MỸ

đ à n đ ê m

Đêm nay ngồi dưới trăng vàng,
Ngập ngừng tôi gảy khúc đàn bi-ai.
Âm-thanh nước nở vẫn dài,
Lòng tôi nặng mối u-hoài cô-đơn,
Bao niềm rung-cảm, tủi hờn,
Cuốn theo cánh vạc chập chờn trong đêm...

Mơ chi nữa phút êm đêm,
Khi người tách bến nhỏ thuyền sang ngang.
Trách chi số-kiếp bẽ-bàng,
Đàn tình lỡ nhịp ngõ-ngàng người nghe.
Nhớ chi cho dạ sắt-se,
Cung sầu vương-hận mãi dề tim non.
Mong chi đừng mắt mỗi-mòn,
Đàn đêm trôi giọng nỉ-non canh dài.

Thôi dù người chẳng vẹn lời,
Tình này xin giữ trọn đời chẳng quên.
Đàn ơi trời lại khúc duyên,
Cùng ta giữ trọn lời nguyện đêm nao.

★ HOÀNG-ÂN
(Định - Quán)



C O -
T H È

phòng thủ
thê nào ?

B.s. NGÔ QUANG-LÝ

C H Ú N G ta đã rõ trong vũ-trụ, có hằng hà sa số những vi-thê, chỉ tìm cách bám vào người hay súc vật, gây ra những bệnh rất nguy hiểm.

Khi một loại vi-thê, tôi nói gọn là vi-trùng, vào được trong người rồi, nó tìm mọi cách sinh sản và hành-động. Nhưng thê nào cũng có một cuộc xung đột giữa những phần tử nguy hại này và cơ-thê người hay vật. Vì cơ-thê của người hay vật có một hệ thống phòng thủ riêng.

Chúng ta thử xem phương

pháp bảo-vệ cơ-thê như thế nào?

a) Trước hết phải xét qua cách tấn công của vi-trùng.

Trong cuộc tấn công này, người ta chia ra hai loại:

Một loại vi-trùng xâm nhập toàn cơ-thê. Nó sống và sinh sản trong máu, trong các dịch-thê, trong các tế-bào. Nó cũng hút các chất bổ cần thiết và nhả ra những cặn bã, những chất độc, gọi là độc tố. Những chất độc này gây trong cơ-thê bị nhiễm, nhiều xáo trộn về hóa-học, sinh ra bệnh, với những triệu chứng.

nặng, nhẹ, khác nhau, tùy theo sức mạnh của độc-tổ vi-trùng, lắm khi rất nguy và gây ra cái chết.

Loại thứ hai hoạt động một cách hơi khác.

Vi-trùng không có tính cách xâm lược. Thí-dụ bệnh bạch hầu. Vi-trùng sống và sinh sản ở một chỗ. Trong bệnh bạch hầu nó thường ở hầu và họng rồi từ nơi đó, nhả ra những độc tố. Những chất độc này vào máu, nhiễm vào các cơ-quan để bắt những chất độc, khiến sự hoạt động của cơ-quan mà chúng tôi gọi là cơ-năng bị trực trặc.

Đề thí dụ : độc-tổ bạch hầu nhiễm vào tim làm cho tim đập nhanh, nhiễm vào gan làm suy yếu, nhiễm vào thận làm cho thận bị sưng.

Như vậy, bệnh nặng hay nhẹ là do độc-tổ vi-trùng. Chính những chất độc ấy làm cho vi-trùng có một *độc tính* mạnh hay yếu.

Các bạn nên nhận rõ điểm này để sau có thể hiểu về thuốc chủng và miễn dịch tính.



b) Hệ thống phòng thủ.

Những vi-trùng không dễ gì xâm nhập vào nội tạng vì cơ thể có một hệ thống phòng thủ rất kiên-cố. Muốn xâm nhập, vi-trùng phải qua nhiều cửa ải.

Cửa ải thứ nhất là da và niêm mạc (da non).

Da bao bọc toàn diện cơ-thể. Vi-trùng cứ việc bám ở ngoài da. Nếu da được toàn vẹn, vi-trùng không thể tìm một lối nào mà xâm nhập được. Nếu sự toàn vẹn mất, như khi ta già, trầy, bị đứt, bị đâm hoặc có mụn, có lở, một đường đã mở, đề vi-trùng có lối mà đi. Nó xâm nhập vào trong người, bệnh phát hiện.

Mặt da thì dày, nhưng niêm-mạc lại mỏng, nên hệ thống phòng thủ phải thêm một yếu tố. Trên mặt các niêm mạc thường có một dịch thể tiết ra, gọi là niêm dịch. Chất này có một lực sát trùng tương đối, để bảo-vệ làn da non. Cùng một mục đích ấy, nước bọt, (nước miếng) nước mắt, nước mũi, niêm dịch khí đạo, vị dịch tiết ra để bảo-vệ màng miệng,

giác mạc, màng mũi, khí đạo. Dạ dày v.v...

Cửa ải thứ hai là hầu hạch

Hai hầu hạch, ở sau miệng, trước hầu quản, là hai vị thần giữ cửa cho đường hô-hấp và tiêu-hóa.

Những hầu hạch có thể coi là những bẫy vi-trùng. Màng bọc ngoài rất mỏng. Vi-trùng tưởng dễ đi, kéo vào đấy, nhưng chỉ một số ít. Chúng có ngờ đâu, trong hai hầu hạch này, có rất nhiều bạch-huyết-cầu, còn gọi là thực-bào, vì là tế-bào ăn những chất lạ nhỏ, những vi-khuẩn. Thực bào này giết vi-trùng xâm nhập rất mau vì ở đây còn có sự giúp đỡ của các tế-bào trong tổ-chức hầu hạch, một hệ thống riêng biệt mà chúng tôi gọi là hệ-thống vòng trạng, vì nó có những mắt như mắt võng.

Cửa ải thứ ba là manh nang kín.

Đây là những cái bẫy đặt ở dưới màng ruột, nhất là ruột non, để bảo-vệ bộ tiêu-hóa.

Mà manh nang kín là gì. Đây cũng chỉ là những tổ-chức như hạch, ngoài có màng bao mỏng, trong có nhiều ngấn, chứa nhiều

thực bào, để có thể đối phó với vi-trùng nếu nó xâm nhập. Ở màng ruột có muôn ngàn triệu lông ruột mà chúng tôi gọi là mao trường. Cứ giữa hai mao trường có một manh nang kín, như vậy có cơ man bẫy vi-trùng dưới màng ruột.

Cửa ải này tuy quan trọng, nhưng nhiều khi vi-trùng có độc tính khá mạnh, như trường hợp bệnh thương hàn, thì dù bẫy có nhiều, thực bào có lắm, vi-trùng vẫn thắng thế, manh nang sưng lên và bệnh phát.

Khi manh nang kín trong ruột thất thế, vi-trùng còn gặp *cửa ải thứ tư, tức là gan.*

Gan là một cơ-quan khá lớn và cũng là cơ-quan trọng yếu của cơ-thể, vì gan đã được ví như một phòng thí-nghiệm lớn, trong đó thiệt hiện rất nhiều phản ứng hóa-học. Tuy nhiên, gan còn là một cơ-quan biến độc và cũng là cơ-quan khử độc, diệt vi-trùng. Ở trong gan có những tế-bào, gọi là tế-bào Kupffer, ăn được cả những con mồi lớn. Vi-trùng vào đây, phải qua những con đường quanh co,

có những cảnh binh nghiêm ngặt. Cửa ải này cũng là cửa ải quan-trọng. Nếu vi-trùng qua được cửa ải này, nó vào tới cửa thứ năm, rộng rãi, thênh thang : máu.

Ở cửa ải thứ năm này, vi-trùng gặp một đội cảnh binh lưu-động, gồm hết thầy bạch huyết cầu.

Nếu ở bốn cửa ải trên, vi-trùng gặp loại cảnh binh ở yên một chỗ, những tế-bào của hệ thống vòng trạng, như tế-bào nội mạc huyết quản, tế-bào sợi của tổ liên, tế-bào Kupffer của gan, tế-bào của lá lách, của manh nang kín trong niêm mạc ruột, thì vào máu, vi-trùng gặp loại cảnh binh lưu động, nhanh nhẹn mạnh khoẻ hơn.

★

c) Những cảnh binh lưu động này hoạt động cách nào ?

Những cảnh binh này, nói một cách khoa học là những thực bào đã được trời phú cho nhiều tính chất lạ.

Trước hết là thực bào tính. Đứng trước một con mồi, đây là một vi-trùng, thực bào có thể

phóng ra những chân giả, những giả túc, quấn quanh con mồi, bao trùm nó, rồi đưa vào bộ tiêu-hóa của thực bào, và tiêu diệt vi-trùng.

Nhưng vi-trùng cũng tự-vệ. Nó phóng ra những độc tố. Thực bào phải phóng ra những kháng độc-tố, tiêu trừ độc-tố, rồi với những phân hóa tố của nó, tiêu diệt vi-trùng.

Thứ hai là xuyên mạch tính. Nếu vi-trùng không ở trong dòng máu, mà ở ngoài mạch máu, thực bào có thể qua các mao quản, kéo đến chỗ có vi-trùng xâm nhập. Muốn vậy, nó tìm ở mao quản, một chỗ yếu, rồi dùng tính biến hình, lách qua chỗ yếu của mao quản, kéo ra ngoài, tới chỗ có vi-trùng xâm nhập, rồi dùng thực bào tính, tiêu-diệt vi-trùng.

Sự đột kích của thực bào, sự tự-vệ của vi-trùng gây ra những hiện tượng của chứng viêm như : đỏ, sưng, đau và nóng.

Không phải ở mọi trường hợp, thực bào đều có thể tiêu diệt được vi-trùng. Nó chỉ tiêu diệt vi-trùng nếu nó mạnh hơn.

Vi-trùng quá mạnh, thực bào sẽ chết.

Lúc đó chúng ta thấy một hiện tượng mới : mủ.

Mủ chỉ là những vi-trùng sống hay chết và những thực bào, một ít còn sống, nhưng phần đông đã chết, vì độc-tố của vi-trùng.

Mặc dầu có một sự bảo-vệ tự nhiên, nếu vi-trùng quá mạnh, và sức bảo-vệ bị giảm như những trường hợp ta bị cảm, mệt mỏi quá độ, thiếu ăn, thì bệnh phát ra rất dễ.

Ở trên, tôi lấy thí dụ những vi-trùng, ở trong loại những vi-thề, gây ra những phản ứng phòng thủ khi vào cơ-thể.

Nhưng không phải chỉ có thế.

Nội chung, mỗi thứ dẫn lạ cho cơ-thể, khi vào máu, cũng gây ra những rối loạn trong con người, cả cái chết.

Thí dụ : khi chích huyết thanh ngựa cho người, mười ngày sau khi chích, ta thấy những biến cố khá nặng như nóng, bỏ ăn, phù, nổi Đò,

đau các đầu xương, suy tim, có khi chết.

Những chất dẫn lạ khác như nọc độc súc vật, dẫn thực phẩm, máu súc vật, máu người khác loại, khi sang máu, đều có thể gây ra những chứng trên.

d) Cơ pháp phòng thủ

Chúng tôi đã nói vi-trùng mạnh yếu là do độc-tố của nó. Những độc-tố này cần phải tiêu trừ, nhưng bằng cách nào ?

Chúng tôi xin đi xa một chút để các bạn hiểu rõ về sự phòng thủ của cơ-thể. Hãy đặt một nguyên tắc :

Bất cứ chất gì có bản tính loại dẫn, khi đột nhập cơ-thể, chạy trong tuần-hoàn, đều gọi là sinh kháng (antigène).

Khi có một sinh-kháng thì trong cơ-thể này ra một chất mới, gọi là kháng thể (anti-corps) cũng loại dẫn, nhưng chống với chất-kháng-sinh.

Nhưng cơ-pháp hoạt động của kháng-thể ra sao. Người ta biết rằng, sinh kháng và kháng thể khi đứng đối diện nhau, sẽ kết hợp lại. Nếu sinh kháng là

một chất không tan, nó sẽ lắng xuống. Nếu sinh kháng là độc-tổ vi-trùng nhả ra, kháng thể sẽ là một kháng độc-tổ, hợp với độc-tổ thành một chất phức tạp vô hại. Nếu sinh kháng là một phân hóa tố, kháng thể sẽ là một kháng phân hóa tố, hoặc tiêu trừ, hoặc làm cho tác dụng của phân hóa tố thành vô hiệu lực.

Nói tóm ; sự phòng thủ cơ-thể như sau : Nếu sự đột kích là một độc-tổ vi-trùng, cơ-thể sẽ phát ra một kháng độc-tổ thành một chất phức tạp độc-tổ — kháng độc-tổ, vô hại cho cơ thể.

Nếu là vi-trùng, kháng thể

phát ra sẽ bám quanh vi-trùng, để các thực bào dễ công kích.

Thực bào tính của bạch-huyết-cầu giảm sự sinh-sản của vi-trùng và lần lần tiêu diệt chúng.

Việc ngăn cản sự sinh nở mau chóng của vi-trùng, đưa đến việc trị liệu chống vi-trùng hiện tại

Những thuốc loại sulfamide, loại trụ sinh, không phải trực tiếp giết vi-trùng. Nó có một lực làm cho vi-trùng đứng khựng, nghĩa là không sinh sản được, để các thực bào công phá và thành công.

Bác-sĩ NGÔ-QUANG-LÝ

Trị Thận Duy Nhất chỉ có :

THUỐC ĐAU LƯNG HỒNG - NGUYỄN



CHUYÊN TRỊ : Các chứng thận suy, đau thắt ngang lưng, đau xương, nhức gân, tay chân nhức mỏi. Có công dụng sanh tinh bổ thận, bền bỉ dẻo dai, các giới đều công nhận và khen tặng.

Đông Dược-Sỹ kiêm Đông Y-Sỹ BÀ DƯƠNG-XUÂN-LANG

Nhà thuốc và phòng mạch :

246, Nguyễn-Hoàng — CHOLON

Mỗi hộp 2 viên giá 20\$. Các tiệm thuốc Bắc đều có bán.



Truyện dài tình-cảm thời-đại ★ NGUYỄN - VỸ

(Tiếp theo P.T. số 82)

CHƯƠNG II

HAI người khách cuối cùng trong ngày Mùng Bốn Tết vừa ra về, Ánh xem đồng hồ đã 8 giờ 30. Ánh trang điểm qua-loa lại một tý.

Thân-mẫu của Ánh dọn-dẹp các tách trà trên bàn khách, quét lượm vỏ hạt dưa, lau chùi bàn ghế. Ánh quay ra bảo :

— Thưa má, ông giáo Ngọc-Minh có mời con đi dự Dạ-Hội trường Mù sẽ khai mạc đúng 9 giờ đêm nay tại rạp Văn-Hoa Chợ-lớn. Ông sắp đến đón con đi. 12 giờ khuya con về nhé.

— Ừ, Má kê ghế-bổ gần

cửa, Má ngủ. Chừng nào con về, con gọi cửa.

Theo thường lệ, Ánh không điện gì lắm, tuy là ngày Tết và đi dự Dạ-Hội với ông Ngọc-Minh. Ánh mặc quần sa-tanh trắng, áo tím màu hoa cà, không đeo nữ-trang nào khác ngoài một chuỗi hạt màu tím đậm. Ánh cầm chiếc « sắc » trắng, mang giày đen.

Ông Ngọc-Minh đến lúc 9 giờ kém 15. Ông bận đồ lớn, ser e xanh-nước-biên, đeo cravate tím nhạt có hai sọc xéo xanh. Ông ngồi trò chuyện vui-

về một lúc, đúng 9 giờ cùng Ánh ra đi. Năm phút sau, đến nơi.

Hai người ngồi hàng đầu, nơi giầy ghế danh-dự dành riêng các quan khách sang trọng, do hai nhân viên ban Tổ-chức sắp đặt chỗ ngồi. Bên cạnh ông giáo-sư Ngọc-Minh là bà Bộ-trưởng Giáo-dục, kể đến ông Bộ-trưởng, và các bà các ông nhân vật cao-cấp trong giới Học chính. Bên cạnh Ánh là ông Bộ-trưởng bộ Xã-hội, kể đến ba Bộ-trưởng và các nhân vật cao cấp khác. Hai giầy ghế danh dự hàng đầu và hàng thứ nhì đã gần kín người hết, chỉ còn một hai ghế trống. Dạ-hội đáng lẽ đã khai-mạc, nhưng đến 9 giờ 20 mới bắt đầu kéo màn, và chào cờ.

Ông Hiệu-trưởng Trường Mù — một vị Đại-úy Mù, đeo kính đen, — ra đọc diễn-văn khai-mạc, nói mục-dịch Dạ-Hội đêm nay, và các hoạt-động giáo-dục, xã-hội, văn-ngệ, của nhà trường, và trân trọng cảm tạ các quan khách và toàn thể khán giả đã đến rất đông, tỏ cảm tình nồng-hậu với mấy trăm nam-nữ thanh-niên trường Mù.

Tiếng vỗ tay hoan-nghênh vừa dứt, thì tiếng trong Pick-up loan ra:

— Kính thưa quý Quan-khách và quý vị Khán-giả, bây giờ giáo-sư trưởng, ban Ca-Nhạc trường Mù xin ra giới-thiệu toàn ban... Xin mời giáo-sư Trần-thanh-Hoàng...

Ánh bỗng dưng tái mặt... Trần-thanh-Hoàng? Đúng là tên, họ, cả chữ đệm của Hoàng... Nhưng có phải Hoàng... người yêu của Ánh không? Hoàng... sao lại mù? Ánh hồi-hộp chờ xem...

Từ trong hậu-trường, bước ra, có một thiếu nữ, cô Phạm-thị-Toàn, nắm tay dìu đến mấy vị âm, một chàng thanh-niên mù, đeo kính đen, đẹp trai, với một nụ cười hiền-lành trên môi.

Ánh choáng-váng mày mặt, tự nhiên ngã vào tay ông Ngọc-Minh, mồ-hôi túa ra trên trán, hai bàn tay lạnh ngắt...

Ông Ngọc-Minh hốt-hoảng, vội đỡ Ánh ngồi ngay dậy, khẽ hỏi:

— Ánh sao thế?

Nhưng Ánh cố hết sức trấn-

tĩnh lại, lấy khăn tay lau mồ-hôi, và khẽ đáp ông Ngọc-Minh:

— Dạ, không sao, em chỉ hơi mệt chút thôi...

Ông Ngọc-Minh đã biết Ánh bị bệnh đau tim từ một năm nay, và chính ông đã giới thiệu Bác-sĩ Toại ở đường Hồng-thập-Tự để chữa bệnh cho Ánh. Hàng ngày Ánh vẫn phải uống thuốc và chích thuốc, đã bớt được đôi phần. Đêm nay, sợ Ánh ngồi trong Dạ-Hội hơi khuya sẽ mệt, ông có đem theo để phòng-bị một hộp thuốc viên mà Ánh vẫn uống mỗi khi lên cơn đau tim... Ông thò tay trong túi lấy hộp thuốc ra, mở hộp lấy hai viên trao Ánh. Ánh bẻ mỗi viên làm tư nuốt trọn với nước miếng...

Ngọc-Minh ngó Ánh, thấy da mặt vẫn còn tái mét, mồ-hôi vẫn rịn ra, và trông Ánh có vẻ mệt lắm... Ông bảo khẽ Ánh:

— Ánh muốn về nghỉ không? Chúng ta cùng về.

Ánh gượng đáp:

— Dạ, ngồi một tí nữa rồi hẵng về, có lẽ tiện hơn.

Trên sân khấu, Giáo-sư Trần-thanh-Hoàng đã bắt đầu

giới-thiệu ban Ca-nhạc. Sau mấy lời rất lịch-sự cảm-ơn khán-giả, Hoàng giới thiệu từng nhạc-sĩ một, cùng một lúc nhạc-sĩ ấy từ trong hậu-trường bước ra, do cô giáo Toàn hướng dẫn:

— Bạn Lê-văn-Xuân, lục-huyền-cầm hạ-uy-di... Bạn Trần-Bích, trompette..., bạn Trần-hữu-Dur, thổi sáo... Bạn...v.v... Tất cả chín nhạc-sĩ trẻ tuổi, toàn là người mù cả, cũng giáo-sư và học-sinh trường Mù.

Vì tiết-kiệm, ban Tổ-chức không in chương-trình đề biếu khán-giả. Nhưng theo sự hiểu-biết của một vài nhạc-sĩ thân-cận với ban tổ-chức, thì hôm đặt chương-trình đêm Dạ-Hội, toàn ban có yêu-cầu giáo-sư Hoàng mở đầu buổi ca nhạc bằng bản « Nhớ bóng người xưa » của Hoàng, vì toàn thể nhà Trường đều cho rằng bản ấy hay nhất và cảm động nhất. Hoàng nhất định phản đối. Cuộc bàn-cãi khá sôi-nổi. Mặc dầu chính cô giáo Toàn, là vợ mới cưới của chàng nghệ-sĩ, cũng đồng-ý rằng chàng nên ca bản ấy để làm vừa lòng toàn ban

và cả Đại-Úy Hiệu-trưởng,
Hoàng vẫn từ-chối:

— Tôi đã có lời tự-nguyện
rằng tôi đã ca bài ấy một lần
cuối-cùng hôm lễ thành-hôn của
chúng tôi.

Nhưng sau cùng, Toàn khản-
khoản tha-thiết quá vì không
muốn ông Hiệu-trưởng và các
bạn buồn, Hoàng đành nhận
lời. Nhưng chàng mỉm cười
nhã nhặn thưa:

— Thưa ông Hiệu-trưởng và
toàn thể các bạn, tôi xin tuân lệnh
hát bản ấy lần cuối cùng, — và
lần này nhất định là lần cuối
cùng thật sự, — trong đêm Dạ-
hội mùa Xuân của chúng ta.

Cả ban đều vui mừng. Ông
Hiệu-trưởng nói:

— Đồng ý lần này là lần
cuối thật-sự, đề tôn-trọng ý-
nguyện riêng của bạn.

Vì vậy, mà trong Dạ-Hội mùa
Xuân đêm nay, sau khi giới-thiệu
với cử-tọa toàn Ban ca-nhạc
trường Mù, tiếng pick-up reo
vang lên:

— Kính thưa quý vị, đề mở
đầu, giáo sư Hoàng xin ca bản
« Nhớ bóng người xưa » lời và
nhạc do chính giáo-sư sáng-tác.

Hoàng trời giọng trong máy
vi-âm, cùng một lúc ban nhạc
hòa theo:

Tôi mơ, bóng người xưa...

Tìm bóng ngày xưa...

*Bao nhiêu đêm dài gió dầm mưa,
Đôi lứa âm thầm cùng nhau
cất bước...*

Trên đường vắng thưa,

Bóng nàng tha thướt,

Vai nàng dẫm ướt,

*Cánh hạc nghèo, tê-tử lệ như
mưa!*

.....

Ta thương bóng ngày xưa!

Nhớ bóng người xưa!

Ánh đèn khuya chưa tắt,

Trên giường, nàng héo hắt...

*Trùm chiếu manh, cơn rét tỉnh
rời mê.*

Gối nàng rơi bên vách...

Tóc nàng trôi trên đất,

*Đêm hận về, Nàng đã tỉnh hay
chưa?*

Men đầu say sưa.

Hận đầu dây dưa;

*Sao trong vực sâu đã tắt hết
hay chưa?*

.....

Ôi, đâu bóng ngày xưa?

Đâu bóng người xưa?

*Trời cướp ta mất nguồn ánh
sáng minh-chiêu,*

*Trời cướp ta đâu còn ánh sáng
tình yêu!*

Giếng đời sâu không biên giới,

Giếng lòng sâu đo không tới,

*Ôi Đêm tối! Đêm tối! Ánh sáng
về chưa?*

Đêm tối! Đêm tối! Người

xưa về chưa?

*Mắt hăm-tù đâu thấy ánh ngày
xưa!*

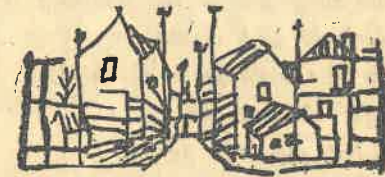
Đâu thấy bóng người xưa!

Tiếng vỗ tay của toàn thể
thính giả nổi dậy ồn-ào náo-
nhiệt trong rạp, và nhiều tiếng
« Bis! Bis!» lập đi lập lại, xôn-
xao trong cử-tọa. Giọng hát của
Hoàng lâm-lý nào-nuột quá,

khiến cho đa số thính giả, nhất
là các bà các cô, bị xúc động
quá mạnh, rung rung nước mắt.

Nhưng Hoàng vẫn mạnh dạn
bước vào hậu trường, đề ông
Hiệu-trưởng thân hành ra giải-
thích và xin lỗi vì sao tác-giả
không thể hát lại lần thứ hai
nữa. Giữa lúc xôn-xao náo-động
ấy, chỉ có một số thính-giả ngồi
nơi các hàng ghế đầu chứng-
kiến một việc lạ-lùng, càng xôn-
xao hơn: Vừa nghe xong bài
hát, Ánh té xỉu xuống đất, mắt
nhắm riết lại, tay chun lạnh
ngắt như một xác chết. Ông
Ngọc-Minh và bốn người trong
ban tổ-chức lo sợ cuống quýt,
vội đỡ Ánh ra ngoài, đưa lên xe
ông Ngọc-Minh...

(còn nữa)



Đã phát hành VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN số 69
Nội-dung phong-phú. Dày 176 trang, giá 12đ.

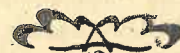
Chuyện Quê

★ Diêu-Huyền

- Chao ôi ! Xác chết ! Đầu lâu !
 - Chao ôi ! Thiên-hạ giết nhau hãi-hùng !
 - Chao ôi ! Thế-hệ loạn cuồng !
 - Chao ôi ! Tử-khí một luồng bi-ai !
- Giết hai con tuổi thơ ngây,
Bờn nàng cô phụ oán ai là chồng !
- Bà kia nhan sắc diễm-hồng,
Đem tiền thuê kẻ giết chồng, lấy trai ?
Cô kia sắc nhạt, hương phai,
Đang tay chia súng giết ai lỗi nguyên !
- Mấy chàng dang-dở tình duyên
Cầm dao đâm kẻ thuyên-quyên lỗi thề !
- Giành nhau gái diễm ê-chề,
Hăm-he quyết-liệt mỡ mè, ăn gan !
- Cha nghèo nghĩ quẩn, nghĩ quàng,
Giết bầy con dại, rồi toan giết mình !
- Còn bao những kẻ thất-tình,
Ngậm thù, chúc oán, chỉ rình giết nhau !

- Kẻ ham tiền của nhà giàu,
Kẻ vì thiếu nợ, mài dao giết người !
- Đứa ý thế, cậy oai trời,
Hiếp gái vô-tội, bắt người vô-can,
Dở trò ô-nhục, dā-man,
Chơi hoa rồi lại phủ-phàng giết hoa !
- Và trong khói lửa can-qua,
Ngút mùi tử-khí, hồn ma dật dờ !
Giết trong đêm tối, sương mờ,
Giết nơi ngô vắng, bụi bờ, mương sâu !

- Chao ôi ! Xác chết ! Đầu lâu !
 - Chao ôi ! Thiên-hạ giết nhau hãi-hùng !
 - Giết nhau, say máu loạn-cường !
 - Giết nhau cho chết tận cùng mới thôi ?



POLYVIT C_a
TÉVÉTÉ

ĐÀN BÀ DƯỠNG THAI VÀ THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒN-YẾU, ÉO-OT, CHẴM MỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHÔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TẮY VÀ TIỆM TRỪ ẬU-DƯỢC



PHỔ THÔNG VÒNG QUANH THẾ-GIỚI

★ XUÂN-ANH

PHÁP. — HẾT MUỐN Ở TRÊN MẶT ĐẤT !

Một nhà hải-học Pháp đang thực hiện những loại nhà xây dưới nước có đầy đủ tiện nghi. Người ở có thể sống một cách đàng hoàng, đi đứng, ăn ngủ y hệt trên mặt đất vậy.

Ban đầu nhiều loại nhà được đặt thử dưới đáy nước sâu 8 thước rồi đến 16, 30 và 60 thước.

Thật cái ông này quá lập dị mà lại thực dân chính cống nữa. Trên đất còn thiếu gì chỗ mà ông định xuống xâm chiếm đất đai của Long-vương, Hà Bá ?

● LỖ TAI LỚN NHỨT HOÀN-CẦU

Pháp vừa thiết-lập một Trung-tâm điện tử rất phức tạp có một cột « ăn-tên » nặng 340 tấn. Trung tâm này là « lỗ tai lớn nhứt hoàn cầu », vì nó có thể « nghe » một tiếng thờ dài phát ra cách đó 10 .cây số.

Mong lỗ tai người đừng nhảy đến bực đó, kéo thêm khổ nào. Sướng nhất là người điếc vì ai nói chi hay là đầu có... mắng chửi đi nữa thì cũng cười. Anh điếc là một triết-giả cóc cần thế sự !

PHỔ THÔNG VÒNG QUANH THẾ-GIỚI

● MỘT ĐIỆN ẢNH GIA... BẮT TỬ

Lần đầu tiên trong lịch sử Hàn-lâm-viện Pháp, một điện-ảnh gia được vào Hàn Lâm viện quốc-gia, nghĩa là viện của những người « Bất tử » (Immortels). Ông Hàn tốt số ấy là nhà đạo diễn René Clair, một nhân vật lỗi lạc đã từng làm rạng danh cho ngành điện-ảnh Pháp với những cuốn phim lịch sử, dàn cảnh vĩ đại không kém Cecil M. De Mille của Mỹ.

Có thể khuếch-dại 10 tỷ lần một tín hiệu vô tuyến từ quả đất đưa lên và phản truyền lại xuống đất.

Nếu mọi dự tính đều đúng thì những người dùng vô-tuyến truyền-hình từ lục địa Mỹ đến lục địa Nga sẽ có thể theo dõi cùng một lượt một chương-trình V.T.T.H. phát ra từ Mỹ.

Về sau này, loại Vệ-tinh Telstar sẽ là trạm vô-tuyến truyền hình trên không gian cho tất cả hoàn-cầu.

● ĐẠI-BÁC PHÓNG... ÁNH-SÁNG.

Mỹ. —

CHIẾU SÁNG MẶT TRĂNG

Các nhà bác-học Mỹ sẽ chiếu vào mặt trăng một luồng ánh sáng đỏ rất mạnh. Họ mong rằng ánh sáng ấy sẽ được mặt trăng phản chiếu lại.

Luồng ánh sáng ấy sẽ chiếu trên một bề ngang 32 cây số và mắt người thường không thể nhìn thấy được.

● VỆ-TINH VÔ-TUYẾN TRUYỀN-HÌNH.

Trong tháng này, Mỹ sẽ thử một vệ-tinh vô-tuyến truyền-hình mang tên Telstar. Vệ-tinh này đường kính chỉ có 85 phân và

Đó là loại đại-bác giống hệt một khẩu đại bác thường nhưng không nổ thành tiếng, không bắn đạn trái phá mà chỉ khạc một luồng ánh sáng nhỏ và vô hình đi rất xa với tốc-độ của ánh sáng (300.000 cây số một giây) phá hủy, giết chết tất cả cái gì nó xuyên qua.

Luồng ánh sáng này có thể làm nổ tung các hỏa tiễn và phi đạn đang bay ở trên trời.

Thế là trong cuộc « đấu phép » giữa Mỹ và Nga y hệt như xưa kia trong truyện Phong Thần Chúng ta thấy rằng hỏa tiễn đã thắng được máy bay phản lực, luồng ánh sáng vô hình đã thắng được hỏa tiễn, chỉ còn các vệ tinh nhân tạo

mang vũ khí giết người bay trong quỹ đạo là chưa có gì thắng được.

Hiện nay Mỹ cũng như Nga, đang rúng sức tìm kiếm cách tận dụng luồng ánh sáng vô hình ấy để diệt vệ-tinh.

Không biết ông Ê-dong và bà Ê-và khi sinh ra loài người, có nghĩ đến những sự ghê tởm ngày nay của bọn chít-chiu hàng triệu thế hệ sau này, gây ra không nhĩ ?

ANH.— XIN QUÁ GIANG... BỊ LỘT ÁO QUẦN

Hai cô thiếu nữ hơi hớ, một cô người Anh một cô người Á-nhĩ-Lan, là bạn đồng hành cùng nhau đi du-ngoạn. Muốn đỡ tốn tiền xe, các cô đã dùng cái lối « xin quá giang » (auto-stop). Hai cô gặp một chiếc xe hơi trên có một người đàn ông và 1 người đàn bà. Hai cô vẫy tay. Xe ngừng, hai cô tươi cười xin « quá giang ». Hai người trên xe vui vẻ nhận lời và 2 cô cũng

vui vẻ bước lên xe. Dọc đường, người đàn ông nói chuyện bô-bô và khoe mình là một nhà ảo thuật trứ, danh, có thể trói người thật chắc và chỉ hà một tiếng là giầy tuột ra ngay.

Đến một khoảng đường vắng xuyên qua rừng, cả 4 người xuống xe nghỉ ngơi và anh chàng muốn thử tài mình cho 2 cô xem. Hai cô thuận tình để cho chàng trói ké hai cánh tay ra sau và tươi cười chờ... nhà ảo thuật hô « thâu ». Ai ngờ đâu đã không hô « thâu » mà chàng ta lại thông dong tuột cả áo quần của hai thiếu-nữ rồi cũng thông dong lấy máy hình ra « thâu » hình hai tấm thân ngà ngọc đang quần quai vì xấu hổ, « thâu » xong, chàng ta và cô bạn gái thông dong lên xe đi mất.

Về sau, có người hỏi vì sao các cô không la thì các cô đỏ mặt mà nói : « la sợ có người chạy đến thêm mắc cở ». Câu chuyện buồn cười này âu cũng là một bài học cho các cô gái nhà ta hay có tánh « xin quá giang » vậy.

Á-PHI.—

CHẾT ĐI... SỐNG LẠI

Một cô gái 22 tuổi, đã chết đi và sống lại sau 24 giờ một cách rất ly kỳ. Cô đã đuối cả 2 mắt từ hồi nhỏ. Vừa rồi, sau một cơn bạo bệnh, cô chết hẳn và xác cô đã được đem chôn. 24 giờ sau, em gái cô đến mộ thăm thì thấy nấm mồ sụp xuống. Cô ta la hoảng lên thì nghe dưới đất có tiếng nói : « chị đang cố gắng chui ra đây ». Cô em hết hoảng chạy đi báo và người ta đã đem cô chị lên. Tuy rất yếu nhưng cô ta cũng còn nói được : « Bên kia thế giới, người đều trắng, thú vật lại biết nói và hạt kê to bằng cái đầu người ».

Các nhà y-học cho đó là một hiện trạng « hôn mê », nhưng vẫn không giải nghĩa được vì sao cô

gái lại sống dưới đất được 2 giờ mà không chết ngộp.

LIÊN HIỆP QUỐC.— MỘT BÁC SĨ CHO... 80.000 DÂN

Theo bản thống kê vừa rồi của Liên Hiệp Quốc thì ở Á-Phi là nước thiếu bác-sĩ nhất hoàn cầu.

Xứ Mali : 1 bác sĩ cho 80.000 dân.

Côte d'Ivoire : 1 bác sĩ cho 31.000 dân.

Ghana : 1 bác sĩ cho 25.000 dân

Trường Đại học nước ta đào tạo hằng trăm bác sĩ mỗi năm. Trong khi nước khác coi bác sĩ như vàng như ngọc, thì có người bên này đã vội lo rằng với cái đà hiện nay... bác sĩ sau này sẽ ế rề.

Oái ăm thay !

GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ

KÉO SINH TỐ
CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-ÓC
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ÁU-DƯỢC

SÁCH BÁO MỚI

★ Kinh Trường A-Hàm (*Digha Nikaya*)

Dịch-giả : *Thầy Thích-Trí-Đức.*

A-Hàm là bộ Kinh thông dụng nhất của phái Phật-giáo Tiểu-thừa, bên phái Đại-thừa ít người biết. Chứa đựng những giáo-lý nguyên-thủy của Đức Thích-Ca-Mâu-Ni, kinh Trường A-Hàm chia làm 4 phần : Tiền thân và Hiện thân của Phật — Quy tắc hành Đạo tại-gia — Phật và các giới ngoại đạo — Phật và thế-gian.

Thỉnh thoảng dịch giả có những lời chú thích tường tận. Một quyển Kinh cần thiết cho những người muốn nghiên-cứu thêm về Phật-giáo.

Phật-học-viện Trung-phần, Nha-Trang, xuất-bản. Dày trên 340 trang. Giá 60\$.

★ Nội-san **Thăng-Hoa**, số 6. Tiếng nói của Học-tăng Phật-học-đường Nam-Việt, đặc biệt Phật-dân.

Nhiều bài có giá-trị.

● **Ngày Vui** — Một tập chuyện ngắn gồm có 7 truyện và một du-ký, của ông Đặng-Trần-Huân.

Tác-giả Xuất-bản, Saigon, giá 32\$.

★ **Mùa Phụng-Vũ** — Thơ của Ô. Lương-Trọng-Minh

Tác-giả có ghi nơi bìa sau : « Riêng gửi Nam-nữ học-sinh ». Phần nhiều là những bài Thơ tình-tự yêu-đương giữa đám học-sinh trẻ tuổi, hoặc một vài khía cạnh khác trong đời học-sinh. Đại khái có những đề tài :

Ta chẳng yêu nàng, Hỡi cô Lê-Hà, Hạnh phúc yêu đời, Hoa đời thơ mộng, Học sinh giáo-sư, Vẻ số nàng ơi, v.v.. độ 60 bài. Tác-giả xuất bản. Giá 30\$.

★ **Giảng-văn Đệ nhất** (*Trung-học Đệ nhất cấp*)

của *Bàng-Bá-Lân, Giáo-sư Văn-chương.*

Sách Giáo-Khoa biên-soạn thật sát theo chương-trình của Bộ **Q. G. G. D.**, gồm cả Kim-văn, Ca-dao, truyện cổ, v.v... Tác-giả là một giáo-sư chuyên môn, đã ở lâu năm trong giáo-giới và văn-giới, nên quyển *giảng-văn* này có một giá-trị đặc-biệt, rất cần-thiết cho các giáo-sư và học-sinh.



★ Nhận được báo biểu và không nhận được...

... Chúng tôi đã tiếp đặng 3 Tạp chí *Phổ-Thông* số 78, 79 và 80 của cô gởi tặng.

Tiếp theo bức-thư vừa gởi đến Cô, chúng tôi xin chân thành cảm tạ Cô và cầu chúc quý tạp chí luôn luôn mạnh tiến trên đường phục-vụ và đạt thành ý nguyện đúng với ý nghĩa 2 chữ « *PHỔ-THÔNG* » giữa đồng-bào trong cũng như ngoài nước.

Kính chào Cô,

HUYỀN-TẤN-THOM

*Trung-Tâm Huấn-Luyện CSCA
Rạch-Dừa (Vũng-Tàu)*

★ 17-5-1962. — Thưa Cô,

Tôi đang thắc-mắc không hiểu vì sao tôi chưa được hân hạnh nhận số báo biểu theo lời hứa của cô trên *Phổ Thông* số 77 về câu hỏi đặc-biệt của Cô. Tôi xin nói rõ để cô khỏi hiểu lầm rằng tôi chỉ nghĩ tới 3 tháng báo ấy, vì từ số 77 ấy tới nay đều đều mỗi tháng tôi vẫn có đủ 2 số, bằng cách mua như thường lệ. Trường hợp tôi là một độc giả rất quen và trung thành với PH. TH. thì không hề gì, nhưng đối với những độc giả mới làm quen với PH. TH. thì rất ái-ngại vậy. Sở dĩ tôi viết bức thư này vì tôi nghĩ rằng có lẽ vì công việc bận rộn mà Cô chưa thực hiện xong lời hứa đấy thôi ?

Trước khi ngưng lời, tôi xin chúc Cô gặp nhiều may-mắn trên đường phục-vụ cho Văn-hóa nước nhà, chúc *Phổ-Thông* trăm tuổi.

Một độc-giả trung-thành,

LÊ QUANG SANH

702/9 Phan-thanh-Giản

SAIGON

Thưa ông,

... Chiều ngày 25-4-62 nhân viên Bưu-điện Nha-trang đem đến nhà tôi trao một phong bì do quý tạp-chí thân tặng báo Phò-thông số 78 trong dịp tôi đáp trúng câu hỏi đặc-biệt của cô Diệu-Huyền trong Phò-Thông số 77. Tiếp được số báo tặng ấy tôi rất vui mừng, danh-dự hơn là được vé số trúng hai con lãnh 100 đồng. Tôi quý số báo ấy lắm, mặc dù tôi đã mua sẵn rồi. Xin cảm ơn quý tạp chí, mà nhất là cô Diệu-Huyền đã giữ đúng lời hứa và đã đặc-biệt chiếu cố đến các bạn đáp trúng như tôi chẳng hạn.

*Cảm ơn cô Diệu Huyền,
Đặc biệt chiếu cố riêng.
Tặng quà người đáp trúng,
Giữ đúng theo lời truyền.*

VÕ-KHẮC-CÁN

22/2-A Sinh-Trung, Nha-Trang

★ **Ông Ngô Văn Chúc — 142, Phan-bội-Châu Huố**

Chúng tôi đã gửi báo biểu đến địa chỉ ông đã ghi ở trên, nhưng số bưu điện trả lại và đề bên ngoài : « không có ». Vậy xin ông cho địa chỉ khác. Cảm ơn.

(Nhận tin lần thứ hai).

★ **Ô. Phan Văn Đợi, xóm Phú-An, Phú-nhuận Huố**

Những số báo chúng tôi gửi tặng ông theo đúng địa chỉ của ông ghi trong thư, đều bị nhà Bưu-điện gửi trả lui, vì « không có số nhà, hỏi nơi đây không ai biết ». Vậy xin ông cho địa-chỉ khác. Cảm ơn.

● **Phúc đáp chung về một vài thắc-mắc.**

Đến nay, 7-6 1962, chúng tôi tiếp được tất cả 3 bức thư phản nản không nhận được báo biểu, một cô giáo-viên ở Vũng-tàu, một bạn ở Sài-gòn, và một bạn học sinh ở Đà-nẵng, và nhiều

bạn cho biết về những số 80, 81 đến trễ. Nay xin trả lời chung :

1.— Các bạn nhận 2 kỳ báo chậm trễ, vì một vài lý-do sau đây :

— Nhà báo gửi cả báo tặng, báo mua năm, trong nước và ngoại-quốc mỗi kỳ tất cả trên 2.000 số, và gửi lần-lượt từng nơi tùy theo địa phương. Trước khi gửi, nhân viên còn phải cột giấy, bọc giấy đảng-hoàng và biên địa-chỉ. Rồi phải kiểm soát lại. Công-việc ấy tốn khá nhiều thì giờ đối với 2000 tập báo gửi đi mỗi kỳ. Chúng tôi vẫn cố gắng gửi báo đi sớm được ngày nào hay ngày ấy.

— Giao thông bây giờ khó khăn. Gửi máy bay, nhiều gói báo thỉnh thoảng có thể bị hàng Hàng-không Việt-nam bỏ lại các chuyến khác để nhường chỗ cho hành khách quá đông.

— Gửi xe lửa chậm hơn trước 3, 4 ngày hoặc một tuần vì xe lửa bây giờ phải đi ban ngày, không đi đêm như trước, có khi bị mất báo, (trường hợp xe lửa thường bị nạn).

— Gửi xe đò cũng thế.

2.— Chúng tôi không bao giờ gửi biểu « báo ế », vì là gián-đị nhất là P. T. có rất ít báo ế, và lại những số báo phát hành hôm nay thì 2 tháng sau nhà tổng phát hành Thống-nhất mới gửi trả lại cho chúng tôi những số báo ế do các đại lý gửi về.

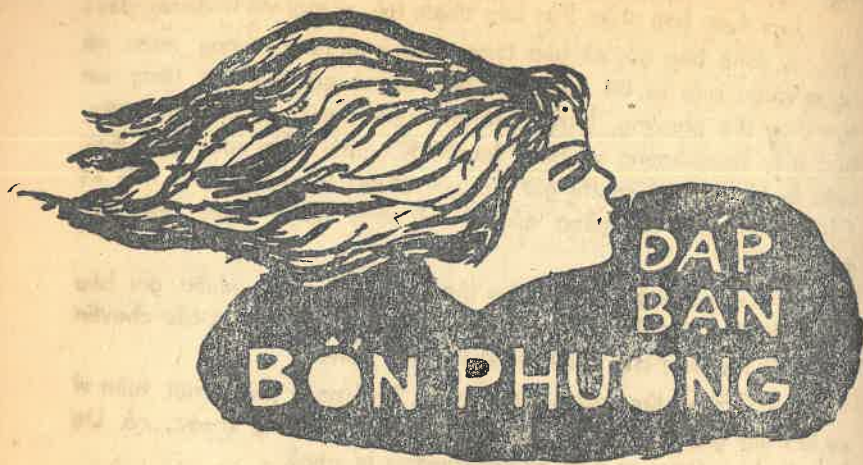
3.— Báo gửi đi các tỉnh, các quận, các thôn, nếu có số nào thất lạc ở dọc đường, chúng tôi không thể nào kiểm-soát được, và không chịu trách nhiệm. Nhưng nếu bạn nào không nhận được báo, xin viết thư cho chúng tôi. Chúng tôi rất vui lòng gửi báo lại lần thứ hai. Xin nhớ cho quý danh và Địa-chỉ thật rõ ràng.

Chào thân-mến

HỖ - TÍN

Xin thành-thật mừng bạn Huỳnh-Minh-Cảnh, Hàng-Không Việt-Nam, và quý phu-nhân, nhân dịp lễ thành-hôn trưởng-nam HUỖNH-MINH-TRUNG đẹp duyên với cô PHAN THỊ THỌ, ái-nữ của ông bà Phan Quang Vinh. 611/23 Phan thanh-Giản, Sài-gòn, và xin chúc đôi tân-hôn được hạnh-phúc lâu bền.

NGUYỄN-VỸ



CÁO LỖI

Vì dọn về nhà-in mới, công việc kỹ-thuật chưa kịp tổ-chức hoàn-bị, nên Phở-Thông số 80 và 81 đóng kềm không được kỹ, nhiều tập bị sút ra. Nhà in xin thành-thật cáo-lỗi cùng Bạn đọc. Bắt đầu từ số này trở đi, (số 83), tập báo đóng chắc-chắn, không sút kềm nữa.
P.T.



★ Ô Nguyễn ngọc Chiết, Duy-Xuyên, Quảng nam

● Hiện nay, chỉ Anh-quốc là có Nữ-Hoàng, vì Vua George VI không có con trai. Chế-độ Quân-chủ của Anh rất là dân-chủ, vì theo Quân-chủ Lập-hiến Anh, Anh-Hoàng chỉ có trị-vị (to reign) mà không cai-trị (not to govern).

★ Ông Ngô văn-Đức, Pleiku.

Về vấn-đề lương của Tổng-thống, chúng tôi không được rõ. Ở các nước như Anh, Pháp, Mỹ, v.v..., lương của Vua hay của Tổng-Thống, đều do Quốc-Hội định đoạt.

★ Bạn Diệu-Hòa, Phan-Thiết

● Theo tình-hình xuất-bản ở Việt-Nam hiện nay, muốn xuất bản một tập thơ, phải tự mình bỏ tiền ra in, chứ không có nhà xuất bản nào nhận mua bản-quyền đâu.

● Ấn-phí in một quyển sách tùy theo sách dày hay mỏng, in nhiều hay ít, giấy đẹp hay xấu.

● Thành thật mừng bạn đã thi-đỗ hạng Bình

★ Em Jean N.V.Lê, Nha Trang.

W.C. (buồng Vệ-sinh) : Water Closet

S.O.S : Save Our Soul (Hãy cứu linh-hồn chúng tôi.) Tiếng gọi cấp cứu, dùng nghĩa rộng.

★ Bạn Nguyễn thị Mỹ-Thu, Huế

Bạn có bệnh Huyết-bạch đấy, nên đi Bác-sĩ liền, đừng có dầy dụa. Không có đường-kinh cũng nên đi B.S. khám và chích thuốc. Cảm ơn thư bạn nhiều.

★ Bạn H. H. H. Đà-nẵng

Bị ghê ngứa, nên tắm bằng xà-phòng đen, hoặc phisohex, rồi xúc thuốc Spécilline, hoặc auréomycine bột.

★ Bạn Trần-quang-Nha, Nha-trang

4-1-1943 = 28 tháng 11 — Quý-Mùi.

★ Ô. Lê-thành-Lư, chi-đoàn C.C.C.M.Q.G. An-xuyên

Tôi thấy ở Institut linguistique, Passage Eden, Saigon. có bán 2 loại đĩa học Anh-ngữ : Linguaphone, và B.B.C, ông nên viết thư trực tiếp hỏi nơi ấy.

★ Ô. T. đ. Quang, Saigon

Hồi chiến tranh 14-18, nhiều tàu bè đi từ Âu sang Viễn-đông thường phải đi vòng Cap de Bonne Espérance, để tránh Hồng-Hải bị Đức và Thổ-nhĩ-Kỳ đánh phá. Dĩ nhiên là sông đào Suez đã có từ đời Napoléon III, nhưng chúng tôi muốn đề nguyên văn của tác-giả.

★ Ông Trương Như Tấn 72 đường Nguyễn-Huệ Huế

Câu đối đó của Trần Quýnh Minh 陳炯明 對 Tôn-Vấn, theo

trí nhớ của chúng tôi như sau đây :

« Duy anh hùng nấng sát nhân hoạt nhân, công thủ tội khôi,
kru đắc thiên thu thanh-sử tại ;

« Dữ cố giao tằng tái chiến tam chiến, tư tình công nghị
toàn bằng nhất phiến xích tâm tri.

惟英雄能殺人活人，功首
罪魁，留得千秋青史在；
與故交曾再戰三戰，私情
公誼，全憑一片赤心知

Xin tạm dịch :

« Chỉ anh hùng làm chết người sống người, tội trước công
đầu, còn để được ngàn thu sử biếc ;

« Cùng cố giao đánh vài trận ba trận, tình riêng nghĩa cả
biết nhờ nơi một tấm lòng son. (Minh-Tải dịch)

* Ông L.-trọng-Minh

15-9-1937 = 11-8, Đinh-Sửu

15-9-1933 = 26-7, Quý-Dậu.

* Cô Quách thị Lài—Nữ sinh Marie Curie— Saigon

Mời cô ghé lại Tòa-soạn để nhận bức thư trả lời của ông
Nguyễn-văn-Côn, Paris. Hoặc cô cho địa-chỉ riêng thật rõ-ràng.

* Ô. Ng-văn-Phác, Phan-thanh-Giản, Saigon

Xin thành thật cảm ơn thịnh-tình của ông và ông Ng-văn,
Thuyết, Biên-Hòa. Tôi rất đồng-ý với hai ông về những tư-
tưởng của Krishnamurti. Tôi có đọc « Aux pieds du Maître » và
mấy tác phẩm khác của Annie Besant. Bài của Ô. L. trong tạp
chí L.Đ thiếu căn-bản nhiều quá. Đáng tiếc. Đọc một quyển « De
l'Education » của Krishnamurti, chưa có thể hiểu được Krishna-
murti. Chắc hai ông đồng-ý như thế.

● Cô Phan thị Ngọc A, Quảng-ngãi.

29-3-1947 = 7 tháng Hai nhuận, Đinh-Hợi.

29-3, Bính-Tuất = 30-4-1946.

* Bạn Diệu-Lan, Đ. H. Văn-Khoa, Saigon.

● Hạng gái hiếm rất ít hoặc không thể thọ-thai, vì nhiều
lý-do. Hoặc họ đã uống thuốc trừ thai, hoặc có những phương-
pháp bí-mật trừ thai, v.v... (vấn-đề này không tiện nói nhiều).

● Người bạn ấy, mãi đến khi thai được 2 tháng mới biết,
vẫn không có hại gì đến sức khoẻ đứa bé sau này.

● Với những người kinh-nguyệt không đều, 2 hay 3 tháng
mới có một lần, đến khi thọ thai vẫn có những triệu chứng thông-
thường rất dễ biết, nhất là nôn, ọ.

● Những gia-đình hiếm con là do nhiều nguyên nhân, không
thề giải thích đầy đủ trong mục này được.

● Bạn hỏi : « Tại sao Thượng-đế bắt công không cho
người đàn-bà biết người chồng mình có còn « trinh » hay không ? »

Câu hỏi ấy họa may chỉ có « Thượng-Đế » trả lời được mà thôi !
Chúng ta là con của Ngài, Ngài cho sao chúng ta chịu vậy, chứ
nên oán trách Ngài làm chi. Nhưng theo nguyện của Diệu-Huyền, thì
Thượng-Đế không bắt công đâu. Ngài ban cho bạn gái chúng ta tấm
màn trinh quý báu ấy thì Ngài cũng ban cho chúng ta một nhan sắc
diễm-kieu, « mây ngài, mặt-phượng », « má hồng », « môi son » và
bộ ngực nở-nang vun tròn, trong khi đàn ông xấu-xí, cục mịch, râu
ria xồm-xoàm, to xương, ngực lép, chẳng có một chút thâm-mỹ
nào cả. Ấy là Luật Thừa-trừ của Tạo-hóa (La Loi de Compensation)

* Bạn Phan thành-Lập, Mỹ-Tho

Những chữ : « Huấn-từ, huấn-thị, hiểu-thị, v.v... là những
danh-từ phong-kiến do một số người còn óc quan-liêu lạm dụng,
chứ các nước dân-chủ chân-chính không có ngôn-ngữ ấy. Dù là
Đức giáo-Hoàng hay các vị Tổng-Thống Mỹ, Pháp, hay Nữ Hoàng
Anh cũng chỉ dùng những chữ thông thường như : Proc'amation,
harangne, Message, Speech, address, oration, v.v.. đều có nghĩa là
« tuyên-bố, công-bố, tuyên-cáo », v.v...

Chúng tôi cũng đã nhiều lần ngạc-nhiên đọc trong các bản
thuyết trình những câu sau đây : « Ngài Quận-Trưởng có ban huấn-
từ... », « Trong dịp Tết Nguyên-đán ông Tỉnh-trưởng có ban huấn-từ
chúc Tết (!) v.v...

★ **Bạn Hồng-Khuê, Phan-Thiết**

● Nữ-sĩ Hồ-xuân-Hương là một nhà thơ cách-mạng hơn là lãng-mạn.

● Trong Văn-học-sử Việt-Nam, phong-trào văn-thơ lãng-mạn chỉ mới phát hiện hồi đầu Thế-kỷ XX. Chu-Mạnh-Trinh là một nhà Thơ cổ-diễn, không thể gọi là nhà Thơ lãng-mạn được.

★ **Bà Yến-Nhi, Đà-nẵng.**

● Đau buồng-trứng, nên đến nữ Bác-sĩ chuyên-môn.

● Không có con, do nhiều nguyên-nhân, cần phải có Bác-sĩ khám.

● Trong trường-hợp của bà, không phải là không có con. Có thể có con muộn.

★ **Bạn Thu-Vân, Saigon**

Cha mẹ hôn con trên trán, anh em chị em hôn hai bên má. Vợ chồng, hay tình nhân, hôn trên môi.

Theo phép xã-giao Tây-phương, đàn ông hôn bàn tay đàn-bà, là tỏ sự kính-trọng. Trong trường hợp này, người đàn ông phải lễ-phép cúi mình xuống, và chỉ khề năm mấy đầu ngón tay đàn bà, và đặt môi phớt lên thôi.

THUỐC MUỐI SÙI TẮM

VECENO

Chuyên trị:

BÓN-Ợ CHUA-BUỒN NÔN-ỢI MỬA
 ẨM KHÔNG TIÊU-NO HƠI-SỎI RƯỢT
 BAO-TỬ CỎ RÚT

CÓ BÁN KHẮP
 .DUỐC-PHÔNG AU-MỸ



KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Điện-thoại: 23.187

●

Phạm - văn - Lạng

Giám - Định Trắc - địa - sự
 Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

BỊNH ĐAU THẬN

CƠ THỂ SUY NHƯỢC

Liệt dương bất lực, thân hình ốm yếu, lưng đau, đầu nhức, mắt mờ, biếng ăn mất ngủ, bết muốn hoạt động vì lý do phí sức thức đêm, sắc dục quá độ sanh ra mộng mị di tinh, muốn dứt bệnh Đau Thận uống thuốc CƯỜNG THẬN TINH QUẢNG AN HÒA tráng dương bổ thận tăng cường sinh lực, ăn ngon ngủ được khoẻ, mạnh.

Bệnh đau gan, yếu gan

GAN NÓNG HÒA VỌNG, táo bón nổi mề đay, nổi mụn sần ngứa ở mặt, môi miệng lở, nổi hạch, nhọt, ghè, da thịt phù thũng, thường chóng mặt da vàng mét, suy kém, biếng ăn, mất ngủ. Thanh niên. Phụ nữ, phần nhiều bị chứng bệnh trên đây, do nơi uống cà phê, trà đậm, rượu nóng sanh ra, nên dùng thuốc ĐAU GAN SỐ : 1 QUẢNG AN HÒA thanh lọc thông đường tiêu tiện chắm, dứt bệnh đau gan. Lành bệnh uống thêm thuốc BỔ GAN SỐ : 2 QUẢNG AN HÒA bồi bổ lá gan, điều hòa cơ thể, ăn ngon, ngủ được, đem lại sức khoẻ và sắc đẹp, màu da. (có bán khắp nơi) Đông dược sĩ: LÝ TRẮC,

169 Lê-văn-Duyệt — Saigon

4 Dược phẩm của Bác-sĩ ĐẶNG-VĂN-HỒ

MORINDOL

Tất cả các đức tính của rễ nhàu mà Bác sĩ Hồ đã tuyên bố từ năm 1953-55 nay đã được nhiều nhà bác học ngoại-quốc công nhận sau nhiều cuộc thí-nghiệm. Họ đã công nhận *rễ nhàu là môn thuốc rất hiệu nghiệm đối với chứng lên máu (Hypertention artérielle)*. Nước Pháp đã cho phép dùng rễ nhàu (visa số 22.774 — 18-927).

MORINDA NERVA

« Nếu tôi phải kể những chứng bệnh mà tôi đã thí-nghiệm bằng thuốc này và có kết quả rõ ràng thì đây là danh sách những bệnh ấy. *Bệnh khó ngủ, ngủ không êm giấc, hay buồn rầu (neurasthénie), hay xúc động (nervosité malade), hay lo âu, hồi hộp, tim đập không đều, tinh thần mệt mỏi, hoảng hốt, không tỉnh táo (gâtisme) v.v...*

« Thuốc này rất công hiệu đối với những chứng bệnh nói trên »

Ngoài ra đối với những học-sinh cần thêm sáng dạ thì thuốc này còn có công-dụng huyền-diệu không thuốc nào bằng. (B. s. Đặng văn Hồ).

COQUELUCHE

Trị bằng thuốc này bệnh *Ho Gà* chỉ trong 2 tuần lễ có thể lành và đứa bé vẫn ăn ngủ điều hòa nên ít bị các biến chứng nguy hiểm. *Coqueluchine* trị *Ho Gà* theo một nguyên tắc hoàn toàn mới là một thứ thuốc tiên-phong trong cách trị bệnh này.

HEMOPTYSOL

Trị chứng *thở huyết* rất hiệu nghiệm và ngừa biến chứng rất hay.

Nếu bệnh *nhơn* không còn phải sợ chứng *khái huyết* nhờ có thuốc *Hémoptysol* thì chắc chắn bệnh *lào* sẽ không còn là chứng bệnh nan-y.

Bốn dược-phẩm kể trên có bán tại các nhà thuốc Tây và các Dépôts

Bán sỉ tại 246 đường Cống-Quỳnh Saigon.

COQUELUCHE

HEMOPTYSOL

• ĐÀ PHÁT HÀNH

GIẢNG - VĂN ĐỀ - THẮT

Của G. S. BÀNG-BÀ-LÂN

- Soạn theo đúng chương-trình hiện hành của Bộ Q.G.G.D.
 - Trình bày mới lạ — Nhìn xét khác thường.
 - Phương-pháp giảng minh — Nhiều hình ảnh đặc-biệt
- Sách dày trên 200 trang, khổ 16x23cm. Giá : 40đ.

Nhà sách XÂY-DỤNG xuất bản
361/31 Phan-đình-Phùng, Saigon

Dùng KEM LIP

*Răng mới trắng,
Nụ cười mới xinh*

CÓ BÁN KHẮP NƠI

TRONG MỌI GIA-ĐÌNH

XÁ-XỊ
HỎA-TIẾN

Được mọi
người ưa
ch u ộ n g

MUỐC NGỌT "CON CỌP" Ở ĐÁU
RẦY LẢ KHỎE, MẠNH, SỐNG LÂU,
YÊU ĐỜI



Tinh chế với rễ cây xá xị chọn lọc, không pha thêm hương chất giả tạo, **XÁ XỊ HỎA TIẾN** thơm ngát một hương vị đặc biệt, tự nhiên, của rễ cây xá xị, không có mùi vị hắc gắt, khó uống. Giữ nguyên được mọi dược tính căn bản quý giá của rễ cây xá xị, như: giải cảm, lọc máu, trị tê thấp, trừ tiêu chảy, chống bệnh suy nhược, lại thêm tinh chất thơm ngon, tinh khiết, **XÁ XỊ HỎA TIẾN** xứng đáng là món giải lao của mọi người, trong mọi gia-đình.

XỔ-SỐ KIẾN-THIỆT QUỐC-GIA

GIÚP NƯỚC THÊM NHÀ

TA THÊM CỦA

LÒ ĐỘC ĐẮC

1.000.000\$

Xổ Thứ Ba Hàng Tuần
mỗi vé 10\$

Thần-Tài chẳng vị riêng ai
cứ mua vé số
thì Thần-Tài sẽ đến thăm

Asphélyne

KIM QUAN

Đặc biệt trị: SUYỄN

Không thua gì thuốc ngoại quốc

PHARMACIE KIM-QUAN
SỐ 1 CHỢ BẾN THÀNH SAIGON

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản nhiệm: **NGUYỄN-VỸ**

In tại THƯ LÂM ẤN THƯ QUẢN
231-233, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn

4 Dược phẩm của Bác-sĩ ĐẶNG-VĂN-HỒ

M
O
R
I
N
D
O
L

★
M
O
R
I
N
D
A

MORINDOL

Tất cả các đức tính của rễ nhàu mà Bác sĩ Hồ đã tuyên bố từ năm 1953-55 nay đã được nhiều nhà bác học ngoại-quốc công nhận sau nhiều cuộc thí-nghiệm. Họ đã công nhận rễ nhàu là môn thuốc rất hiệu nghiệm đối với chứng lên máu (*Hypertension artérielle*). Nước Pháp đã cho phép dùng rễ nhàu (visa số 22 774 — 18-927).

MORINDA NERVA

« Nếu tôi phải kể những chứng bệnh mà tôi đã thí-nghiệm bằng thuốc này và có kết quả rõ ràng thì đây là danh sách những bệnh ấy. *Bệnh khó ngủ, ngủ không êm giấc, hay buồn rầu (neurasthénie), hay xúc động (nervosité malade), hay lo âu, hồi hộp, tim đập không đều, tinh thần mệt mỏi, hoảng hốt, không tỉnh táo (gâtisme) v.v...*

« Thuốc này rất công hiệu đối với những chứng bệnh nói trên »

Ngoài ra đối với những học-sinh cần thêm sáng dạ thì thuốc này còn có công-dụng huyền-diệu không thuốc nào bằng. (B. s. Đặng Văn Hồ).

COQUELUCINE

Trị bằng thuốc này bệnh *Ho Gà* chỉ trong 2 tuần lễ có thể lành và đứa bé vẫn ăn ngủ điều hòa nên ít bị các biến chứng nguy hiểm. *Coqueluchine* trị *Ho Gà* theo một nguyên-tắc hoàn toàn mới là một thứ thuốc tiên-phong trong cách trị bệnh này.

HEMOPTYSOL

Trị chứng thổ huyết rất hiệu nghiệm và ngừa biến-ứng rất hay.

Nếu bệnh nhưn không còn phải sợ chứng khái huyết có thuốc *Hémoptysol* thì chắc chắn bệnh lao sẽ không còn là chứng bệnh nan-y.

Bốn dược-phẩm kể trên có bán tại các nhà thuốc Tây và các Dépôts

Bán sỉ tại 246 đường Cống-Quỳnh Saigon.

COQUELUCINE ★ HEMOPTYSOL